 

**NGÂN HÀNG THẾ GIỚI**

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**SỔ TAY**

**THANH TRA KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**MỤC LỤC**

[LỜI GIỚI THIỆU 2](#_Toc34142138)

[PHẦN A. NỘI DUNG 3](#_Toc34142139)

[I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ, HOẠT ĐỘNG THANH TRA NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ 3](#_Toc34142140)

[1. Lịch sử hình thành và vai trò của thanh tra kế hoạch và đầu tư 3](#_Toc34142141)

[2. Tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư 4](#_Toc34142142)

[II. QUY TRÌNH, NỘI DUNG THANH TRA CHUYÊN NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ 12](#_Toc34142143)

[1. Yêu cầu cơ bản tiến hành cuộc thanh tra 12](#_Toc34142144)

[2. Quy trình tiến hành cuộc thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư 1](#_Toc34142145)6

[3. Nội dung thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư 29](#_Toc34142146)

[III. MỘT SỐ VÍ DỤ CỤ THỂ VỀ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ 37](#_Toc34142147)

[1. Bộ KH&ĐT thanh tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công tại địa phương 37](#_Toc34142148)

[2. Bộ KH&ĐT thanh tra việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT) do Bộ GTVT là cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 53](#_Toc34142149)

[3. Bộ KH&ĐT thanh tra việc thực hiện dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư tại địa phương 69](#_Toc34142150)

[4. Sở KH&ĐT thanh tra việc thực hiện đấu thầu, đầu tư xây dựng tại huyện. 7](#_Toc34142151)7

[PHẦN B. PHỤ LỤC 90](#_Toc34142152)

[1. Tham khảo mô hình tổ chức của Ban thanh tra các dự án trọng điểm thuộc Ủy ban Cải cách và Phát triển Trung Quốc 90](#_Toc34142153)

[2. Một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan hoạt động thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư 91](#_Toc34142154)

[3. Một số mẫu, biểu áp dụng trong hoạt động thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư 94](#_Toc34142155)

# LỜI GIỚI THIỆU

Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thanh tra theo ngành, lĩnh vực; ở Trung ương có Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư. Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi quản lý nhà nước của ngành Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của pháp luật. Từ khi thành lập năm 2003 đến nay, Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư đã từng bước trưởng thành và hoàn thiện về cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ; vị trí của Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư trong hệ thống thanh tra nhà nước được khẳng định; kết quả công tác thanh tra đã đóng góp rất lớn vào việc hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật nói chung và cơ chế, chính sách, pháp luật trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư nói riêng.

Trong bối cảnh phân cấp ngày càng mạnh mẽ tại nhiều lĩnh vực: đầu tư công, đấu thầu, đầu tư, đăng ký kinh doanh... thanh tra có vai trò ngày càng lớn trong công tác quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, đòi hỏi công tác thanh tra cần phải chuyên nghiệp hơn, chuẩn mực hơn, tổ chức và hoạt động như một thể thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Trên tinh thần đó, được sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới, Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành biên soạn cuốn **Sổ tay Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư**.

**Sổ tay Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư** cung cấp cho cán bộ, công chức thanh tra Kế hoạch và Đầu tư những thông tin hữu ích nhất về cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư cũng như trình tự tiến hành một cuộc thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư, đưa ra một số ví dụ về thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư, cụ thể: thanh tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công tại địa phương; thanh tra việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT) trong lĩnh vực giao thông; thanh tra việc thực hiện dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư tại địa phương; thanh tra việc thực hiện đấu thầu, đầu tư xây dựng tại cấp huyện. (Lưu ý: một số nội dung trong ví dụ được cung cấp nhằm mang tính minh họa về thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, không nhất thiết phản ánh chính xác khung khổ pháp lý tại thời điểm ban hành Sổ Tay). Ngoài ra, danh mục các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và một số mẫu, biểu áp dụng trong hoạt động thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư cũng được đính kèm tham khảo.

Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng giới thiệu **Sổ tay Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư** tới toàn bộ cán bộ, công chức thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư.

# PHẦN A. NỘI DUNG

## VỊ TRÍ, VAI TRÒ, HOẠT ĐỘNG THANH TRA NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

### Lịch sử hình thành và vai trò của thanh tra Kế hoạch và Đầu tư

Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư được thành lập ngày 19/8/2003 theo Quyết định số 614/QĐ-BKH của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2004.

Ngày 01/6/2004, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 02/2004/TTLT/BKH-BNV hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư ở địa phương, trong đó hướng dẫn việc thành lập tổ chức Thanh tra tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tại các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương.

Trên cơ sở quy định của pháp luật, Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng đã được thành lập và bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2004. Như vậy, Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư bắt đầu hình thành từ cuối năm 2003 ở Trung ương (Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và năm 2004 ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư), tạo thành hệ thống Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư trên cả nước.

Theo quy định tại Luật Thanh tra, Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24/12/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư thì Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thanh tra theo ngành, lĩnh vực thuộc hệ thống cơ quan thanh tra nhà nước, ở Trung ương có Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư, giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra hành chính đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ; tiến hành thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật. Ở địa phương có Thanh tra Sở kế hoạch và Đầu tư là cơ quan của Sở Kế hoạch và Đầu tư, giúp Giám đốc Sở tiến hành thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trong phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

Thanh tra Bộ chịu sự chỉ đạo, điều hành của Bộ trưởng và chịu sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ. Thanh tra Sở chịu sự chỉ đạo, điều hành của Giám đốc Sở; chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra và hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ. Trong mối quan hệ với Thanh tra Sở, Thanh tra Bộ có trách nhiệm: (i) hướng dẫn Thanh tra Sở tổ chức xây dựng kế hoạch thanh tra chuyên ngành; (ii) kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Sở; (iii) tổ chức tập huấn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra Sở.

Thanh tra Sở có trách nhiệm báo cáo Thanh tra Bộ tình hình và kết quả thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành, trong đó Thanh tra Sở phải gửi báo cáo Quý I trước ngày 15/3, báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm trước ngày 15/6, báo cáo 9 tháng trước ngày 15/9; báo cáo tổng kết năm trước ngày 15/12 (chế độ thông tin, báo cáo, biểu mẫu, đề cương báo cáo của Thanh tra Sở được quy định cụ thể tại Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT ngày 26/11/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Bên cạnh đó, ngoài việc báo cáo định kỳ, Thanh tra Sở còn có trách nhiệm báo cáo đột xuất các nội dung liên quan đến thanh tra chuyên ngành về Thanh tra Bộ khi có yêu cầu. Trên cơ sở báo cáo của Thanh tra Sở, Thanh tra Bộ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng Thanh tra Chính phủ tình hình và kết quả thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư.

Bên cạnh mối quan hệ về chuyên môn, nghiệp vụ, Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư còn có các mối quan hệ với Kiểm toán Nhà nước, các cơ quan thanh tra khác, trong đó nổi bật là mối quan hệ xử lý, giải quyết các tình huống chồng chéo, trùng lắp trong hoạt động thanh tra. Theo đó, trong quá trình thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm, nếu phát hiện chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra thì cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra phải phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để xử lý. Việc xử lý chồng chéo được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

- Kế hoạch thanh tra của Bộ chồng chéo với kế hoạch thanh tra của Thanh tra Chính phủ thì Thanh tra Chính phủ tiến hành thanh tra.

- Kế hoạch thanh tra của Bộ, của Sở chồng chéo với kế hoạch thanh tra của các Bộ, Sở, ngành khác thì căn cứ quy định pháp luật quy định Bộ, Sở, ngành nào quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thì Bộ, Sở, ngành đó tiến hành thanh tra.

- Kế hoạch thanh tra của Bộ chồng chéo với kế hoạch thanh tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư thì Thanh tra Bộ tiến hành thanh tra.

- Kế hoạch thanh tra của Bộ chồng chéo với kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh thì căn cứ quy định pháp luật về thanh tra và phân cấp quản lý nhà nước giữa Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với nội dung thanh tra để xác định Thanh tra Bộ hoặc Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tiến hành thanh tra.

- Kế hoạch kiểm tra của Bộ chồng chéo với kế hoạch kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước, kế hoạch thanh tra của Thanh tra Chính phủ, các Bộ, ngành thì tùy theo nội dung kiểm tra đã được phê duyệt, đơn vị chủ trì cuộc kiểm tra xem xét không tiến hành cuộc kiểm tra mà có thể sử dụng kết quả kiểm toán, thanh tra.

### Tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư

#### Hệ thống tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn

Cơ cấu, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư được quy định cụ thể tại Luật Thanh tra, Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24/12/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 1878/QĐ-BKHĐT ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Bộ; các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Sở KH&ĐT, theo đó,

*Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:*

(1) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(2) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy tắc quản lý về kế hoạch và đầu tư của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(3) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác thanh tra trình Bộ trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện; theo dõi, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ lập kế hoạch kiểm tra hằng năm và tổng hợp trình Bộ trưởng phê duyệt; chủ trì xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

(4) Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của đơn vị và theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tham mưu, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng.

(5) Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Thường trực của Bộ về công tác phòng, chống tham nhũng.

(6) Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư theo quy định của pháp luật.

(7) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng văn bản pháp luật về công tác thanh tra; khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực kế hoạch, đầu tư phát triển và thống kê.

(8) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kế hoạch, đầu tư phát triển và thống kê; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

(9) Hướng dẫn Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê địa phương trong việc thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê.

(10) Bồi dưỡng nghiệp vụ về thanh tra chuyên ngành; hướng dẫn định hướng chương trình, kế hoạch công tác thanh tra chuyên ngành hằng năm cho Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê và Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

(11) Tổng kết, rút kinh nghiệm, xây dựng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư.

(12) Trưng tập cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan tham gia Đoàn thanh tra của Bộ.

(13) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, khiếu nại, tố cáo.

(14) Kiến nghị, đề xuất việc thanh tra lại đối với các kết luận thanh tra chuyên ngành về kế hoạch và đầu tư, thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; thanh tra lại vụ việc khi được Bộ trưởng giao.

(15) Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

(16) Thực hiện chế độ quản lý cán bộ, công chức và tài sản theo sự phân cấp; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng.

Thanh tra Bộ có tài khoản và con dấu riêng; Lãnh đạo Thanh tra gồm: Chánh Thanh tra và một số Phó Chánh Thanh tra.

*Thanh tra Bộ có các phòng chức năng sau*:

+ Phòng Tổng hợp: có chức năng giúp Chánh Thanh tra công tác tổng hợp, báo cáo, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác; xây dựng các văn bản pháp luật; tổ chức cán bộ; thi đua, khen thưởng; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra; giám sát hoạt động các Đoàn thanh tra; thanh tra lại; công tác hành chính, văn thư của Thanh tra Bộ.

+ Phòng Thanh tra 1: có chức năng giúp Chánh Thanh tra quản lý về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; theo dõi, tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra trong các lĩnh vực: quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đầu tư phát triển; thống kê.

+ Phòng Thanh tra 2: có chức năng giúp Chánh Thanh tra quản lý về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; theo dõi, tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra trong các lĩnh vực: quản lý các khu kinh tế; phát triển doanh nghiệp; đăng ký kinh doanh; kinh tế tập thể, hợp tác xã.

+ Phòng Thanh tra 3: có chức năng giúp Chánh Thanh tra quản lý về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; theo dõi, tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra trong các lĩnh vực: đấu thầu; đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài; đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP); quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi và viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

+ Phòng Thanh tra 4: có chức năng giúp Chánh Thanh tra quản lý về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; theo dõi, tổ chức thanh tra, kiểm tra hành chính đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ; thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáovà công tác phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi trách nhiệm của Thanh tra Bộ.

*Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư có chức năng, nhiệm vụ, sau*:

(1) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Sở;

(2) Thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy tắc quản lý ngành, lĩnh vực của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Sở;

(3) Thanh tra vụ việc khác do Giám đốc Sở giao;

(4) Thu thập thông tin, xây dựng kế hoạch thanh tra trình Giám đốc Sở phê duyệt và tổ chức thực hiện;

(5) Tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở thực hiện các quy định pháp luật về thanh tra;

(6) Tổ chức tập huấn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho thanh tra viên, công chức làm công tác thanh tra thuộc Sở;

(7) Khi cần thiết, kiến nghị Giám đốc Sở điều động cán bộ, công chức của các đơn vị thuộc Sở tham gia Đoàn thanh tra;

(8) Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Sở;

(9) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Giám đốc Sở, Thanh tra Sở;

(10) Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

(11) Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

(12) Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

(13) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và do Giám đốc Sở giao.

Tổ chức của Thanh tra Sở gồm: Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và thanh tra viên.

#### Hoạt động thanh tra ngành kế hoạch và đầu tư

Theo quy định của Luật Thanh tra và Nghị định số 216/2013/NĐ-CP hoạt động thanh tra của Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư gồm:

*2.2.1 Hoạt động thanh tra hành chính:*thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ, của Sở.

*2.2.2 Hoạt động thanh tra chuyên ngành*

a. Thanh tra Bộ có nhiệm vụ thanh tra việc chấp hành pháp luật về kế hoạch và đầu tư của cơ quan, tổ chức, cá nhân (các cấp có thẩm quyền từ trung ương đến địa phương), gồm:

- Thanh tra lĩnh vực chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

- Thanh tra lĩnh vực phân bổ, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công;

- Thanh tra lĩnh vực về đấu thầu;

- Thanh tra lĩnh vực đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài;

- Thanh tra lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công – tư;

- Thanh tra lĩnh vực quản lý, sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

- Thanh tra lĩnh vực quản lý và hoạt động đối với khu kinh tế, bao gồm (khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế cửa khẩu và các loại hình khu kinh tế khác);

- Thanh tra lĩnh vực đăng ký và phát triển doanh nghiệp;

- Thanh tra lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã;

- Thanh tra lĩnh vực thống kê.

b. Thanh tra Sở có nhiệm vụ thanh tra việc chấp hành pháp luật về kế hoạch và đầu tư của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi của địa phương theo quy định của pháp luật và theo ủy quyền, phân cấp quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, gồm:

- Thanh tra lĩnh vực chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

- Thanh tra lĩnh vực phân bổ, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công;

- Thanh tra lĩnh vực đấu thầu;

- Thanh tra lĩnh vực đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài;

- Thanh tra lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công – tư;

- Thanh tra lĩnh vực quản lý, sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

- Thanh tra lĩnh vực quản lý và hoạt động đối với khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghệ cao và các loại hình khu kinh tế khác;

- Thanh tra lĩnh vực đăng ký và phát triển doanh nghiệp;

- Thanh tra lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Bên cạnh các hoạt động thanh tra nêu trên, Thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư còn thực hiện các nhiệm vụ được Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo quy định, như:

- Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định cơ quan thanh tra trong hoạt động thanh tra có trách nhiệm chủ động phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật; quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng;

- Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định cơ quan thanh tra có trách nhiệm xác minh nội dung tố cáo, báo cáo kết quả xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước cùng cấp khi được giao; xem xét việc giải quyết tố cáo mà người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp dưới trực tiếp của cơ quan hành chính nhà nước cùng cấp đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước cùng cấp xem xét, giải quyết lại;

- Luật Khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định cơ quan thanh tra giúp thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp tiến hành kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp khi được giao.

Giúp thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của thủ trưởng trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì kiến nghị thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm.

Đối với các thanh tra viên, công chức thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình hoạt động thanh tra còn phải thực hiện các nghĩa vụ của công chức nhà nước trong thi hành công vụ được quy định trong Luật cán bộ, công chức, bao gồm:

-Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo vệ bí mật nhà nước.

- Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản nhà nước được giao.

- Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thờibáo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### Sơ lược kết quả hoạt động thanh tra từ khi thành lập đến nay

Từ năm 2004 đến năm 2019, Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư thực hiện khoảng 10.000 cuộc thanh tra, kiểm tra (trên dưới 9.000 cuộc thanh tra chuyên ngành và khoảng 1.000 cuộc thanh tra hành chính).

Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện các vi phạm và kiến nghị xử lý về kinh tế số tiền là 15.000 tỷ đồng và trên 67 triệu USD;kiến nghị thu hồi gần 12 ha đất; kiến nghị thu hồi 69 dự án đầu tư, với tổng số vốn đầu tư đăng ký khoảng 12.000 tỷ đồng và 15 triệu USD, tổng diện tích đất đăng ký khoảng 5.300 ha; kiến nghị thu hồi trên 70 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, gần 1.000 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; xử phạt vi phạm hành chính đối với gần 1.500 tổ chức và cá nhân với số tiền xử phạt trên 10 tỷ đồng.

Từ những tồn tại, hạn chế được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư đã kiến nghị, đề xuất nhiều giải pháp để khắc phục. Đây là những vấn đề thực tiễn rất có giá trị đóng góp vào việc hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật trong lĩnh vực đầu tư công, đầu tư ở khu vực tư nhân, đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp, quy hoạch, ...

***a) Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư***

Trong giai đoạn đầu mới thành lập, Thanh tra Bộ tập trung thanh tra công tác quản lý và thực hiện đối với các dự án đầu tư xây dựng về giao thông, thuỷ lợi, dự án đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện, nhiệt điện, xây dựng Trường Đại học. Từ năm 2011 đến nay, trên cơ sở các bài học kinh nghiệm từ tổng kết hoạt động giai đoạn 2004-2010, Thanh tra Bộ chuyển hướng tiến hành thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề, ở phạm vi rộng một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các địa phương trên cả nước, như: Thanh tra công tác quản lý nhà nước và triển khai thực hiện các dự án bất động sản du lịch - nghỉ dưỡng; Thanh tra công tác quản lý Nhà nước và triển khai thực hiện dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BT, BTO; Thanh tra công tác quản lý nhà nước về đầu tư phát triển bằng nguồn vốn Nhà nước (đầu tư công); Thanh tra việc cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...

Qua thanh tra, Thanh tra Bộ đã kiến nghị xử lý về kinh tế với tổng số tiền là gần 15.000 tỷ đồng và trên 67 triệu USD, kiến nghị thu hồi 57 dự án đầu tư (với tổng số vốn đầu tư đăng ký khoảng 12.000 tỷ đồng và 15 triệu USD, tổng diện tích đất đăng ký khoảng 5.300 ha).

Tuy các cuộc thanh tra do Thanh tra Bộ triển khai trong thời gian qua đã bám sát nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, tập trung vào thanh tra các vấn đề dư luận đang quan tâm, những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực nhưng nhiều lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ chưa được triển khai thanh tra như: quy hoạch, kế hoạch; đầu tư ra nước ngoài; quản lý, sử dụng ODA; khu công nghiệp, khu kinh tế; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã...Nguyên nhân chủ yếu do lực lượng cán bộ còn mỏng, trình độ chuyên môn chưa đồng đều và chỉ tập trung vào một số lĩnh vực nhất định. Đa số cán bộ thanh tra được tuyển dụng từ nhiều cơ quan khác nhau, cần thời gian để thích nghi với tính chất và điều kiện làm việc đặc thù của thanh tra. Mặt khác, phạm vi quản lý của Bộ rất rộng và đa dạng, đây là thách thức không nhỏ đối với Thanh tra Bộ.

***b) Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư***

Ở địa phương, theo chỉ đạo, định hướng của Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra các Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành khoảng 9.500 cuộc thanh tra, kiểm tra. Kết quả thanh tra, kiểm tra đã phát hiện gần 7.500 đơn vị, cá nhân sai phạm; tổng sai phạm về kinh tế trên 100 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi khoảng 1.000 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp vi phạm, kiến nghị thu hồi 10 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; xử phạt hành chính đối với gần 1.500 đối tượng, số tiền xử phạt là gần 10 tỷ đồng. Kết quả hoạt động của Thanh tra các Sở Kế hoạch và Đầu tư cho thấy có những điểm sáng như chất lượng công tác thanh tra được hoàn thiện và nâng cao tại nhiều địa phương (ví dụ kết quả thanh tra về quản lý và sử dụng vốn đầu tư phát triển, doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Giang, Điện Biên, Bắc Giang, Yên Bái, Đà Nẵng, Bình Định...; kết quả thanh tra về dự án đầu tư xây dựng tại Nghệ An, Vĩnh Phúc, Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Thuận...).

Tuy nhiên, việc triển khai thanh tra, kiểm tra về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư cũng chưa được sâu rộng và phổ biến. Nhiều Thanh tra Sở chỉ mới thực hiện và tập trung vào một số lĩnh vực cụ thể như đăng ký kinh doanh, đấu thầu, đầu tư xây dựng cơ bản... Nguyên nhân của các hạn chế trên là do lực lượng Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư còn rất thiếu, lại phải phụ trách một lĩnh vực rộng, đa dạng, khối lượng công việc lớn, bên cạnh đó cũng do tính chủ động chưa cao trong việc lập kế hoạch và triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra.

## QUY TRÌNH, NỘI DUNG THANH TRA CHUYÊN NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

### Yêu cầu cơ bản tiến hành cuộc thanh tra

#### Nguyên tắc chung

Tuân theo pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời.

Không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra.

Không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.

#### Căn cứ xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra

- Định hướng chương trình thanh tra đã được thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch thanh tra của Tổng Thanh tra Chính phủ; đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch thanh tra chuyên ngành của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hướng dẫn của Chánh Thanh tra tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Yêu cầu công tác quản lý nhà nước của Bộ/Sở; các nhiệm vụ trọng tâm của Bộ/Sở được quy định trong các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Bộ trưởng/Giám đốc Sở.

- Yêu cầu của việc phòng ngừa, phát hiện xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ/Sở hoặc nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

- Vụ việc cụ thể có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ/Sở được phản ánh qua các phương tiện thông tin đại chúng hoặc dư luận xã hội.

- Các đề án, Chương trình thanh tra, kiểm tra trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ/Sở đã được lãnh đạo Bộ/Sở phê duyệt.

- Các căn cứ khác theo quy định của pháp luật.

#### Tiêu chuẩn thành viên đoàn thanh tra

a) Tiêu chuẩn của Trưởng đoàn thanh tra

- Công chức được Bộ trưởng, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành cấp Tổng cục và tương đương cử làm Trưởng đoàn thanh tra phải từ Trưởng phòng hoặc Thanh tra viên chính hoặc tương đương trở lên; có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan;

- Công chức được Giám đốc sở, Chánh Thanh tra sở, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành ở Cục thuộc Tổng cục hoặc tương đương cử làm Trưởng Đoàn thanh tra phải từ Phó Trưởng phòng cấp tỉnh hoặc từ Thanh tra viên, hoặc tương đương trở lên.

- Đồng thời phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

+ Am hiểu về nghiệp vụ thanh tra; có khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp những vấn đề liên quan đến nội dung, lĩnh vực được thanh tra thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương.

+ Có khả năng tổ chức, chỉ đạo các thành viên trong Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ thanh tra được giao.

b) Tiêu chuẩn của thành viên đoàn thanh tra

- Khi thành lập Đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra không bố trí những người có quan hệ gia đình ruột thịt, quan hệ thân thiết với đối tượng thanh tra như: Cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con.

- Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành là công chức thuộc biên chế của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định của ngạch công chức đang giữa và các tiêu chuẩn cụ thể sau:

+ Am hiểu pháp luật có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành;

+ Có nghiệp vụ thanh tra;

+ Có ít nhất 01 năm làm công tác chuyên môn trong lĩnh vực được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành (không kể thời gian tập sự).

#### Quy tắc ứng xử trong thực hiện nhiệm vụ thanh tra

Thực hiện đúng nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thanh tra được quy định trong Luật thanh tra, Quy chế hoạt động của Đoàn thanh tra và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Có thái độ thận trọng, khách quan, toàn diện khi xem xét, đánh giá sự việc; lắng nghe, tôn trọng các ý kiến giải trình hợp lý của đối tượng thanh tra, hướng dẫn cho đối tượng thanh tra hiểu và thực hiện đúng quy định pháp luật.

Tiếp xúc với đối tượng thanh tra tại công sở hoặc nơi thanh tra, kiểm tra, xác minh trong giờ hành chính đúng nguyên tắc khách quan, minh bạch, rõ ràng.

Báo cáo với người ra quyết định thanh tra và Trưởng đoàn thanh tra khi cán bộ thanh tra có quan hệ họ hàng, thân thiết với đối tượng thanh tra và đề nghị rút tên khỏi đoàn thanh tra.

#### Giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra

Giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra nhằm theo dõi, nắm bắt việc chấp hành pháp luật, tuân thủ chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra và ý thức kỷ luật của Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra; tình hình thực hiện nhiệm vụ và triển khai hoạt động thanh tra để kịp thời có biện pháp chấn chỉnh, xử lý nhằm đảm bảo thực hiện đúng mục đích, yêu cầu, nội dung theo kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt.

Việc giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra được tiến hành thường xuyên kể từ ngày công bố quyết định thanh tra đến ngày kết thúc việc thanh tra tại nơi được thanh tra.

Tùy thuộc phạm vi, quy mô, nội dung, tính chất của cuộc thanh tra người ra quyết định thanh tra quyết định hình thức giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra, việc giám sát gồm hình thức: Người ra quyết định tự giám sát hoặc thành lập tổ giám sát hoặc phân công công chức thuộc thẩm quyền thực hiện việc giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra.

Nội dung giám sát Đoàn thanh tra bao gồm:

- Giám sát việc chấp hành pháp luật của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra: (1) Việc thực hiện các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thời hạn tiến hành một cuộc thanh tra, bao gồm: việc thu thập, tổng hợp, đánh giá thông tin; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo; ghi nhật ký Đoàn thanh tra; (2) Việc thực hiện các quyền trong hoạt động thanh tra, bao gồm: căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và kết quả thực hiện; việc xử lý ý kiến của đối tượng thanh tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các quyền trong hoạt động thanh tra; (3) Việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với Trưởng đoàn thanh tra, các thành viên Đoàn thanh tra, bao gồm: quy định về những điều cấm trong hoạt động thanh tra; quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra; ý thức chấp hành kỷ luật thanh tra và các quy định khác có liên quan.

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ và triển khai hoạt động thanh tra của Đoàn thanh tra: (1) Tiến độ và kết quả đã đạt được so với yêu cầu theo quyết định thanh tra, kế hoạch tiến hành thanh tra; (2) Khó khăn, vướng mắc phát sinh trong hoạt động thanh tra và tác động đối với việc hoàn thành kế hoạch tiến hành thanh tra; (3) Việc thực hiện nhiệm vụ, triển khai hoạt động thanh tra của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra; (4) Việc xử lý ý kiến khác nhau giữa các thành viên Đoàn thanh tra và Trưởng đoàn thanh tra về những vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra; (5) Các nội dung khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, triển khai hoạt động thanh tra của Đoàn thanh tra.

Kết quả giám sát là một trong những căn cứ để người ra quyết định thanh tra xem xét, ra kết luận thanh tra.

#### Xử lý và chỉ đạo việc thực hiện kết luận thanh tra

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết luận thanh tra hoặc nhận được kết luận thanh tra, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo việc thực hiện kết luận thanh tra:

- Xử lý, yêu cầu hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý sai phạm về kinh tế;

- Xử lý, yêu cầu hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật;

- Áp dụng, yêu cầu hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật;

- Xử lý vấn đề khác thuộc thẩm quyền trong kết luận thanh tra.

Người có trách nhiệm xử lý kết luận thanh tra mà không xử lý hoặc xử lý không đầy đủ thì bị xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

#### Các hành vi bị nghiêm cấm

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra để thực hiện hành vi trái pháp luật, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho đối tượng thanh tra.

- Thanh tra không đúng thẩm quyền, phạm vi, nội dung thanh tra được giao.

- Cố ý không ra quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; kết luận sai sự thật; quyết định, xử lý trái pháp luật; bao che cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật.

- Tiết lộ thông tin, tài liệu về nội dung thanh tra trong quá trình thanh tra khi chưa có kết luận chính thức.

- Cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, thiếu trung thực; chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung thanh tra.

- Chống đối, cản trở, mua chuộc, đe dọa, trả thù, trù dập người làm nhiệm vụ thanh tra, người cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan thanh tra nhà nước; gây khó khăn cho hoạt động thanh tra.

- Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra, lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người làm nhiệm vụ thanh tra.

- Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

Các hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật.

### Quy trình tiến hành một cuộc thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHUẨN BỊ**  **THANH TRA** | **🡪** | **TIẾN HÀNH THANH TRA** | **🡪** | **KẾT THÚC THANH TRA** |

**BƯỚC 1: CHUẨN BỊ THANH TRA**

**Thu thập thông tin, tài liệu, nắm tình hình để**

**ban hành quyết định thanh tra**

**Xây dựng, phê duyệt kế hoạch tiến hành thanh tra**

**Ra quyết định thanh tra**

**Phổ biến kế hoạch tiến hành thanh tra**

**Xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo**

**Thông báo về việc công bố quyết định thanh tra**

**BƯỚC 2: TIẾN HÀNH THANH TRA**

**Công bố quyết định**

**Thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra**

**Giám sát hoạt động đoàn thanh tra**

**Giám sát hoạt động đoàn thanh tra**

**Kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu**

**Thực hiện quyền trong**

**quá trình thanh tra**

**Xử lý sai phạm được phát hiện khi**

**tiến hành thanh tra**

**Báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ thanh tra**

**Việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch**

**tiến hành thanh tra**

**Kéo dài thời gian thanh tra**

**Chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra**

**Kết thúc việc tiến hành thanh tra tại nơi được thanh tra**

**BƯỚC 3: KẾT THÚC THANH TRA**

**Lập, bàn giao, quản lý, sử dụng**

**hồ sơ cuộc thanh tra**

**Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của thành viên Đoàn thanh tra**

**Xem xét báo cáo kết quả thanh tra**

**Xây dựng Dự thảo kết luận thanh tra**

**Ký và ban hành Kết luận thanh tra**

**Công khai kết luận thanh tra**

**Tổng kết hoạt động của Đoàn thanh tra**

**Báo cáo kết quả thanh tra của**

**Đoàn thanh tra**

**Thực hiện kết luận, kiến nghị sau thanh tra**

#### Chuẩn bị thanh tra

Chuẩn bị thanh tra được tính từ khi khảo sát ban đầu[[1]](#footnote-1) cho đến khi Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên bắt đầu trực tiếp làm việc tại cơ quan đối tượng thanh tra.

Chuẩn bị thanh tra là một trong những nội dung rất quan trọng trong quá trình thanh tra. Nếu làm tốt khâu chuẩn bị thanh tra thì đã đạt được khoảng 30%-40% kết quả của cuộc thanh tra.

Nội dung bước chuẩn bị thanh tra gồm:

* + 1. Thu thập thông tin, tài liệu, nắm tình hình để ban hành quyết định thanh tra (khảo sát)[[2]](#footnote-2)

Đây là hoạt động đầu tiên, cần thiết và rất quan trọng trong bước chuẩn bị thanh tra. Người có thẩm quyền ra quyết định thanh tra hoặc Chánh Thanh tra ban hành văn bản thành lập Tổ khảo sát. Thời gian thực hiện khảo sát của Tổ công tác không quá 15 ngày làm việc[[3]](#footnote-3).

Chậm nhất là 05 ngày làm việc[[4]](#footnote-4) kể từ ngày kết thúc việc khảo sát Tổ công tác có báo cáo bằng văn bản về kết quả khảo sát.

Phương pháp thu thập thông tin, tài liệu trong quá trình khảo sát:

- Thu thập thông tin, tài liệu tại cơ quan, tổ chức, đơn vị dự kiến được thanh tra; tại các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực liên quan đến nội dung thanh tra;

- Nghiên cứu, tổng hợp thông tin từ báo chí, đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến nội dung dự kiến thanh tra;

- Khi cần thiết, làm việc trực tiếp với những người có liên quan.

* + 1. Ra quyết định thanh tra

Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành ra quyết định thanh tra[[5]](#footnote-5) và chỉ đạo Trưởng đoàn thanh tra xây dựng kế hoạch tiến hành thanh tra.

Thời hạn thanh tra ghi tại quyết định thanh tra được tính từ ngày công bố quyết định thanh tra đến ngày kết thúc việc thanh tra tại nơi được thanh tra. Đối với cuộc thanh tra do Thanh tra Bộ, Tổng cục, Cục thuộc Bộ tiến hành không quá 45 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày; do Thanh tra Sở tiến hành không quá 30 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 45 ngày.

* + 1. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch tiến hành thanh tra

Kế hoạch tiến hành thanh tra[[6]](#footnote-6) là tài liệu nội bộ của Đoàn thanh tra thể hiện phương án của Đoàn thanh tra để triển khai thực hiện quyết định thanh tra

Trưởng Đoàn thanh tra có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch tiến hành thanh tra trình người ra quyết định thanh tra phê duyệt trước khi công bố[[7]](#footnote-7) quyết định thanh tra.

Nội dung của Kế hoạch thanh tra gồm:

- Mục đích, yêu cầu;

- Phạm vi, nội dung, đối tượng, thời kỳ, thời hạn thanh tra;

- Phương pháp tiến hành thanh tra, tiến độ thực hiện, chế độ thông tin báo cáo, việc sử dụng phương tiện, thiết bị, kinh phí và những điều kiện vật chất cần thiết khác phục vụ hoạt động của Đoàn thanh tra;

- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch tiến hành thanh tra.

Sau khi được phê duyệt, kế hoạch thanh tra phải được quán triệt cho mọi thành viên trong Đoàn thanh tra và được triển khai thực hiện. Trưởng Đoàn thanh tra phải bám sát kế hoạch thanh tra để chỉ đạo điều hành cuộc thanh tra.

* + 1. Phổ biến kế hoạch tiến hành thanh tra[[8]](#footnote-8)

Trưởng đoàn thanh tra tổ chức họp Đoàn thanh tra để phổ biến và phân công nhiệm vụ[[9]](#footnote-9) cho các tổ, các thành viên Đoàn thanh tra, thảo luận về phương pháp tiến hành thanh tra, sự phối hợp giữa các tổ, nhóm, các thành viên Đoàn thanh tra.

Đoàn thanh tra phải tổ chức nghiên cứu, quán triệt quyết định thanh tra. Tập thể Đoàn thanh tra phải thảo luận kỹ để xác định trọng tâm, trọng điểm, phương pháp tiến hành cuộc thanh tra.

Thống nhất nội quy làm việc của Đoàn thanh tra: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Đoàn thanh tra, các thanh tra viên và thành viên Đoàn thanh tra phải thực hiện các điều kỷ luật đối với công chức thanh tra và Quy chế Đoàn thanh tra cũng như các quy định pháp luật khác có liên quan.

Khi cuộc thanh tra có nhiều nội dung phức tạp, hoặc cuộc thanh tra diện rộng, hoặc thành phần Đoàn thanh tra có nhiều thành viên là người của các cơ quan, đơn vị tham gia được trưng tập (cộng tác viên thanh tra[[10]](#footnote-10)) ... nếu thấy cần thiết có thể tổ chức tập huấn trước khi tiến hành thanh tra.

* + 1. Xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo

Căn cứ nội dung thanh tra, kế hoạch tiến hành thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm chủ trì cùng thành viên Đoàn thanh tra xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo[[11]](#footnote-11).

Thời gian gửi văn bản, đề cương và biểu mẫu (nếu có)[[12]](#footnote-12) yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo ít nhất 05 ngày trước thời điểm công bố quyết định thanh tra để đối tượng có thời gian chuẩn bị, tổng hợp. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ cách thức báo cáo, thời gian nộp báo cáo.

* + 1. Thông báo về việc công bố quyết định thanh tra[[13]](#footnote-13)

Trên cơ sở Quyết định thanh tra đã được ban hành và kế hoạch dự kiến về thời gian bắt đầu tiến hành cuộc thanh thanh tra Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm thông báo đến đối tượng thanh tra về việc công bố quyết định thanh tra. Thông báo phải nêu rõ thời gian[[14]](#footnote-14), địa điểm, thành phần tham dự.

Thành phần tham dự cuộc họp công bố quyết định thanh tra thông thường gồm có: người ra quyết định thanh tra dự và chỉ đạo buổi công bố quyết định thanh tra (nếu có), Lãnh đạo của cơ quan thanh tra có Trưởng đoàn thanh tra, Đoàn thanh tra, thủ trưởng cơ quan, tổ chức và các cá nhân là đối tượng thanh tra. Trong trường hợp cần thiết, Trưởng đoàn thanh tra có thể mời đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham dự buổi công bố quyết định thanh tra.

* + 1. Chuẩn bị kinh phí, phương tiện vật chất phục vụ cho Đoàn thanh tra

Các nội dung chuẩn bị trước khi Đoàn thanh tra lên đường công tác gồm:

- Phương tiện di chuyển trong thời gian thanh tra;

- Trang bị, thiết bị công tác: máy ghi âm, máy tính, máy ảnh, thiết bị chuyên dùng nếu có…;

- Kinh phí: phụ cấp lưu trú, phòng ngủ…Chi phí này được tạm ứng và thanh toán theo quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan thanh tra.

#### Tiến hành thanh tra

Trực tiếp tiến hành thanh tra được tính từ ngày công bố quyết định thanh tra cho đến khi kết thúc việc thanh tra[[15]](#footnote-15) tại đơn vị là đối tượng thanh tra. Thời hạn thanh tra cụ thể được ghi trong quyết định thanh tra. Nếu cần kéo dài thời hạn tiến hành thanh tra thì người ra quyết định thanh tra phải có quyết định gia hạn cuộc thanh tra bằng văn bản và không được quá thời hạn quy định[[16]](#footnote-16).

Nội dung tiến hành thanh tra gồm:

* + 1. Công bố quyết định thanh tra

Chậm nhất là 15 ngày[[17]](#footnote-17), kể từ ngày ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm công bố quyết định thanh tra với đối tượng thanh tra. Ngày công bố đã được thông báo theo mục 1.1.6 ở trên.

Tiến hành công bố gồm các nội dung chính như sau: giới thiệu thành phần tham dự; công bố toàn văn quyết định thanh tra; nhiệm vụ quyền hạn của Đoàn thanh tra; quyền và trách nhiệm của đối tượng thanh tra; đối tượng thanh tra báo cáo trực tiếp; các cá nhân tham dự buổi công bố có ý kiến bổ sung; lãnh đạo của cơ quan thanh tra có ý kiến kết luận chỉ đạo, quán triệt các nội dung liên quan đến quá trình tiến hành thanh tra; ký biên bản họp công bố quyết định thanh tra.

* + 1. Thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra

Trong quá trình thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo theo đề cương; yêu cầu đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra. Việc giao nhận thông tin, tài liệu phải lập thành biên bản.

Đối với những thông tin, tài liệu không cần thu giữ thì người nhận hồ sơ, tài liệu phải trả lại cho đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thời gian trả hồ sơ, tài liệu chậm nhất khi kết thúc việc thanh tra trực tiếp. Việc trả hồ sơ, tài liệu phải lập thành biên bản giao nhận thông tin, tài liệu như quy định trên.

* + 1. Kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu

Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra có trách nhiệm nghiên cứu các thông tin, tài liệu đã thu thập được để làm rõ nội dung thanh tra; đánh giá việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của đối tượng thanh tra liên quan đến nội dung thanh tra được phân công; yêu cầu người có trách nhiệm, người có liên quan giải trình về những vấn đề chưa rõ; trường hợp cần phải tiến hành làm việc, kiểm tra, xác minh để việc đánh giá bảo đảm tính khách quan, chính xác thì thành viên Đoàn thanh tra báo cáo Trưởng đoàn thanh tra xem xét, quyết định.

Kết quả kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra phải được thể hiện bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra, xác minh hoặc lập thành biên bản kiểm tra, xác minh.

* + 1. Thủ tục thực hiện quyền trong quá trình thanh tra

Trường hợp xét thấy cần bảo đảm nguyên trạng tài liệu[[18]](#footnote-18) thì Trưởng đoàn thanh tra ra quyết định niêm phong tài liệu.

Trường hợp cần kiểm kê tài sản[[19]](#footnote-19) thì Trưởng đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra quyết định kiểm kê tài sản.

Trường hợp cần có sự đánh giá về nội dung liên quan đến chuyên môn, kỹ thuật làm căn cứ cho việc kết luận[[20]](#footnote-20) thì Trưởng đoàn thanh tra đề nghị người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định trưng cầu giám định.

Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm cần đình chỉ[[21]](#footnote-21) thì Trưởng đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra ra quyết định tạm đình chỉ hành vi vi phạm đó.

Trường hợp cần tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép được cấp[[22]](#footnote-22) thì Trưởng đoàn thanh tra đề nghị người ra quyết định thanh tra ra quyết định tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép được cấp.

Trường hợp cần thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép hoặc bị thất thoát do hành vi trái pháp luật gây ra[[23]](#footnote-23) thì người ra quyết định thanh tra ra quyết định thu hồi.

Trường hợp phát hiện việc thi hành quyết định kỷ luật, thuyên chuyển công tác, cho nghỉ hưu đối với người đang cộng tác với cơ quan thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc thanh tra thì người ra quyết định thanh tra kiến nghị người có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đó.

Trường hợp cần đình chỉ công tác và xử lý đối với cán bộ, công chức, viên chức cố ý cản trở việc thanh tra hoặc không thực hiện yêu cầu, kiến nghị, quyết định thanh tra thì người ra quyết định thanh tra kiến nghị người có thẩm quyền tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm.

* + 1. Xử lý sai phạm được phát hiện khi tiến hành thanh tra

Khi tiến hành thanh tra, nếu phát hiện có sai phạm đến mức phải xử lý ngay thì Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra phải lập biên bản về việc sai phạm để làm cơ sở cho việc xử lý.

Việc xử lý sai phạm được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra và pháp luật khác có liên quan.

Khi phát hiện sai phạm có dấu hiệu tội phạm thì Trưởng đoàn thanh tra báo cáo người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định.

* + 1. Báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ thanh tra

 Theo kế hoạch tiến hành thanh tra đã được phê duyệt hoặc theo yêu cầu của Trưởng đoàn thanh tra, từng thành viên Đoàn thanh tra, Tổ trưởng (nếu có) báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Trưởng đoàn thanh tra. Trường hợp phát hiện những vấn đề cần phải xử lý ngay thì kịp thời báo cáo Trưởng đoàn thanh tra xem xét, quyết định.

Trưởng đoàn thanh tra báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với người ra quyết định thanh tra theo kế hoạch tiến hành thanh tra đã được phê duyệt hoặc theo yêu cầu của người ra quyết định thanh tra.

Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm xem xét, có ý kiến chỉ đạo cụ thể, trực tiếp về báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ, xử lý kịp thời kiến nghị của Trưởng đoàn thanh tra.

* + 1. Việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành thanh tra

Trường hợp Trưởng đoàn thanh tra kiến nghị sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành thanh tra thì người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành thanh tra.

Trường hợp người ra quyết định thanh tra quyết định việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành thanh tra thì người ra quyết định thanh tra có văn bản về việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành thanh tra và yêu cầu Trưởng đoàn thanh tra thực hiện.

Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm thông báo nội dung sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành thanh tra cho thành viên Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu cần thiết); tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch tiến hành thanh tra đã sửa đổi, bổ sung.

* + 1. Kéo dài thời gian thanh tra

Trường hợp nội dung thanh tra phức tạp, liên quan đến trách nhiệm nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân cần kéo dài thời gian thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra có văn bản đề nghị người ra quyết định thanh tra gia hạn thời gian thanh tra. Văn bản đề nghị gia hạn thời gian thanh tra phải nêu rõ lý do, thời gian kéo dài.

Căn cứ vào đề nghị của Trưởng đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định gia hạn thời gian thanh tra. Quyết định gia hạn thời gian thanh tra được gửi cho Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

* + 1. Chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra

Khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự cần chuyển cơ quan điều tra làm rõ, Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm báo cáo với người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra đồng thời thông báo bằng văn bản cho Viện Kiểm sát cùng cấp biết[[24]](#footnote-24).

Việc chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm thực hiện theo quy định về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan thanh tra với các cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm do Cơ quan thanh tra kiến nghị khởi tố.

* + 1. Kết thúc việc tiến hành thanh tra tại nơi được thanh tra

Trước khi kết thúc việc tiến hành thanh tra tại nơi được thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra tổ chức họp Đoàn thanh tra để thống nhất các nội dung công việc cần thực hiện cho đến ngày dự kiến kết thúc thanh tra trực tiếp.

Trưởng đoàn thanh tra báo cáo với người ra quyết định thanh tra về dự kiến kết thúc việc thanh tra tại nơi được thanh tra.

Trưởng đoàn thanh tra thông báo bằng văn bản[[25]](#footnote-25) về thời gian kết thúc thanh tra trực tiếp với đối tượng thanh tra và gửi cho thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra biết, nếu cần thiết có thể tổ chức buổi làm việc với đối tượng thanh tra để thông báo việc kết thúc thanh tra; buổi làm việc được lập thành biên bản và được ký giữa thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra với Trưởng đoàn thanh tra

#### Kết thúc cuộc thanh tra

* + 1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ thành viên Đoàn thanh tra

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc[[26]](#footnote-26), kể từ ngày kết thúc việc tiến hành thanh tra tại nơi được thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Trưởng đoàn thanh tra về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan, trung thực về nội dung báo cáo đó.

- Trường hợp nhận thấy nội dung báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của thành viên Đoàn thanh tra chưa đầy đủ, chưa chính xác, chưa rõ thì Trưởng đoàn thanh tra yêu cầu thành viên Đoàn thanh tra báo cáo bổ sung, làm rõ.

* + 1. Báo cáo kết quả thanh tra của Đoàn thanh tra

Báo cáo kết quả thanh tra hành chính[[27]](#footnote-27) và Báo cáo kết quả thanh tra chuyên ngành[[28]](#footnote-28) phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Bảo đảm trung thực, chính xác, mạch lạc, rõ ràng.

- Kết cấu phải logic, nội dung phải gọn, rõ, súc tích, cụ thể có trọng tâm, trọng điểm.

- Đầy đủ các nội dung, đúng phạm vi, thời kỳ thanh tra.

- Báo cáo phải kịp thời, đảm bảo việc tham mưu và ban hành kết luận xử ký kết quả thanh tra.

Chậm nhất là 15 ngày[[29]](#footnote-29), kể từ ngày kết thúc thanh tra trực tiếp, Trưởng đoàn thanh tra phải có báo cáo kết quả thanh tra[[30]](#footnote-30) với người ra quyết định thanh tra.

* + 1. Xem xét báo cáo kết quả thanh tra

Người ra quyết định thanh tra, trực tiếp nghiên cứu hoặc giao cho cơ quan, đơn vị chuyên môn giúp việc nghiên cứu, xem xét các nội dung trong báo cáo kết quả thanh tra.

Trường hợp cần phải làm rõ hoặc cần phải bổ sung thêm nội dung trong báo cáo kết quả thanh tra, người ra quyết định thanh tra tổ chức họp Đoàn thanh tra để nghe Đoàn thanh tra báo cáo trực tiếp hoặc có ý kiến chỉ đạo bằng văn bản, yêu cầu Trưởng đoàn và các thành viên trong Đoàn thanh tra báo cáo.

Trong quá trình xem xét báo cáo kết quả thanh tra, trường hợp cần thiết phải tiến hành thanh tra bổ sung, người ra quyết định thanh tra có quyết định thanh tra bổ sung để làm cơ sở cho Đoàn thanh tra thực hiện.

* + 1. Xây dựng Dự thảo kết luận thanh tra

Sau khi nhận được báo cáo kết quả thanh tra và báo cáo bổ sung (nếu có) của Đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra chỉ đạo Trưởng đoàn thanh tra chủ trì xây dựng Dự thảo kết luận thanh tra trình người ra quyết định thanh tra. Dự thảo kết luận thanh tra hành chính[[31]](#footnote-31) và Dự thảo kết luận thanh tra chuyên ngành[[32]](#footnote-32) đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định.

Trường hợp người ra quyết định thanh tra gửi Dự thảo kết luận thanh tra cho đối tượng thanh tra giải trình về những vấn đề chưa nhất trí với nội dung của Dự thảo kết luận thanh tra thì việc giải trình của đối tượng thanh tra phải thực hiện bằng văn bản kèm theo các chứng cứ để chứng minh cho ý kiến giải trình. Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất với người ra quyết định thanh tra xử lý nội dung giải trình của đối tượng thanh tra.

Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất với người ra quyết định thanh tra xử lý nội dung giải trình của đối tượng thanh tra.

* + 1. Ký và ban hành Kết luận thanh tra

Căn cứ vào báo cáo kết quả thanh tra của Đoàn thanh tra, sau khi xem xét giải trình của đối tượng thanh tra, chậm nhất 15 ngày[[33]](#footnote-33) kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thanh tra, người ra quyết định thanh tra ký văn bản kết luận thanh tra, trừ trường hợp nội dung kết luận thanh tra phải chờ các ý kiến trao đổi về chuyên môn của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Kết luận thanh tra được gửi cho đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan[[34]](#footnote-34).

* + 1. Công khai kết luận thanh tra

Trong thời hạn 10 ngày[[35]](#footnote-35), kể từ ngày ký kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm thực hiện việc công khai kết luận thanh tra (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác) bằng hình thức công bố tại cuộc họp với thành phần gồm người ra quyết định thanh tra hoặc người được ủy quyền, đại diện Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và lựa chọn ít nhất một trong các hình thức công khai như: thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; đưa lên Trang thông tin điện tử của cơ quan thanh tra, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành hoặc cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp; niêm yết kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra. Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng gồm báo nói, báo hình, báo viết, báo điện tử. Thời gian thông báo trên báo nói, báo điện tử ít nhất là 02 lần; trên báo hình ít nhất 02 lần phát sóng; trên báo viết ít nhất 01 số phát hành.

Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm giúp người ra quyết định thanh tra chuẩn bị nội dung để thực hiện việc công khai kết luận thanh tra

* + 1. Tổng kết hoạt động của Đoàn thanh tra

Sau khi có kết luận thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm tổ chức họp Đoàn thanh tra để tổng kết, rút kinh nghiệm về hoạt động của Đoàn thanh tra.

Nội dung tổng kết bao gồm: đánh giá kết quả thanh tra so với mục đích, yêu cầu của cuộc thanh tra; đánh giá kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; những bài học kinh nghiệm rút ra qua cuộc thanh tra; những kiến nghị, đề xuất của Đoàn thanh tra (nếu có).

Kết thúc việc tổng kết hoạt động của Đoàn thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra có báo cáo bằng văn bản về những nội dung tổng kết, rút kinh nghiệm về hoạt động của Đoàn thanh tra với người ra quyết định thanh tra và Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc thanh tra.

* + 1. Lập, bàn giao, quản lý, sử dụng hồ sơ thanh tra

Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ cuộc thanh tra, bàn giao hồ sơ thanh tra cho cơ quan trực tiếp quản lý Trưởng đoàn thanh tra[[36]](#footnote-36). Việc bàn giao hồ sơ thanh tra cho đơn vị lưu trữ được lập thành Biên bản[[37]](#footnote-37). Hồ sơ cuộc thanh do Đoàn thanh tra tiến hành bao gồm:

- Quyết định thanh tra; biên bản thanh tra; báo cáo, giải trình của đối tượng thanh tra; báo cáo kết quả thanh tra; các văn bản bổ sung, sửa đổi…;

- Kết luận thanh tra;

- Văn bản, Quyết định về việc xử lý, kiến nghị việc xử lý;

- Tài liệu khác có liên quan.

* + 1. Thực hiện kết luận, kiến nghị sau thanh tra

- Theo dõi thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra

Trong thời hạn 15 ngày[[38]](#footnote-38), kể từ ngày công bố kết luận thanh tra, người được giao nhiệm vụ theo dõi có trách nhiệm mở sổ theo dõi tập hợp thông tin có liên quan đến việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

Trong thời hạn 45 ngày[[39]](#footnote-39), kể từ ngày công bố kết luận thanh tra, người được giao nhiệm vụ theo dõi có trách nhiệm trình Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Báo cáo theo dõi việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra

Trong thời hạn 03 ngày[[40]](#footnote-40), kể từ ngày nhận được Báo cáo theo dõi việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành căn cứ vào kết quả theo dõi để xem xét, quyết định.

- Đôn đốc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra

Trong thời hạn 25 ngày[[41]](#footnote-41), kể từ ngày quyết định việc đôn đốc, người được giao nhiệm vụ đôn đốc có trách nhiệm trình Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Báo cáo kết quả đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

Trong thời hạn 03 ngày[[42]](#footnote-42), kể từ ngày nhận được Báo cáo kết quả đôn đốc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành căn cứ vào kết quả đôn đốc để xem xét, quyết định.

- Kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra

Chậm nhất là 03 ngày[[43]](#footnote-43) kể từ ngày ký, quyết định kiểm tra phải được gửi cho người được giao nhiệm vụ kiểm tra và đối tượng kiểm tra. Trong quá trình tiến hành kiểm tra, người được giao nhiệm vụ kiểm tra có trách nhiệm thu thập các tài liệu, thông tin có liên quan nhằm xác minh làm rõ các nội dung kiểm tra.

Chậm nhất là 03 ngày[[44]](#footnote-44) kể từ ngày kết thúc kiểm tra, người được giao nhiệm vụ kiểm tra có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra với Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Báo cáo kết quả kiểm tra bao gồm các nội dung: Đánh giá tình hình, kết quả kiểm tra; Kết luận về nội dung kiểm tra; Kiến nghị các biện pháp xử lý hành vi vi phạm pháp luật và các nội dung khác có liên quan đến đảm bảo việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

Căn cứ kết quả kiểm tra, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm xem xét, xử lý kịp thời kết quả kiểm tra và công khai theo quy định của pháp luật.

### Nội dung thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư

#### Nội dung thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm:

a) Việc lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

b) Việc thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

c) Việc phê duyệt, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

d) Việc thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm:

a) Việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

b) Việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

#### Nội dung thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực phân bổ, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về lập kế hoạch, giao kế hoạch, bố trí vốn đầu tư phát triển, bao gồm:

a) Việc thực hiện quy định về điều kiện giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển;

b) Việc thực hiện quy trình lập, trình, phê duyệt, giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển;

c) Việc thực hiện quy định về thời hạn giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về phân bổ, quản lý, sử dụng vốn đầu tư phát triển, bao gồm:

a) Việc thực hiện quy định trong phân bổ, bố trí vốn đầu tư;

b) Việc giải ngân, thanh toán, quyết toán, nợ đọng vốn đầu tư.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về quản lý, thực hiện dự án đầu tư, bao gồm:

a) Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, gồm: lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi; lập dự án đầu tư; thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; quyết định đầu tư; chi phí cho công tác lập, thẩm định dự án đầu tư; điều chỉnh dự án đầu tư (nếu có);

b) Việc thực hiện dự án đầu tư, gồm: lập, thẩm định, thẩm tra và phê duyệt thiết kế, dự toán; chi phí cho công tác tư vấn thiết kế, lập dự toán, thẩm tra; công tác ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng; nghiệm thu, thanh toán vốn đầu tư;

c) Việc kết thúc đầu tư, đưa dự án đầu tư vào khai thác sử dụng, gồm: nghiệm thu, bàn giao dự án đầu tư; quản lý, khai thác và sử dụng dự án đầu tư theo mục tiêu đã đề ra; bảo hành, bảo trì và quyết toán vốn đầu tư;

d) Việc thực hiện quy định về giám sát, đánh giá đầu tư.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về phân bổ, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

#### Nội dung thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực đấu thầu

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định trong lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gồm:

a) Việc thực hiện quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

b) Việc thực hiện quy định về nội dung của kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư;

c) Việc thực hiện quy định về điều chỉnh kế hoạch đấu thầu, kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định trong lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà đầu tư, gồm:

a) Việc thực hiện quy định về lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

b) Việc thực hiện quy định về đánh giá, thẩm định hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

c) Việc thực hiện quy định về thời gian thực hiện các gói thầu, dự án theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư đã được phê duyệt.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về đấu thầu.

#### Nội dung thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài, bao gồm:

a) Việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về đầu tư, gồm: phê duyệt và công bố công khai các quy hoạch, kế hoạch có liên quan đến hoạt động đầu tư; thực hiện các chính sách về ưu đãi đầu tư; lập và công bố danh mục dự án thu hút đầu tư tại địa phương; vận động và xúc tiến đầu tư; đăng ký đầu tư, thẩm tra và cấp Giấy chứng nhận đầu tư; điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư; quyết định chấm dứt hoạt động dự án đầu tư trước thời hạn (nếu có); công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về hoạt động đầu tư trên địa bàn;

b) Việc thực hiện dự án của các nhà đầu tư, gồm: thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định trong văn bản đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư; thực hiện quy định về chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng vốn đầu tư của các dự án (nếu có); thực hiện quy định về tạm ngừng, giãn tiến độ thực hiện, điều chỉnh dự án (nếu có); thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động đầu tư; thực hiện quy định về chấm dứt hoạt động, thanh lý, thu hồi dự án đầu tư.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về đầu tư ra nước ngoài, bao gồm:

a) Việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về đầu tư ra nước ngoài, gồm: thực hiện các quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài; công tác tiếp nhận, thụ lý, thẩm tra hồ sơ cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài; việc thực hiện quy định về thời hạn cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài;

b) Việc thực hiện dự án của các nhà đầu tư, gồm: thực hiện các quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài; thực hiện tiến độ triển khai dự án đầu tư; thực hiện quy định về chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng vốn đầu tư của các dự án (nếu có); thực hiện quy định về tạm ngừng, giãn tiến độ thực hiện dự án (nếu có); thực hiện quy định về dùng lợi nhuận của dự án để đầu tư tiếp ở nước ngoài; thực hiện quy định về báo cáo tình hình hoạt động dự án đầu tư; thực hiện các thủ tục thanh lý, chấm dứt dự án đầu tư.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài.

#### Nội dung thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư

* + 1. Thanh tra việc lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư, công bố dự án;
    2. Thanh tra việc lập, thẩm định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế, dự toán;
    3. Thanh tra việc lựa chọn nhà đầu tư;
    4. Thanh tra việc ký kết hợp đồng và triển khai thực hiện dự án;
    5. Thanh tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

#### Nội dung thanh tra chuyên ngành trong việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình, dự án sử dụng ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, viện trợ phi chính phủ nước ngoài, bao gồm:

a) Việc thực hiện quy định về hình thức quản lý chương trình, dự án;

b) Việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chủ quản trong quản lý thực hiện các chương trình, dự án;

c) Việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của chủ chương trình, dự án trong quản lý thực hiện các chương trình, dự án;

d) Việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn Ban quản lý dự án;

đ) Việc triển khai thực hiện chương trình, dự án;

e) Việc kết thúc chương trình, dự án.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định trong việc giám sát và đánh giá chương trình, dự án; việc thực hiện chế độ báo cáo và cung cấp thông tin đối với chương trình, dự án sử dụng ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, viện trợ phi chính phủ nước ngoài, bao gồm:

a) Việc giám sát và đánh giá chương trình, dự án của cơ quan chủ quản;

b) Việc giám sát và đánh giá chương trình, dự án của chủ chương trình, dự án;

c) Việc theo dõi và đánh giá chương trình, dự án của Ban quản lý dự án;

d) Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của cơ quan chủ quản, chủ chương trình, dự án.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật trong quản lý, sử dụng ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo thẩm quyền.

#### Nội dung thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý và hoạt động đối với khu kinh tế, bao gồm: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế cửa khẩu và các loại hình khu kinh tế khác

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về thành lập, mở rộng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế cửa khẩu và các loại hình khu kinh tế khác.
    2. Thanh tra việc chấp hành các quy định trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế cửa khẩu và các loại hình khu kinh tế khác.
    3. Thanh tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về quản lý và hoạt động đối với khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế cửa khẩu và các loại hình khu kinh tế khác.

#### Nội dung thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực đăng ký và phát triển doanh nghiệp

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về thành lập, đăng ký kinh doanh các loại hình doanh nghiệp, các đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hộ kinh doanh, bao gồm:

a) Đối với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp huyện, gồm: việc thực hiện quy định trong việc tiếp nhận, thụ lý giải quyết hồ sơ đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Chi nhánh/Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và hộ kinh doanh; việc thực hiện quy định về thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; việc thực hiện quy định về sao lưu hồ sơ, tài liệu; việc cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp; việc tổng hợp báo cáo kết quả đăng ký doanh nghiệp; việc kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp, Chi nhánh/Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và hộ kinh doanh; việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; công tác giải quyết khiếu nại, kiến nghị, phản ánh liên quan việc thành lập, đăng ký doanh nghiệp, Chi nhánh/Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và hộ kinh doanh;

b) Đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và Chi nhánh/Văn phòng đại diện, gồm: việc kê khai nội dung đăng ký doanh nghiệp, Chi nhánh/Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và hộ kinh doanh; việc thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Chi nhánh/Văn phòng đại diện (nếu có) theo quy định; việc thực hiện quy định về người đăng ký thành lập doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật; việc thuê Giám đốc doanh nghiệp tư nhân.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với các loại hình doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh, bao gồm:

a)Việc thực hiện các quy định về đăng ký trụ sở chính của doanh nghiệp và địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh;

b) Việc thực hiện quy định về treo biển hiệu của doanh nghiệp, Chi nhánh/Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và hộ kinh doanh;

c) Việc thực hiện quy định về đăng ký góp vốn của doanh nghiệp, thời hạn góp vốn và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;

d) Việc thực hiện quy định về lập và lưu giữ sổ đăng ký thành viên, sổ đăng ký cổ đông;

đ) Việc thực hiện quy định về tạm ngừng kinh doanh.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về tổ chức bộ máy, quản lý, điều hành hoạt động của các loại hình doanh nghiệp, bao gồm:

a) Việc thực hiện chế độ lưu giữ hồ sơ, tài liệu và con dấu tại trụ sở chính của doanh nghiệp;

b) Việc thành lập và hoạt động của Ban kiểm soát (nếu có);

c) Việc thực hiện quy định về trình tự, thủ tục tiến hành họp Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

d) Việc bổ nhiệm người giữ các chức danh quản lý, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của doanh nghiệp.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể các loại hình doanh nghiệp, bao gồm:

a) Đối với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, gồm: việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết đối vớiyêu cầuchia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể các loại hình doanh nghiệp; việc thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể;

b) Đối với doanh nghiệp, gồm: việc thực hiện các trình tự, thủ tục tiến hành giải thể doanh nghiệp; việc thông báo về việc chấm dứt tồn tại tại đối với doanh nghiệp bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về cung cấp, công bố thông tin đăng ký doanh nghiệp, bao gồm:

a) Đối với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp huyện, gồm: việc phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin doanh nghiệp quốc gia, Hệ thống thông tin về hộ kinh doanh trên địa bàn; việc cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi có yêu cầu;

b) Đối với doanh nghiệp, gồm: việc thực hiện quy định về cung cấp thông tin nội dung đăng ký kinh doanh cho Phòng đăng ký kinh doanh theo quy định; việc thực hiện các quy định về công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia; việc thực hiện các quy định về tạm ngừng kinh doanh, giải thể doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; việc thực hiện thông báo khi cho thuê doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh.

#### Nội dung thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về góp vốn, thành lập, đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, bao gồm:

a) Đối với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, gồm: việc thực hiện quy định trong việc tiếp nhận, thụ lý giải quyết hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; việc thực hiện quy định về thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; việc sao lưu hồ sơ, tài liệu; việc cung cấp thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; việc tổng hợp báo cáo kết quả đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; việc đăng ký Văn phòng đại diện, chi nhánh và địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; việc thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (nếu có);

b) Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, gồm: việc thực hiện kê khai nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; việc thực hiện quy định về đặt tên, biểu tượng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; việc thực hiện quy định về kê khai nội dung đăng ký Văn phòng đại diện, chi nhánh và địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; việc kê khai thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (nếu có); việc công khai thông tin về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Văn phòng đại diện, chi nhánh và địa điểm kinh doanh.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về điều kiện trở thành thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, bao gồm:

a) Việc thực hiện quy định về kết nạp, chấm dứt tư cách thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên;

b) Việc thành lập và hoạt động của Ban kiểm soát;

c) Việc thực hiện trình tự, thủ tục tiến hành Đại hội thành viên.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, bao gồm:

a) Đối với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, gồm: việc tiếp nhận, hướng dẫn, xử lý, giải quyết đối vớiyêu cầuchia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể;

b) Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, gồm: việc thực hiện các trình tự, thủ tục tiến hành giải thể; việc thông báo về việc chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập.

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

#### Nội dung thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực thống kê

* + 1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về điều tra thống kê.
    2. Thanh tra việc chấp hành các quy định về báo cáo thống kê.
    3. Thanh tra việc chấp hành các quy định về phổ biến và sử dụng thông tin thống kê.
    4. Thanh tra việc chấp hành các quy định về lưu trữ tài liệu thống kê.
    5. Thanh tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về thống kê

## MỘT SỐ VÍ DỤ CỤ THỂ VỀ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

### Bộ KH&ĐT thanh tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công tại địa phương

#### Dự kiến nội dung chính tiến hành thanh tra

* + 1. Công tác ban hành các văn bản quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công

- Thống kê văn bản do địa phương ban hành về phân cấp quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

- Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện về ban hành các văn bản quy định về phân cấp quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư công tại địa phương.

* + 1. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công

a. Tổng hợp các dự án đã được phê duyệt giai đoạn 2015-2017: Tổng số dự án, tổng vốn đầu tư, tổng giá trị khối lượng thực hiện, giá trị giải ngân, thanh quyết toán, bao gồm:

- Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2015-2017;

- Các dự án có chủ trương đầu tư, dự án có quyết định đầu tư năm 2015-2017.

b. Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án.

c. Đánh giá về sự phù hợp của các dự án so với các quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt.

d. Đánh giá về kết quả lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư; kết quả điều chỉnh các dự án đã được phê duyệt.

* + 1. Công tác lập, thẩm định nguồn vốn, phân bổ, bố trí vốn đầu tư

- Nhận xét, đánh giá về trình tự, thủ tục và quá trình thực hiện công tác thẩm định nguồn vốn; tổng hợp, lập kế hoạch, giao kế hoạch, phân bổ, bố trí vốn đầu tư trong giai đoạn 2015-2017.

- Việc chấp hành các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ KH&ĐT về mức vốn theo ngành, lĩnh vực, loại dự án chương trình mục tiêu, hỗ trợ có mục tiêu; về bố trí vốn đúng, đủ để dự án hoàn thành theo quy định.

- Đánh giá về nhu cầu vốn và mức độ đáp ứng cho đầu tư phát triển.

* + 1. Công tác triển khai, thực hiện các dự án đầu tư

a. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán:

- Sự phù hợp của nội dung phê duyệt thiết kế, dự toán với nội dung dự án đầu tư và tổng mức đầu tư được duyệt;

- Trình tự, thủ tục, chất lượng công tác lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán.

b. Công tác lựa chọn nhà thầu:

- Việc ban hành và thực hiện các văn bản quy định về phân công, phân cấp, trách nhiệm, quyền hạn, xử lý vi phạm về đấu thầu của cấp có thẩm quyền tại địa phương;

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, HSMT, HSYC;

- Quá trình tổ chức đấu thầu; đánh giá HSDT, HSĐX; trình, thẩm định và phê duyệt kết quả đấu thầu, chỉ định thầu;

- Đánh giá chung về tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đấu thầu theo quy định pháp luật về đấu thầu.

c. Công tác ký kết và thực hiện hợp đồng:

- Việc thương thảo, bảo đảm thực hiện hợp đồng và ký kết hợp đồng;

- Kết quả thực hiện hợp đồng và điều chỉnh hợp đồng: Việc chấp hành các quy định pháp luật đối với công tác tạm ứng vốn; nghiệm thu, thanh toán, thanh lý hợp đồng và quyết toán dự án, công trình;

- Công tác t­ư vấn thiết kế, dự toán; thẩm tra, thẩm định, giám sát công trình *(năng lực, chất lượng, kết quả thực hiện)* so với hợp đồng;

d. Đánh giá chung về tiến độ thực hiện dự án: Số dự án (phân theo nhóm A, B, C) thực hiện đúng thời hạn đầu tư theo quy định, số dự án chậm tiến độ.

e. Công tác quyết toán vốn đầu tư:

Đánh giá tình hình quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2015-2017.

g. Giai đoạn kết thúc xây dựng, đ­ưa công trình vào khai thác sử dụng:

Đánh giá chung về kết quả triển khai thực hiện dự án, công tác nghiệm thu, bàn giao công trình, dự án trong giai đoạn 2015-2017.

* + 1. Công tác giám sát, đánh giá đầu tư

- Việc thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án theo quy định (số lượng dự án được giám sát đánh giá; thời gian giám sát, đánh giá đầu tư; chất lượng công tác giám sát, đánh giá đầu tư).

- Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư giai đoạn 2015-2017

#### Ví dụ minh họa về Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công tại tỉnh X giai đoạn 2015-2017

***Phần thứ nhất***

***KHÁI QUÁT CHUNG***

X là tỉnh miền núi biên giới với ...km đường biên; diện tích tự nhiên ...ha; dân số năm 2017 là ...nghìn người, mật độ dân số bình quân ...người/km2, trong đó dân tộc thiểu số chiếm ...%; bao gồm ...huyện và ...thành phố.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP giai đoạn 2015-2017 đạt …%. Hết năm 2017, tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt …%; công nghiệp và xây dựng đạt …%; dịch vụ đạt …%. GRDP bình quân đầu người năm 2017 đạt …triệu đồng. Tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2017 đạt …tỷ đồng, tăng …% so năm 2015. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong 03 năm 2015-2017 đạt trên …tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước chiếm …%.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trong giai đoạn 2015-2017 là ...triệu đồng, trong đó: NSĐP là ...triệu đồng, NSTW là ...triệu đồng, TPCP là …triệu đồng, ODA là ...triệu đồng. Theo kế hoạch đầu tư năm 2015 là ...triệu đồng, năm 2016 là ...triệu đồng, năm 2017 là ...triệu đồng.

Theo báo cáo số .../BC-UBND ngày .../.../2018 của UBND tỉnh lũy kế giải ngân vốn đầu tư công giai đoạn 2015-2017 đạt ...triệu đồng, bằng ...% kế hoạch vốn được giao.

***Phần thứ hai***

***KẾT QUẢ THANH TRA***

***I. CÔNG TÁC BAN HÀNH VÀ THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG***

HĐND, UBND tỉnh đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến quản lý, sử dụng vốn đầu tư công theo quy định pháp luật và tình hình thực tế của địa phương nhưng trong quá trình áp dụng còn một số nội dung chưa phù hợp như sau:

- Hướng dẫn xác định đơn giá ca máy tại Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2013 và Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2016 quy định *“Phí xăng dầu được tính vào đơn giá dự toán sau thuế”*. Tuy nhiên, trong quá trình lập và phê duyệt dự toán của một số dự án, đơn giá các hạng mục công việc có liên quan đến xăng dầu đã đưa phí xăng dầu vào để tính chi phí trực tiếp (trước thuế), cụ thể: tính thêm các chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, chi phí cho hạng mục chung và thuế giá trị gia tăng làm tăng chi phí xây dựng.

- Tại điểm c khoản 3 Văn bản số .../UBND-QLĐT ngày .../.../2012 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh X khi nhà nước thay đổi chế độ chính sách quy định *“Không xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phần khối lượng phát sinh ngoài gói thầu mà do lỗi chủ quan của Tư vấn thiết kế và các bên liên quan gây ra (phát sinh cấp đất đá, phát sinh khối lượng...). Toàn bộ các chi phí của phần khối lượng phát sinh do tư vấn thiết kế và chủ đầu tư chịu trách nhiệm khắc phục”*. Tuy nhiên, UBND tỉnh đã chấp thuận việc điều chỉnh, bổ sung cho phần khối lượng phát sinh của một số dự án khi chưa xác định cụ thể không phải là lỗi chủ quan của Tư vấn thiết kế và các bên liên quan gây ra.

***II. CÔNG TÁC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯƠNG, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG***

Theo báo cáo số …/BC-UBND ngày …/…/2018 của UBND tỉnh, trong giai đoạn 2015-2017 có 1.941 dự án (DA) được bố trí vốn đầu tư công (trong đó có 288 DA đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2014; 396 DA chuyển tiếp; 1.257 DA được phê duyệt chủ trương đầu tư trong giai đoạn). Qua thanh tra 37 DA sử dụng vốn đầu tư công cho thấy còn một số nội dung chưa phù hợp như sau:

***1. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư***

***1.1. Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư***

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 Luật Đầu tư công, việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (Báo cáo ĐXCTĐT) do đơn vị trực thuộc Cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo ĐXCTĐT thực hiện nhưng tại DA Trường trung cấp Y việc lập Báo cáo ĐXCTĐT do Công ty CP tư vấn kiến trúc QHXD X (không phải là đơn vị trực thuộc Cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo ĐXCTĐT theo Văn bản số …/QĐ-UBND ngày …/…/2015) là chưa phù hợp quy định.

***1.2. Thẩm định Báo cáo ĐXCTĐT, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn***

Báo cáo thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn tại DA Hồ điều phối lũ thành phố H chưa có đủ ý kiến của các đơn vị đề nghị cho ý kiến (Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT); chưa rõ mức vốn của từng nguồn (ghi chung chung nguồn vốn NSTW hỗ trợ+vốn vay ưu đãi+vốn tỉnh) là chưa phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ.

***1.3. Quyết định chủ trương đầu tư***

Tại khoản 5 Điều 17 Luật Đầu tư công quy định *“thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C do Hội đồng nhân dân quyết định”* và khoản 2 Điều 61 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP quy định HĐND *“Quyết định hoặc ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, cho ý kiến, quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 91 của Luật Đầu tư công”*.

Có 08 DA (nhóm B hoặc trọng điểm nhóm C) do Thường trực HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng không có văn bản ủy quyền của HĐND tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định 136/2015/NĐ-CP.

Thể thức 08 văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 11 và khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ, cụ thể: tên của tổ chức ban hành văn bản là HĐND tỉnh nhưng nội dung chỉ đạo là của Thường trực HĐND tỉnh và ký ban hành văn bản là Thường trực HĐND tỉnh.

Sau khi có văn bản thống nhất chủ trương của Thường trực HĐND thì UBND tỉnh ban hành văn bản quyết định chủ trương đầu tư là chưa có trong quy định (UBND tỉnh không có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C).

***2. Công tác khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư***

***2.1. Trình và phê duyệt dự án đầu tư***

a) Trình phê duyệt dự án

Theo điểm c khoản 2 Điều 31 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP và điểm 1.2 khoản 1 mục III Điều 1 Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2016 của UBND tỉnh quy định việc trình phê duyệt dự án là trách nhiệm của Sở KH&ĐT nhưng tại DA Sửa chữa mặt đường nội thị huyện A do Sở Xây dựng trình phê duyệt dự án (Tờ trình số .../TTr-SXD ngày .../.../2016 của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt số .../QĐ-UBND ngày .../.../2016 của UBND tỉnh) là chưa phù hợp quy định.

b) Việc phê duyệt dự án

- Có 08 DA không xác định rõ nguồn vốn đầu tư, quyết định đầu tư chỉ ghi nguồn vốn NSNN và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác là chưa phù hợp với điểm a khoản 3 Mục I Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 và điểm b khoản 1 Mục I Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Có 08 DA không xác định rõ được thời gian thực hiện nên chỉ ghi chung chung *“thời gian thực hiện: Theo kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh”* là chưa đủ cơ sở để bố trí vốn theo tiến độ thực hiện dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 và d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015.

- Dự án Hạ tầng giao thông nội thị ưu tiên, cấp bách để vận chuyển hàng hóa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2013 nhưng không có hồ sơ dự án; nội dung quyết định chưa phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (không xác định chủ đầu tư dự án, tổ chức tư vấn lập dự án, chủ nhiệm lập dự án và hình thức quản lý dự án).

- Tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định dự án có quy mô chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp từ 5 ha trở lên phải Đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Tuy nhiên, tính đến thời điểm thanh tra, Dự án Hồ điều phối lũ thành phố H sử dụng 36 ha đất trồng lúa chuyển đổi sang đất phi nông nghiệp (đang triển khai thi công) chưa được phê duyệt ĐTM là chưa đúng quy định.

***2.2. Việc điều chỉnh dự án đầu tư***

Qua thanh tra có 07 DA phải điều chỉnh tăng/giảm TMĐT, trong đó có 03 DA điều chỉnh giảm TMĐT với tổng giá trị là 137,99 tỷ đồng (giảm 12% TMĐT so với ban đầu) làm tăng chi phí lập dự án đầu tư và có 04 DA phải điều chỉnh tăng TMĐT thêm 60,92 tỷ đồng (tăng 54% TMĐT so với ban đầu). Việc điều chỉnh tăng/giảm quy mô đầu tư cho thấy công tác khảo sát, thiết kế và lập dự án đầu tư cũng như thẩm định, phê duyệt dự án còn chưa sát với thực tế, chưa xác định rõ quy mô cần phải đầu tư.

***III. CÔNG TÁC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG***

***1. Bố trí vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020***

***1.1. Việc thực hiện cam kết bố trí vốn ngân sách địa phương***

Trong quá trình lập kế hoạch đầu tư công trung hạn (viết tắt KHĐTCTH), UBND tỉnh cam kết bố trí vốn ngân sách địa phương (NSĐP) để hoàn thành dự án tại các Công văn số …/UBND-TH ngày …/…/2016, số …/UBND-TH ngày …/…/2017, số …/UBND-TH ngày …/…/2016 về việc lập KHĐTCTH nhưng trong KHĐTCTH vốn NSĐP giai đoạn 2016-2020 có 04 DA UBND tỉnh chưa bố trí đủ vốn như cam kết.

***1.2. Việc phân bổ vốn trung hạn***

Theo hướng dẫn tại điểm 9 khoản 1 Mục II Phần A Văn bản số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ KH&ĐT về dự kiến phân bổ KHĐTCTH quy định dự án hoàn thành đã bàn giao, quyết toán bố trí đủ kế hoạch vốn cho từng DA; mức vốn kế hoạch bố trí cho từng dự án không vượt quá 90% TMĐT. Tuy nhiên, trong KHĐTCTH có 10 DA không bố trí đủ 100% vốn theo giá trị quyết toán hoàn thành, 01 DA chuyển tiếp bố trí vốn vượt 100% TMĐT, 02 DA chuyển tiếp bố trí vốn vượt 90% TMĐT.

Theo tiết đ điểm 1.1 khoản 1 Điều 1 Quyết định số …/QĐ-UBND ngày …/…/2017 của UBND tỉnh về việc giao KHĐTCTH nguồn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 hướng dẫn công trình chuyển tiếp, khởi công mới bố trí 90% TMĐT nhưng KHĐTCTH có 02 DA chuyển tiếp chưa bố trí vốn đạt 90% TMĐT.

***1.3. Việc phân bổ vốn tín dụng ưu đãi***

Theo KHĐTCTH, UBND tỉnh đã phân bổ vốn tín dụng ưu đãi cho 02 DA không thuộc đối tượng được vay vốn tín dụng ưu đãi theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 156/2009/TT-BTC ngày 03/8/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn là chưa phù hợp.

***1.4. Việc bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA***

Theo Phụ lục số 09 Quyết định số …/QĐ-UBND ngày …/…/2017 về việc giao KHĐTCTH nguồn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 nhu cầu vốn đối ứng NSTW là 699.819 triệu đồng, NSĐP là 626.631 triệu đồng nhưng bố trí đối ứng NSTW là 517.743 triệu đồng (đạt 74% nhu cầu vốn đối ứng), NSĐP là 469.383 triệu đồng (đạt 75% nhu cầu vốn đối ứng) (Phụ lục 02a) là chưa phù hợp với hướng dẫn tại điểm 4 khoản 2 Mục II Phần A Văn bản số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 về dự kiến phân bổ KHĐTCTH vốn NSNN giai đoạn 2016-2020.

Ngoài ra, tổng mức vốn đối ứng, tỉ lệ vốn đối ứng NSTW và NSĐP chưa thống nhất tại các phụ lục, cụ thể: Phụ lục số 02a là 1.857.876 triệu đồng và Phụ lục số 09 là 1.721.063 triệu đồng (chênh lệch 136.813 triệu đồng).

***1.5. Việc phân bổ và sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư***

Theo Điều 18 Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước quy định “*Không bố trí vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư cho các dự án đầu tư mới”*. Tuy nhiên, UBND tỉnh đã phân bổ và sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư để thanh toán cho một số công trình xây dựng mới là chưa phù hợp.

***2. Công tác lập, phân bổ, bố trí vốn đầu tư công***

***2.1. Lập kế hoạch đầu tư công năm 2017***

Báo cáo kết quả thực hiện năm 2016 và kế hoạch vốn năm 2017 của một số đơn vị: Sở KH&CN, GD&ĐT, NN&PTNT, TT&TT, Văn hóa TT&DL còn chưa đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn tại Công văn số …/SKH-TH ngày …/…/2016 của Sở KH&ĐT hướng dẫn việc lập KHĐTC năm 2017.

***2.2. Phân bổ vốn năm 2015 cho dự án có quyết định đầu tư sau ngày 31/10/2014***

UBND tỉnh phân bổ vốn cho 07 DA có quyết định đầu tư sau ngày 31/10/2014 là chưa đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 10 Thông tư số 84/2014/TT-BTC ngày 27/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2015 (chỉ bố trí vốn khởi công mới cho các dự án thật sự cấp bách có đủ thủ tục đầu tư theo quy định trước ngày 31/10/2014).

***2.3. Một số nội dung khác***

Qua thanh tra một số dự án cho thấy:

- Huyện A: Trong năm 2017 có 02 DA đã quyết toán hoàn thành đề xuất vốn nhưng không được phân bổ vốn, 02 DA hoàn thành không đề xuất vốn nhưng được phân bổ vốn. Trong khi chưa ưu tiên phân bổ vốn cho dự án quyết toán hoàn thành nhưng lại phân bổ vốn cho dự án khởi công mới. Ví dụ: Nhà hợp khối huyện ủy A, Hội trường UBND huyện A.

- Huyện B: Phân bổ vốn cho 06 DA vượt TMĐT; 03 DA có tỉ lệ giải ngân đến ngày 30/9/2016 dưới 30% nhưng vẫn bố trí vốn năm tiếp theo là chưa phù hợp với quy định tại Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 08/7/2016 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017 *“Đối với các dự án đến ngày 30/9/2016 giải ngân dưới 30% kế hoạch vốn năm 2016, kiên quyết không bố trí kế hoạch năm 2017 để tập trung thực hiện hết số vốn kế hoạch năm 2016 kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2017”*.

***3. Nợ đọng xây dựng cơ bản***

Theo báo cáo số …/BC-SKH ngày …/…/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, số nợ đọng XDCB của tỉnh đến ngày 31/12/2014 là 938.164 triệu đồng.

Tính đến ngày 31/12/2015 nợ đọng XDCB 1.282.160 triệu đồng, trong đó số nợ đọng XDCB phát sinh từ nguồn vốn đầu tư công là 267.347 triệu đồng. Đến ngày 31/12/2016 nợ đọng XDCB 1.337.443 triệu đồng, trong đó số nợ đọng XDCB phát sinh từ nguồn vốn đầu tư công là 243.232 triệu đồng. Đến ngày 31/12/2017 nợ đọng XDCB 870.680 triệu đồng, trong đó số nợ đọng XDCB phát sinh từ nguồn vốn đầu tư công là 208 triệu đồng. Sau khi bố trí vốn kế hoạch năm 2018, nợ đọng XDCB còn lại là 572.936 triệu đồng (trong đó nợ NSTW 76.947 triệu đồng, nợ vốn TPCP 46.500 triệu đồng, nợ ngân sách tỉnh 412.396 triệu đồng, nợ ngân sách huyện, thành phố và vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân 37.092 triệu đồng).

Việc để xảy ra nợ đọng XDCB nguồn vốn đầu tư công sau ngày 31/12/2014 là chưa đúng quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đầu tư công và điểm a khoản 1 Mục I Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 về tăng cường biện pháp xử lý nợ đọng XDCB nguồn vốn đầu tư công.

***4. Việc phân bổ, bố trí vốn hỗ trợ dự án đầu tư Nhà máy chế biến gỗ C***

- Báo cáo số …/BC-UBND ngày …/…/2012 của UBND tỉnh về việc dự kiến chi tiết phân bổ vốn hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW, vốn TPCP năm 2013 chưa thể hiện việc đề xuất hỗ trợ cho DA theo hướng dẫn tại điểm a khoản 4 Mục I Văn bản số 4726/BKHĐT-TH ngày 29/6/2012 của Bộ KH&ĐT.

- Cự ly vận chuyển từ Nhà máy C đến Hà Nội được xác định theo Quyết định số …/QĐ-UBND ngày …/…/2011 của UBND tỉnh tại thời điểm đường cao tốc chưa xây dựng xong. Tuy nhiên, khi đường cao tốc hoàn thành cự ly vận chuyển sẽ giảm nhưng chưa xác định lại chi phí hỗ trợ theo cự ly vận chuyển là chưa phù hợp.

***IV. CÔNG TÁC LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ***

Qua thanh tra hồ sơ, tài liệu 37 DA về công tác khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán còn một số sai sót, cụ thể:

***1. Xác định khối lượng***

Tại 22 DA có sai sót trong công tác xác định khối lượng so với thiết kế BVTC, cụ thể như: sai, trùng, thừa khối lượng đất (đào, đắp), khối lượng gạch, bê tông, thép, ván khuôn và một số công tác khác, làm tăng chi phí đầu tư xây dựng 3.295.028.000 đồng.

***2. Áp dụng chế độ, chính sách và đơn giá, định mức***

***2.1. Việc tính toán chi phí tư vấn***

Tại 04 DA tính toán chi phí tư vấn chưa chính xác làm tăng giá trị 1.580.246.000 đồng, như sau:

- Xác định sai chi phí tư vấn lập, thẩm định HSMT, đánh giá HSDT so với quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

- Tính trùng chi phí giám sát đánh giá đầu tư vì chi phí này đã có trong chi phí QLDA theo quy định tại Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng.

- Chủ đầu tư tự thực hiện gói thầu tư vấn giám sát. Tuy nhiên, tính thêm 10% thuế giá trị gia tăng chi phí tư vấn như đối với trường hợp chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn.

***2.2. Áp dụng đơn giá, định mức***

Tại 07 DA áp dụng đơn giá, định mức chưa chính xác làm tăng giá trị 348.701.000 đồng, như sau:

- Lập dự toán đã áp dụng không đúng giá nhiên liệu (Dầu Diezel, Dầu hỏa) theo thông báo giá Quý của Liên sở Tài chính - Xây dựng ban hành.

- Định mức thí nghiệm mẫu khảo sát địa chất được điều chỉnh giảm theo hệ số k=0,55 khi thí nghiệm mẫu khảo sát 9/17 chỉ tiêu theo quy định tại phần ghi chú, Mục 2 Chương XIV Định mức được công bố kèm theo văn bản số 1779/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng, hoặc hệ số k=0,8 khi số lượng mẫu thí nghiệm >10 mẫu theo Quyết định 3424/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh nhưng không được thực hiện theo quy định nêu trên.

- Dự toán gói thầu xây lắp thuộc dự án Sửa chữa mặt đường nội thị huyện A áp đơn giá, định mức ô tô 7T để vận chuyển đất, đá, vật liệu trong quá trình thi công nhưng HSDT và thực tế thi công đã sử dụng các loại ô tô có tải trọng 10T. Việc sử dụng định mức ô tô vận chuyển trong tính toán dự toán không phù hợp thực tế thi công làm tăng chi phí xây dựng (hạng mục đường + hạng mục thoát nước).

**3. Một số nội dung khác**

Một số công việc khi lập thiết kế thi công, tính dự toán thiếu cơ sở, chưa chặt chẽ, cụ thể như: không có sơ đồ vị trí, cự ly vận chuyển đất đào, đắp; không xác định rõ vị trí, cự ly vận chuyển vật tư, vật liệu, bê tông nhựa; lập dự toán sử dụng biện pháp phá đá bằng nổ mìn đối với dự án gần dân cư, đến khi thực tế thi công không sử dụng được biện pháp nổ mìn.

***V. CÔNG TÁC ĐẤU THẦU***

***1. Kế hoạch đấu thầu, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu***

***1.1. Lập kế hoạch đấu thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu***

Chủ đầu tư không lập kế hoạch đấu thầu (KHĐT), kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT) cho toàn bộ dự án là chưa phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Đấu thầu năm 2005 và khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 34 Luật Đấu thầu năm 2013, cụ thể:

- Quyết định số …/QĐ-UBND ngày …/…/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án Hạ tầng giao thông nội thị ưu tiên, cấp bách để vận chuyển hàng là căn cứ và đủ điều kiện lập KHĐT cho toàn bộ dự án. Tuy nhiên, thực tế KHĐT chỉ được lập cho từng hạng mục của dự án.

- Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt DA HTKT phía sau trụ sở Khối II Khu đô thị mới là đủ điều kiện lập KHLCNT cho toàn dự án nhưng KHLCNT không được lập và phê duyệt cho toàn bộ dự án, cụ thể: gói thầu rà phá bom, mìn, vật nổ và tư vấn thí nghiệm đối chứng được phê duyệt tại quyết định phê duyệt DA. Khi phê duyệt KHLCNT không có các gói thầu trên nhưng sau đó các gói thầu trên được điều chỉnh, bổ sung vào KHLCNT và phê duyệt tại các quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2016 và số .../QĐ-UBND ngày .../.../2017.

***1.2. Việc đăng tải KHĐT/KHLCNT, kết quả đấu thầu***

Có 19 gói thầu chưa được đăng tải KHĐT/KHLCNT, kết quả đấu thầu là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Luật Đấu thầu 2005 hoặc điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 8 Luật Đấu thầu năm 2013.

***1.3. Phương thức đấu thầu của từng gói thầu trong KHĐT***

Có 02 DA (Nhà văn hóa các dân tộc huyện D - Hạng mục nhà văn hóa+san nền; Nâng cấp tỉnh lộ E) không nêu rõ phương thức đấu thầu trong KHĐT của từng gói thầu là chưa phù hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 6 Luật Đấu thầu năm 2005.

***2. Hồ sơ mời thầu***

***2.1. Công tác lập, chỉ dẫn trong Hồ sơ mời thầu***

Tại DA Sửa chữa mặt đường nội thị huyện A: Hồ sơ thiết kế - dự toán sử dụng các máy đào 0,8m3, máy trộn bê tông 500 lít nhưng HSMT yêu cầu máy đào 1,25m3 và máy trộn bê tông 250 lít là không phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014.

Có 03 DA nội dung chỉ dẫn trong HSMT chưa thống nhất.

HSMT gói thầu xây lắp không nêu rõ thời điểm đóng thầu và mở thầu (Đường F - G, thành phố H).

***2.2. Yêu cầu của Hồ sơ mời thầu***

Qua kiểm tra yêu cầu của HSMT gói thầu xây lắp còn một số sai sót:

- HSMT yêu cầu về hợp đồng tương tự (04 gói thầu), về tài chính (04 gói thầu), nhân sự (03 gói thầu) và thiết bị (03 gói thầu) chưa phù hợp với quy định tại Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06/5/2015, cụ thể: không quy định giá trị hợp đồng tương tự hoặc giá trị hợp đồng tương tự thấp hơn quy định; quy định cấp công trình tương tự không đúng; yêu cầu về số năm báo cáo tài chính và doanh thu trong báo cáo thấp hơn quy định; không yêu cầu số lượng nhân sự chủ chốt hoặc quy định nhân sự phải tham gia đóng bảo hiểm; không yêu cầu nhà thầu đề xuất về thiết bị thi công chủ yếu.

- Có 02 gói thầu xây lắp, HSMT yêu cầu nhà thầu triển khai thi công kể cả trường hợp kế hoạch vốn không bố trí kịp thời (ứng vốn thi công) là chưa phù hợp quy định tại điểm d khoản 1 Mục II Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng XDCB từ nguồn vốn NSNN, TPCP.

***3. Công tác tổ chức, đánh giá Hồ sơ dự thầu***

***3.1. Việc cập nhật giá vật liệu trước thời điểm mở thầu***

Gói thầu xây lắp thuộc DA Hồ điều phối lũ thành phố H: Giá gói thầu chưa được cập nhật trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu (mở thầu xây lắp 9h00 ngày 28/02/2018) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Đấu thầu năm 2013, dẫn đến làm tăng giá gói thầu là 259.332.000 đồng (giá xi măng tại dự toán là 972,7 đồng/kg; giá xi măng quý 1/2018 là 890,909 đồng/kg).

***3.2. Đánh giá Hồ sơ dự thầu***

Tổ chuyên gia đánh giá HSDT chưa đúng theo tiêu chuẩn đánh HSDT quy định tại HSMT; không làm rõ HSDT khi đánh giá các yêu cầu về tài chính, kinh nghiệm trong quản lý và thực hiện hợp đồng và về năng lực kỹ thuật, trong quá trình đánh giá HSDT, cụ thể:

- Có 05 gói thầu: Báo cáo tài chính không đầy đủ theo quy định, chưa được kiểm toán theo yêu cầu của HSMT; doanh thu trong báo cáo tài chính chưa đáp ứng yêu cầu.

- Có 08 gói thầu: Hợp đồng tương tự thiếu thông tin; chưa đáp ứng yêu cầu tương tự về giá trị, tính chất, tiến độ và chất lượng theo yêu cầu của HSMT.

- Có 04 gói thầu: Thư bảo lãnh dự thầu, đảm bảo cung cấp tín dụng chưa phù hợp do Phó Giám đốc ký nhưng không có ủy quyền.

- Có 04 gói thầu: Nhân sự đề xuất trong HSDT chưa đầy đủ thông tin về trình độ, hợp đồng lao động; chưa đáp ứng tiêu chuẩn về kinh nghiệm thi công các công trình tương tự và số năm kinh nghiệm theo yêu cầu của HSMT.

- Có 09 gói thầu: Thiết bị đề xuất trong HSDT chưa đủ số lượng, chưa đáp ứng tiêu chuẩn về công suất và các thông số kỹ thuật theo yêu cầu của HSMT.

- Có 07 gói thầu: Thiếu chữ ký của thành viên Tổ chuyên gia; kinh nghiệm về thi công không thống nhất trong đánh giá; thuyết minh biện pháp thi công chưa phù hợp; không có xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế; không kê khai nhà thầu phụ theo yêu cầu.

***VI. CÔNG TÁC KÝ KẾT, THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG, NGHIỆM THU, THANH TOÁN VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH***

***1. Công tác ký kết, thực hiện hợp đồng***

Việc ký kết và thực hiện hợp đồng còn một số hạn chế:

- Mẫu hợp đồng được quy định tại HSMT nhưng khi ký kết hợp đồng chủ đầu tư và nhà thầu thực hiện không đúng theo Mẫu đã đưa ra.

- Thời hạn thực hiện ghi trong hợp đồng ký kết đã hết nhưng không được các bên gia hạn điều chỉnh, bổ sung thời gian thực hiện kịp thời.

- Thời hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng đã hết nhưng chưa thực hiện việc gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

- Nhân sự thực tế thi công chưa đúng với nhân sự đã cam kết trong HSDT nhưng không có tài liệu chứng minh việc nhà thầu đề nghị thay thế nhân sự và chủ đầu tư chấp thuận.

***2. Công tác nghiệm thu, thanh toán***

Tại 04 DA, việc nghiệm thu, thanh quyết toán có sai sót, làm tăng giá trị thanh toán 93.384.000 đồng, cụ thể:

- DA Kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng, thành phố X: chiều sâu ống chống khi khoan tại biên bản nghiệm thu nhỏ hơn dự toán khối lượng nhưng chưa thực hiện việc giảm giá trị khối lượng khi thanh toán; chưa thực hiện việc giảm trừ thanh toán 03 lỗ khoan dưới nước (không phải tiến hành đổ nước lỗ khoan nhưng vẫn nghiệm thu theo dự toán); không thực hiện thí nghiệm Hệ số hóa mềm 17 mẫu đá.

- Gói thầu Tư vấn lập dự án đầu tư thuộc DA Xây dựng phòng học cho các trường mầm non, tiểu học tại các huyện trên địa bàn tỉnh: có 42 công trình (Hợp đồng tư vấn số …/…/HĐ-TVXD ngày …/…/2014), thực tế triển khai 41 công trình nhưng nghiệm thu 42 công trình.

- Có 02 DA (Đường cứu hộ, cứu nạn thôn …, xã … đi thôn … xã …, huyện K; Nâng cấp tỉnh lộ E) thanh toán thừa chi phí lán trại.

***3. Công tác quản lý chất lượng công trình***

Công tác quản lý chất lượng công trình còn một số điểm chưa phù hợp, cụ thể:

- Không có biên bản nghiệm thu máy móc thiết bị trước khi đưa vào công trường; không thí nghiệm vật liệu gạch khi đưa vào sử dụng; biên bản kiểm tra, biên bản lấy mẫu chưa ghi đầy đủ thông tin về thời gian và chưa được ký xác nhận theo quy định.

- Nhật ký thi công ghi chưa đầy đủ các thông tin liên quan đến nhân sự, thiết bị và các công việc hàng ngày trên hiện trường và chưa ký một số trang theo quy định.

***4. Một số nội dung khác***

Gói thầu xây lắp thuộc DA Bệnh viện Y học cổ truyền X: khối lượng nghiệm thu hoàn thành công tác thi công ép cọc theo thực tế nhỏ hơn giá trị hợp đồng với số tiền là 969.279.000 đồng nhưng chưa kịp thời thực hiện giảm trừ.

Gói thầu số 01, 02 thuộc DA Trường trung cấp Y thực tế không thực hiện việc thi công Hàng rào tôn bảo vệ công trường, nhà bảo vệ với tổng giá trị là 53.941.000 đồng nhưng chưa thực hiện giảm trừ.

Dự án Trường trung cấp Y, Hồ điều phối lũ thành phố H: khối lượng đá (cấp 3, cấp 4) tại thiết kế BVTC được xác định theo tỷ lệ phần trăm trên cơ sở số liệu khoan địa chất, do đó trong quá trình thi công khối lượng đào đá (cấp 3, cấp 4) cần phải được nghiệm thu trên cơ sở thiết kế BVTC và thực tế thi công.

***VII. CÔNG TÁC BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ***

- Trong giai đoạn 2015-2017, có 03/06 báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư (6 tháng, năm) của tỉnh chưa đảm bảo thời hạn so với quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 và khoản 4 Điều 69 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 về giám sát và đánh giá đầu tư.

- Các chủ chương trình, chủ đầu tư chưa thực hiện chế độ báo cáo GSĐGĐT đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 113/2009/NĐ-CP và khoản 6 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Năm thực hiện** | | | | | | **Tổng cộng**  **2015-2017** |
| **2015** | | **2016** | | **2017** | |
| **6**  **tháng** | **Cả năm** | **6 tháng** | **Cả năm** | **6 tháng** | **Cả năm** |
| 1 | Số lượng chủ chương trình, chủ đầu tư phải thực hiện báo cáo GSĐGĐT | Không được báo cáo | 31 | 31 | 31 | 30 | 31 | 93 |
| 2 | Số lượng chủ chương trình, chủ đầu tư không thực hiện báo cáo GSĐGĐT | Không được báo cáo | 16 | 17 | 18 | 15 | 20 | 54 |
| 3=2/1 | Tỷ lệ lập báo cáo GSĐGĐT (%) | Không có dữ liệu để tính | 51,61 | 54,84 | 58,06 | 50,00 | 64,52 | 58,06 |

- Một số chủ chương trình, chủ đầu tư nhiều kỳ liên tiếp chưa thực hiện báo cáo GSĐGĐT: 02 kỳ liên tiếp chưa thực hiện báo cáo GSĐGĐT (Sở GTVT, Sở TN&MT, Ban chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, Sở Công thương, Quỹ ĐTPT); 03 kỳ liên tiếp chưa thực hiện báo cáo GSĐGĐT (Sở Nội vụ, UBND huyện Bát Xát); 04 kỳ liên tiếp chưa thực hiện báo cáo GSĐGĐT (UBND huyện Bảo Yên).

- Các chủ chương trình, chủ đầu tư chưa cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin báo cáo vào hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước theo quy định tại khoản 14 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP.

- Việc thực hiện chế độ báo cáo đối với từng dự án chưa đầy đủ, cụ thể:

+ Căn cứ vào số liệu báo cáo của các chủ đầu tư thì số lượng dự án không lập Báo cáo GSĐGĐT như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Năm thực hiện** | | | | | | **Tổng cộng**  **2015-2017** |
| **2015** | | **2016** | | **2017** | |
| **6 tháng** | **Cả năm** | **6 tháng** | **Cả năm** | **6 tháng** | **Cả năm** |
| 1 | Số dự án phải lập Báo cáo GSĐGĐT | Không được báo cáo | 1255 | 689 | 1102 | 375 | 2367 | 4724 |
| 2 | Số dự án không lập Báo cáo GSĐGĐT | Không được báo cáo | 575 | 419 | 531 | 265 | 1033 | 2139 |
| 3=2/1 | Tỷ lệ dự án không lập Báo cáo GSĐGĐT (%) | Không có dữ liệu | 45,82 | 60,81 | 48,19 | 70,67 | 43,64 | 45,28 |

+ Qua thanh tra chi tiết đối với 05 chủ đầu tư (Ban quản lý các CTXDCB - Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và PTNT; Ban quản lý dự án ODA; Huyện M; Huyện N) về tình hình lập Báo cáo GSĐGĐT năm 2017 của từng chương trình, dự án cho thấy các chủ đầu tư thực hiện chưa đầy đủ, kịp thời.

***Phần thứ ba***

***KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ***

***I. KẾT LUẬN***

Trong giai đoạn 2015-2017, UBND tỉnh X đã tích cực chỉ đạo, quản lý và thực hiện các quy định pháp luật về đầu tư công. Nhìn chung, công tác quản lý, điều hành và thực hiện đã tuân thủ các quy định pháp luật về đầu tư công. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn một số sai sót chính như sau:

1. Việc áp dụng văn bản hướng dẫn xác định đơn giá ca máy và thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung cho phần khối lượng phát sinh chưa phù hợp với hướng dẫn đã ban hành.

2. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư còn sai sót: Một số dự án quyết định chủ trương đầu tư khi chưa xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn; Phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư chưa đúng thẩm quyền; Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư chưa thống nhất về thể thức văn bản.

3. Công tác trình, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư: Chưa xác định rõ nguồn vốn, thời gian thực hiện dự án, chủ đầu tư dự án, tổ chức tư vấn lập dự án, chủ nhiệm lập dự án và hình thức quản lý dự án; chậm phê duyệt ĐTM.

4. Công tác phân bổ, bố trí và giải ngân vốn đầu tư công còn sai sót: Chưa tập trung bố trí vốn cho các dự án hoàn thành; việc phân bổ vốn trung hạn & bố trí vốn ODA chưa đáp ứng, việc phân bổ vốn tín dụng còn chưa phù hợp và phân bổ vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư còn sai sót; công tác lập, phân bổ vốn đầu tư theo năm; còn phát sinh nợ XDCB.

5. Việc quản lý, nghiệm thu và thanh toán vốn hỗ trợ dự án còn sai sót trong việc đề xuất hỗ trợ, phân bổ vốn, xác định cự ly vận chuyển, thanh toán vốn hỗ trợ sau đầu tư (điểm 4 khoản III Mục A Phần thứ hai Kết luận thanh tra).

6. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế BVTC-DT và triển khai thực hiện của một số dự án còn để xẩy ra sai sót như: Áp dụng định mức, đơn giá, nhân công chưa đúng quy định; khối lượng dự toán chưa đúng so với thiết kế được duyệt; lập thiết kế, tính dự toán và biện pháp tổ chức thi công còn chưa phù hợp.

7. Công tác lựa chọn nhà thầu: thiếu sót trong việc lập KHĐT/KHLCNT; một số gói thầu chưa đăng tải KHĐT/KHLCNT và kết quả đấu thầu; HSMT còn sai sót; việc tổ chức đánh giá đánh giá HSDT còn một số điểm chưa phù hợp.

8. Công tác ký kết hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán và quản lý chất lượng còn sai sót.

9. Công tác báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư: tổng hợp và báo cáo số liệu chưa kịp thời; chưa cập nhật thông tin báo cáo vào hệ thống thông tin quy định; một số chủ đầu tư không Báo cáo GSĐGĐT hoặc báo cáo không đầy đủ theo quy định.

10. Tổng số tiền sai sót phát hiện qua thanh tra là 6.731.682.000 đồng. Trong đó: giá trị thu hồi là 278.334.000 đồng; giá trị giảm trừ là 6.025.632.000 đồng; số tiền xử lý khác 434.950.000 đồng.

***II. KIẾN NGHỊ***

Căn cứ vào kết quả thanh tra, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị với HĐND, UBND tỉnh X một số nội dung sau:

1. Khi phê duyệt chủ trương đầu tư cần xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư phải thống nhất về thể thức, đúng về thẩm quyền; việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư phải thực hiện đúng quy định.

2. Chấn chỉnh công tác lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư hàng năm; thực hiện nghiêm việc quản lý, phân bổ và sử dụng vốn trung hạn, vốn tín dụng ưu đãi, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư... Tập trung bố trí đủ vốn cho dự án hoàn thành và dự kiến hoàn thành, hạn chế tối đa việc khởi công mới hoặc điều chỉnh tăng TMĐT đối với những dự án không thực sự cần thiết và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định.

3. Chỉ đạo tổ chức rà soát và có báo cáo cụ thể việc xác định cự ly vận chuyển, mức hỗ trợ và việc nghiệm thu, thanh toán cho dự án và có biện pháp khắc phục sai sót nêu tại khoản 5 Mục I Phần thứ ba Kết luận thanh tra.

4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan của tỉnh thực hiện các nội dung sau:

4.1. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Thực hiện nghiêm túc việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo đúng quy định pháp luật về Đầu tư công; tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh chấn chỉnh công tác lựa chọn nhà thầu và công tác giám sát, đánh giá đầu tư, trường hợp không thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư thì xem xét, có hình thức xử lý theo quy định.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn vốn nhà nước, công tác lựa chọn nhà thầu đối với các chủ đầu tư, bên mời thầu.

Tổ chức kiểm tra, rà soát và báo cáo UBND tỉnh đối với việc thiết kế, quy hoạch hồ thủy điện O để đảm báo đúng quy định.

4.2. Đối với Sở Tài chính:

Chấn chỉnh trong công tác tham mưu việc phân bổ, bố trí và thanh toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư; đảm bảo việc bố trí vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư theo đúng đối tượng và tiến độ, tránh gây nợ đọng trong đầu tư xây dựng.

4.3. Đối với Sở GTVT - Xây dựng:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh hướng dẫn chi tiết về xác định đơn giá ca máy; việc thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung cho phần khối lượng phát sinh.

4.4. Đối với chủ đầu tư các dự án và nhà thầu: Nghiêm túc thực hiện các quy định về công tác khảo sát lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế - dự toán; lưu ý việc lập, phê duyệt giá trị dự toán hạng mục điện, nước thuộc trách nhiệm của đơn vị cung cấp điện, nước; công tác đấu thầu, thực hiện hợp đồng và quản lý chất lượng, công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

5. Xử lý về kinh tế:

- Thu hồi giá trị sai sót về kinh tế số tiền là 278.334.000 đồng (Hai trăm bảy tám triệu, ba trăm ba tư nghìn đồng) qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư - số tài khoản: 3949, mã QHNS: 9054418 tại Kho bạc nhà nước quận Ba Đình-Thành phố Hà Nội.

- Rà soát, thực hiện giảm trừ khi thanh quyết toán số tiền là 6.025.632.000 đồng (Sáu tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

- Đối với số tiền xử lý khác 434.950.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng), chủ đầu tư tổ chức rà soát, tính toán để điều chỉnh dự toán theo quy định.

Yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc rút kinh nghiệm, chấn chỉnh và có biện pháp khắc phục những sai sót đã nêu trên.

Trên đây là nội dung kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công giai đoạn 2015-2017 tại tỉnh X, đề nghị UBND tỉnh X chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc các nội dung trong Kết luận thanh tra. Kết quả thực hiện Kết luận thanh tra được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày .../.../2019./.

### Bộ KH&ĐT thanh tra việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT) do Bộ GTVT là cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### Dự kiến nội dung chính tiến hành thanh tra

2.1.1. Công tác quản lý Nhà nước trong hoạt động đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT

- Các văn bản của Bộ, ngành hướng dẫn, chỉ đạo điều hành đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng BOT;

- Công tác lập thẩm định phê duyệt và công bố danh mục dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT;

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Đề xuất dự án;

- Công tác lựa chọn nhà đầu tư;

- Công tác đàm phán ký kết hợp đồng dự án;

- Công tác thẩm định, cấp giấy Chứng nhận đầu tư;

- Công tác giải phóng mặt bằng, giao và nhận đất để thực hiện dự án;

- Công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án;

- Công tác nghiệm thu, bàn giao và thanh quyết toán công trình;

- Việc thực hiện các ưu đãi cho Nhà đầu tư thực hiện dự án;

- Sự phù hợp của phương án kinh doanh đối với dự án đầu tư theo hình thức BOT đối chiếu với các quy định của pháp luật.

2.1.2. Thực hiện dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT

- Năng lực của nhà đầu tư thực hiện dự án;

- Việc thành lập doanh nghiệp dự án để thực hiện dự án đầu tư;

- Công tác giải phóng mặt bằng và bồi thường, tái định cư;

- Điều kiện triển khai dự án, tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án;

- Công tác lập thiết kế kỹ thuật, giám sát và quản lý xây dựng công trình;

- Việc nghiệm thu, thanh toán với các nhà thầu;

- Việc thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước;

- Việc quản lý kinh doanh khai thác công trình đối với hình thức hợp đồng BOT;

- Việc thay đổi quy mô, mục tiêu, tổng mức đầu tư, tiến độ hoàn thành và chuyển nhượng dự án (nếu có);

- Xác định chi phí đầu tư, tiến độ giải ngân và công tác nghiệm thu thanh quyết toán;

- Công tác chuyển giao công trình.

#### Ví dụ minh họa về Kết luận thanh tra chuyên đề về công tác quản lý nhà nước và triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT trên tuyến Quốc lộ 1 do Bộ Giao thông vận tải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền

***Phần thứ nhất***

***KHÁI QUÁT CHUNG***

Quốc lộ 1 dài 2.300,45 Km là tuyến đường huyết mạch nối liền các tỉnh theo chiều dài cả nước. Đây là một trong những trục đường bộ quan trọng nhất trong hệ thống đường bộ ở nước ta. Việc nâng cấp mở rộng tuyến đường là nhân tố quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cả nước, giữ vững an ninh chính trị, quốc phòng.

Ngày 21/02/2012, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 55/TB-VPCP về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp thường trực Chính phủ về Đề án mở rộng Quốc lộ 1 giai đoạn 2012-2020.

Trên cơ sở đó, ngày …/…/2012 Bộ GTVT có Quyết định số …/QĐ-BGTVT về việc cho phép lập dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km… ÷ Km…, tỉnh Y theo hình thức hợp đồng BOT.

Ngày …/…/2013, tại Quyết định số …/QĐ-BGTVT, Bộ GTVT phê duyệt Dự án ĐTXD công trình mở rộng QL1 đoạn Km… ÷ Km…, tỉnh Y theo hình thức Hợp đồng BOT với các nội dung chính như sau:

***Phạm vi dự án và hướng tuyến:***

+ Địa điểm xây dựng: Huyện P, tỉnh Y.

+ Điểm đầu dự án: Km... Quốc lộ 1A, ranh giới giữa hai tỉnh Q và Y thuộc địa phận huyện P, tỉnh Y.

+ Điểm cuối dự án: Km... Quốc lộ 1A, thuộc địa phận huyện P, tỉnh Y.

+ Chiều dài tuyến: Khoảng 23,53 km (không bao gồm phạm vi tuyến tránh từ Km... ÷ Km...).

+ Hướng tuyến cơ bản đi theo tuyến đường Quốc lộ 1A hiện tại.

***Quy mô dự án:***

*Cấp đường:*

- Đoạn ngoài đô thị theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054-2005), tốc độ thiết kế V=80km/h. Một số đoạn khó khăn về trắc dọc châm chước thiết kế với vận tốc V=60km/h.

- Đoạn qua khu đông dân cư, thị trấn, thị xã... theo tiêu chuẩn đường phố chính đô thị thứ yếu (TCXDVN 104:2007), tốc độ thiết kế V=60km/h.

- Đoạn tuyến tránh thị trấn Tam Quan theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054-2005), tốc độ thiết kế V=80km/h. Một số đoạn khó khăn về trắc dọc châm chước thiết kế với vận tốc V=60km/h.

*Mặt cắt ngang:*

- Đoạn ngoài đô thị: Bnền = 20,5m (Bmặt = 4x3,5m + 0,5m + 2x0,5m + 2x2m = 19,5m; Blề = 2x0,5m = 1m).

- Đoạn qua khu đô thị hoặc khu đông dân cư: Bnền=20,5m (Bmặt=4x3,5m+ 0,5m + 2x0,5m + 2x2m = 19,5m; Bbó vỉa, đan rãnh = 2x0,5 = 1m); Rãnh thoát nước dọc 2x1,15m = 2,3m.

- Đoạn tuyến tránh: Bnền=12m (Bmặt=2x3,5m + 2x2m =11m; Blề = 2x0,5m = 1m)

*Kết cấu mặt đường:*Mặt đường cấp cao A1 theo 22TCN211-06, với mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc ≥ 160 Mpa.

*Bình đồ và trắc dọc:*

- Bình đồ: Cơ bản bám theo QL1A để tận dụng được khối lượng đường cũ, có điều chỉnh cục bộ một số đoạn đảm bảo yếu tố hình học và an toàn giao thông.

- Trắc dọc: Trên cơ sở kết quả khảo sát và kết cấu thiết kế đường đỏ đảm bảo yêu cầu thiết kế mặt đường mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc ≥ 160 Mpa.

*Công trình cầu:* khổ cầu phù hợp với khổ nền đường; tải trọng thiết kế HL93.

*Tần suất:* Nền đường, cống, cầu nhỏ P=4%; cầu trung, cầu lớn P=1%.

***Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 1.785,253 tỷ đồng***, trong đó:

+ Chi phí xây dựng, thiết bị: 891,587 tỷ đồng;

+ Chi phí GPMB (chưa bao gồm dự phòng): 499,236 tỷ đồng;

+ Chi phí QLDA, Tư vấn, chi phí khác: 89,419 tỷ đồng;

+ Chi phí dự phòng (bao gồm dự phòng GPMB): 148,119 tỷ đồng;

+ Lãi vay trong quá trình xây dựng (tạm tính): 156,891 tỷ đồng.

***Phần thứ hai***

***KẾT QUẢ THANH TRA***

1. ***Công bố danh mục dự án, lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư***

***1. Không thực hiện công bố lại danh mục dự án kêu gọi đầu tư khi điều chỉnh quy mô dự án đầu tư***

Danh mục Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng QL1 đoạn Km... ÷ Km..., tỉnh Y theo hình thức hợp đồng BOT được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số …/QĐ-BGTVT ngày …/…/2012, công bố đăng tải trên Báo Đấu thầu ngày …/…/2012 và ngày …/…/2012.

Tuy nhiên, khi phê duyệt Dự án đầu tư (tại Quyết định số …/QĐ-BGTVT ngày …/…/2013), Bộ GTVT đã tách Dự án đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km… ÷ Km… tỉnh Y thành 02 dự án, bao gồm:

+ Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km… ÷ Km…, tỉnh Y theo hình thức hợp đồng BOT;

+ Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km… ÷ Km…, tỉnh Y sẽ phê duyệt sau.

Như vậy, danh mục Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng QL1 đoạn Km... ÷ Km..., tỉnh Y theo hình thức hợp đồng BOT đã được điều chỉnh về mục tiêu, quy mô. Việc Bộ GTVT không công bố các nội dung thay đổi là không phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT.

1. ***Phê duyệt dự án đầu tư khi chưa có Báo cáo tác động môi trường***

Ngày …/…/2013, Bộ GTVT phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 Km… ÷ Km… tỉnh Y theo hình thức hợp đồng BOT (tại Quyết định số …/QĐ-BGTVT).

Tuy nhiên, đến ngày …/…/2013 Bộ GTVT mới có Quyết định số …/QĐ-BGTVT phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

Như vậy, việc phê duyệt Dự án đầu tư khi chưa có Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt là chưa phù hợp với quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011.

1. ***Công tác lập, thẩm tra và phê duyệt tổng mức đầu tư***

Quyết định đầu tư số …/QĐ-BGTVT ngày …/…/2013 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án với TMĐT là 1.644,498 tỷ đồng, chi phí xây dựng và thiết bị là 842,841 tỷ đồng. Tuy nhiên, qua kiểm tra việc lập, thẩm định và phê duyệt vẫn còn sai sót, chất lượng thiết kế chưa cao. Theo kết quả tính toán chưa đầy đủ, những sai sót này đã làm tăng TMĐT thêm 74.405.482.631 đồng. Cụ thể như sau:

* 1. *Chi phí nhân công.*

Chi phí nhân công trong tổng mức đầu tư được tính trên mức lương tối thiểu theo Nghị định số 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ là 1.650.000 đồng/tháng. Theo chỉ đạo chung của Bộ GTVT (văn bản 8179/BGTVT-CQLXD ngày 12/8/2013), chi phí nhân công được áp dụng cho toàn bộ các Dự án QL1A theo Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ là 1.400.000 đồng/tháng (đối với tỉnh Y, trừ thành phố và thị xã). Việc không điều chỉnh chi phí nhân công theo Nghị định số 70/2011/NĐ-CP mà vẫn sử dụng Nghị định số 103/2012/NĐ-CP đã làm tăng TMĐT so với hướng dẫn chung là 17.077.445.000 đồng.

Chi phí nhân công trong công tác xây lắp được tính theo hệ số lương cấp bậc và các khoản phụ cấp kèm theo được quy định tại Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ. Tuy nhiên, Bộ GTVT có văn bản 8179/BGTVT-CQLXD ngày 12/8/2013 cho phép được tính bổ sung thêm phụ cấp 10% cho việc không ổn định sản xuất. Việc cho tính thêm phụ cấp không ổn định sản xuất là không đúng thẩm quyền và làm tăng TMĐT 6.352.772.000 đồng.

Như vậy, việc tính chi phí nhân công chưa phù hợp với các quy định hiện hành, làm tăng TMĐT thêm 23.430.217.000 đồng.

* 1. *Tính thừa khối lượng đất mầu sử dụng để trồng cây và trồng cỏ.*

45.000 m3 đất đắp để trồng cỏ và trồng cây được tận dụng từ lớp đất hữu cơ đào bỏ đi, đơn giá đào đất hữu cơ đã bao gồm vận chuyển và đắp đất để trồng cây, trồng cỏ. Tuy nhiên, khi tính giá trị đất đắp để trồng cây và trồng cỏ lại tính mua thêm 31.300m3 đất mầu, việc này đã làm tăng TMĐT *3.926.414.320 đồng.*

* 1. *Tính chưa chính xác đắp bù cát tại các đoạn xử lý nền đất yếu*

Cát đắp bù tại các đoạn xử lý nền đất được tính với khối lượng 49.026,65m3. Tuy nhiên, khối lượng tính toán lại theo thiết kế tại các vị trí xử lý nền đất yếu chỉ là 27.415,99m3, việc tính chưa chính xác này đã làm tăng TMĐT *3.322.132.000 đồng.*

* 1. *Cống hộp chui dân sinh (hầm chui dân sinh)*

Tính sai đơn giá tổng hợp cho mỗi mét dài cống, cụ thể:

- Trong đơn giá bê tông đã bao gồm chi phí sản xuất. Tuy nhiên, đơn giá tổng hợp lại tính thêm một lần chi phí sản xuất bê tông;

- Theo thiết kế được duyệt, cống hộp chui 3,0x3,0m và 6,0x4,2m được thi công theo phương án dùng máy trộn bê tông để sản xuất bê tông và thực hiện thi công tại chỗ. Do đó, sẽ không có chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn tới nơi đổ bê tông thân cống và cẩu lắp các cấu kiện bê tông đúc sẵn.

Việc tính sai như trên đã làm tăng TMĐT *619.488.250 đồng*.

* 1. *Nhân thêm hệ số trong đơn giá nhựa đường không chính xác.*

Đơn giá nhựa đường được tính theo thông báo giá + đơn giá vận chuyển. Tuy nhiên, trong tính toán còn nhân thêm hệ số khác làm tăng giá trị. Việc này làm tăng TMĐT 772.081.000 đồng.

* 1. *Thiết kế cấp phối đá dăm bất cập.*

Theo thiết kế, để đạt cường độ mặt đường yêu cầu E≥160Mpa, chiều dày lớp cấp phối đá dăm (CPĐD) cho phần đường làm mới và mở rộng là 70cm. Tuy nhiên, theo tính toán kết cấu trong tập tài liệu đính kèm thì để đạt Eyc nêu trên chỉ cần chiều dày lớp CPĐD 60 cm và thực tế khi phê duyệt lại TKBVTC cũng duyệt 60cm cho lớp CPĐD. Việc tính toán nên trên đã làm TMĐT tăng thêm 11.711.779.000 đồng.

* 1. *Áp dụng chi phí lán trại cho phần cầu chưa đúng quy định.*

Theo quy định tại Thông tư 04/2010/TT-BXD thì chi phí lán trại cho cầu là 1%. Tuy nhiên, trong tính toán TMĐT vẫn tính 2% cho cầu là không chính xác. Việc tính toán nên trên đã làm tăng TMĐT thêm 643.604.000 đồng.

* 1. *Chi phí Quản lý dự án, TVĐTXD và các CPK.*

Chi phí Quản lý dự án, TVĐTXD và các CPK trong TMĐT được tính 10% trên chi phí xây dựng và thiết bị. Việc tính chưa phù hợp chi phí xây dựng và thiết bị đã làm cho chi phí Chi phí Quản lý dự án, TVĐTXD và các CPK trong TMĐT tăng tương ứng 3.709.999.000 đồng.

* 1. *Chi phí dự phòng.*

Chi phí dự phòng được tính trên chi phí xây dựng, thiết bị và chi phí khác... việc tính toán các chi phí trên chưa phù hợp làm tăng chi phí dự phòng trong TMĐT 13.467.296.700 đồng.

Bên cạnh đó, theo tiến độ huy động vốn cho dự án và chỉ số xây dựng tính toán lại chi phí dự phòng cho trượt giá là 21% (thay vì 23%). Việc tính toán nên trên đã làm tăng TMĐT thêm 7.976.840.472 đồng.

Như vậy, việc tính chi phí dự phòng chưa chính xác đã làm tăng TMĐT thêm 21.444.137.172 đồng.

* 1. *Chi phí lãi vay.*

Việc giảm chi phí xây dựng cùng với các chi phí khác; tính lãi suất nhập gốc theo quý không phù hợp.

Việc tính toán nên trên đã làm tăng TMĐT thêm 11.854.355.631 đồng.

* 1. *Khối lượng thực hiện.*

Qua kiểm tra thiết kế cơ sở, Đoàn thanh tra phát hiện nhiều khối lượng được bóc tách không chính xác. Ví dụ như khối lượng bóc nền đường cũ, theo hồ sơ thiết kế, tại nhiều đoạn không phải thực hiện bóc mặt đường cũ nhưng vẫn có khối lượng thực hiện tại bảng tổng hợp khối lượng.

1. ***Công tác lựa chọn nhà đầu tư***
2. ***Tổ chức thực hiện lựa chọn Nhà đầu tư khi chưa đủ điều kiện***

Đến thời điểm tổ chức lựa chọn Nhà đầu tư để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km…÷Km…, tỉnh Y theo hình thức hợp đồng BOT, Bộ GTVT vẫn chưa thực hiện công bố lại danh mục dự án kêu gọi đầu tư.

Việc làm trên là chưa đúng theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 15 Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT.

1. ***Yêu cầu giá trị vốn huy động của Liên danh Nhà đầu tư trong HSYC không phù hợp***

Tại Quyết định số .../QĐ-BGTVT ngày .../.../2013, Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kết quả chỉ định Nhà đầu tư để thực hiện dự án theo hình thức Hợp đồng BOT với tổng vốn đầu tư là 1.644 tỷ đồng.

Tuy nhiên, điểm b khoản 2 Mục 13 Chương II Hồ sơ yêu cầu về tài chính của Nhà đầu tư lại quy định: *“có vốn chủ sở hữu là 239,5 tỷ đồng và giá trị vốn huy động tối thiểu 1.213,2 tỷ đồng”*. Theo đó, tổng vốn đầu tư để thực hiện dự án trong HSYC chỉ là 1.452,7 tỷ đồng.

Việc yêu cầu Nhà đầu tư chỉ cần huy động 1.452,7 tỷ đồng thấp hơn 191,3 tỷ đồng so với tổng vốn đầu tư được duyệt trong Quyết định đầu tư là chưa phù hợp.

1. ***Không đăng thông tin kết quả lựa chọn Nhà đầu tư trên Báo Đấu thầu***

Bên mời thầu không thực hiện đăng ký thông tin kết quả lựa chọn Nhà đầu tư trên Báo Đấu thầu theo quy định tại Mục 2 Điều 40 Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: “*sau khi có quyết định phê duyệt của người có thẩm quyền, bên mời thầu phải gửi thông tin kết quả lựa chọn nhà đầu tư để đăng tải công khai trên Báo Đấu thầu trong vòng 7 ngày”*.

1. ***Công tác triển khai thực hiện dự án đầu tư BOT***
2. ***Phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán***

Tư vấn thực hiện thiết kế bản vẽ thi công và Nhà đầu tư phê duyệt thiết kế còn sai sót, chưa phù hợp với thiết kế cơ sở. Cụ thể như sau:

* 1. *Tính toán thủy văn thiếu chính xác, điều chỉnh cao độ TKBVTC không phù hợp với TKCS được duyệt.*
* Đoạn tuyến tránh

Khi thực hiện tính lưu lượng và chiều cao lũ ứng với tần suất lũ 4%, thiết kế cơ sở đã sử dụng dữ liệu quan trắc tại trạm từ năm 1987 đến 2012 (khoảng 26 năm), theo đó xác định đỉnh lũ tại các năm 1987, 1997 và 2007. Tuy nhiên, khi thực hiện thiết kế bản vẽ thi công, tư vấn thiết kế đã loại bỏ số liệu quan trắc từ năm 1987 đến 2006 và chỉ sử dụng số liệu từ năm 2007. Từ đó đi đến kết luận cao độ đường đỏ giảm từ 0,6m đến 0,93 m. Việc này là không phù hợp với quy trình tính toán thủy văn.

* 1. *Quyết định phê duyệt bản vẽ TKTC không phù hợp với bản vẽ TKTC.*

Đối với Cầu Km…, chiều dài cọc BTCT 40x40 trong bản vẽ thi công dài hơn trong quyết định phê duyệt TKBVTC (trụ T1 dài hơn 1m, trụ T2 dài hơn 2,5m).

1. ***Ký kết hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán***
   1. *Về chi phí nhân công.*

Căn cứ vào Dự án đầu tư được phê duyệt, Nhà đầu tư xác định chi phí nhân công các gói thầu chưa phù hợp với quy định (tương tự như mục I.3.1). Việc này làm tăng chi phí nhân công của các gói thầu thêm **7.496.307.103** đồng.

* 1. *Về giá nhựa đường và đơn giá tưới nhựa thấm bám, dính bám.*

Trong giai đoạn triển khai thực hiện giá vật liệu nhựa đường có chiều hướng giảm. Đoàn thanh tra đề nghị Nhà đầu tư và các đơn vị liên quan khi thực hiện quyết toán dự án phải cập nhật giá nhựa đường theo thông báo giá cùng thời điểm.

Đơn giá tưới thấm bám, dính bám được tính theo định mức nhựa pha dầu. Tuy nhiên, thực tế sử dụng nhựa đường lỏng MC70 cho lớp nhựa thấm bám và nhựa đường lỏng RC 70 hoặc nhũ tương nhựa đường phân tách nhanh CRS-1 cho lớp nhựa dính bám.

* 1. *Về thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa.*

Trong quá trình thi công, thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa sai khác so với thiết kế trong dự toán. Đoàn thanh tra đề nghị Nhà đầu tư và các đơn vị liên quan phải cập nhật thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa theo thực tế thi công khi quyết toán*.*

1. ***Lãng phí trong đầu tư***

Tính đến thời điểm thanh tra, Dự án đã thi công xong thu phí không dừng ETC nhưng thực tế lại chưa sử dụng được vì không đồng bộ trong khi đó nhà thầu thi công đã được thanh toán vượt số tiền theo dự toán phê duyệt. Việc này có thể gây lãng phí trong đầu tư.

Bên cạnh đó, tất cả thiết bị sử dụng cho 6 làn đều có ETC và MTC là không đúng thiết kế (theo thiết kế 2 làn giữa chỉ sử dụng ETC; 4 làn kế tiếp kết hợp ETC+MTC).

Qua kết quả kiểm tra các dự án BOT trên quốc lộ 1 cho thấy các làn thu phí không dừng không đồng bộ, hoạt động kém hiệu quả gây lãng phí lớn nguồn lực.

1. ***Công tác quản lý chất lượng***

Việc quản lý chất lượng cơ bản đã được doanh nghiệp dự án và các bên liên quan thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số sai sót như sau:

1. ***Chấp thuận vật liệu đầu vào chưa đủ cơ sở***

Gói thầu 7: Vật liệu đất đắp được chấp thuận theo Biên bản số …/2014/CV/… ngày …/…/2014. Tuy nhiên, không có biên bản lấy mẫu vật liệu đất đắp, trong nhật ký cũng không thể hiện đã thực hiện công tác lấy mẫu vật liệu đất đắp.

Vật liệu đất cấp III đổ đi không tận dụng có biên bản lấy mẫu ngày …/…/2014 nhưng trong nhật ký không thể hiện đã thực hiện công tác lấy mẫu.

1. ***Chấp thuận vật liệu đầu vào không đủ tiêu chuẩn***

Theo mục 6.3 TCVN 8859-2011 thì CPĐD loại I phải đáp ứng yêu cầu giới hạn chảy WL <= 25 %, chỉ số dẻo IP <= 6%. Tuy nhiên, đối với CPĐD loại I có nguồn gốc từ mỏ đá B, các kết quả thí nghiệm đều không xác định được giới hạn chảy và chỉ số dẻo nhưng vẫn được chấp thuận và nghiệm thu.

Theo mục 6.4.4 Tiêu chuẩn 22TCN 356-06 quy trình thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông nhựa sử dụng nhựa đường polime thì công tác tưới nhựa dính bám chỉ dùng nhựa lỏng đông đặc nhanh RC70 hoặc nhũ tương phân tích chậm CSS1-h. Tuy nhiên, nhà thầu gói thầu 3, gói thầu 4 đã sử dụng nhũ tương nhựa đường phân tách nhanh CRS-1 để thi công là chưa phù hợp.

1. ***Thi công khi chưa có biện pháp tổ chức thi công được duyệt.***

Theo điểm 2.2 mục 02200 Quy định và Chỉ dẫn kỹ thuật thì nhà thầu phải chuẩn bị biện pháp dỡ bỏ hoặc di chuyển các công trình thoát nước trên tuyến, đệ trình lên Tư vấn giám sát để kiểm tra và chấp thuận với các nội dung: mặt bằng bố trí công trường bao gồm cả tổ chức giao thông, thuyết minh tổ chức thi công, các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, môi trường và hoàn trả mặt bằng thi công. Tuy nhiên, dù không có biện pháp tổ chức thi công dỡ bỏ được duyệt (gói thầu XL-04, XL-05A, XL-06), hạng mục phá dỡ rãnh dọc vẫn được thực hiện.

1. ***Hồ sơ quản lý chất lượng còn mâu thuẫn, chưa nhất quán.***
   1. *Gói thầu 11:*

Hồ sơ KCS cọc khoan nhồi và nhật ký không khớp về thời gian

Bê tông cọc khoan nhồi chưa có kết quả thí nghiệm cường độ R28 đã nghiệm thu chuyển giai đoạn.

Khi thi công có sự thay đổi về khối lượng và thiết kế nhưng hoàn công vẫn sử dụng bản vẽ thi công.

* 1. *Gói thầu 12*

Theo hồ sơ KCS thì việc nghiệm thu lớp polime từ ngày 27/9-20/10/2015. Tuy nhiên, thời điểm được chấp thuận và bắt đầu rải thử là từ ngày 27/10/2015.

1. ***Nhật ký thi công còn chưa đầy đủ.***

Chưa ghi đầy đủ máy móc thiết bị, nhân lực phục vụ thi công.

Chưa thể hiện đầy đủ diễn biến thời tiết trong quá trình thi công.

1. ***Không đầy đủ hồ sơ kiểm tra chất lượng trước khi nghiệm thu nhưng vẫn nghiệm thu, thanh toán.***

Tại khoản 7 Mục 07100 Quy định và Chỉ dẫn kỹ thuật quy định chấp thuận cuối cùng đối với công tác bê tông phải dựa trên kết quả kiểm tra sau 28 ngày bảo dưỡng của 2 tổ mẫu thí nghiệm. Bê tông được coi là phù hợp nếu giá trị trung bình của 2 tổ mẫu thí nghiệm nói trên bằng hoặc lớn hơn giá trị yêu cầu tối thiểu đối với loại bê tông được đổ, đồng thời giá trị cường độ trung bình của 3 mẫu trong bất cứ tổ mẫu nào không thấp hơn cường độ yêu cầu tối thiểu. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện công tác bê tông của các gói thầu mới có kết quả 1 tổ mẫu thí nghiệm 28 ngày nhưng vẫn được nghiệm thu.

1. ***Năng lực của Nhà đầu tư và hoạt động của doanh nghiệp dự án.***
2. ***Nhà đầu tư không góp đủ vốn chủ sở hữu theo quy định.***

Theo quy định tại Hợp đồng BOT, hết năm 2015 Nhà đầu tư phải huy động đủ 239,397 tỷ đồng vốn chủ sở hữu vào Doanh nghiệp dự án. Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2015, các Nhà đầu tư mới chỉ góp được 218.667.253.653 đồng tương đương 91,34% vốn chủ sở hữu theo cam kết.

*Đơn vị: đồng*

| **STT** | **Năm** | **Vốn huy động theo hợp đồng** | **Vốn huy động thực tế** | **Tỷ lệ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2013 | 71.819.100.000 | 28.109.742.646 | 39.13% |
| 2 | 2014 | 101.734.725.000 | 112.100.907.007 | 110.19% |
| 3 | 2015 | 65.834.175.000 | 78.465.604.000 | 119.18% |
|  | **Tổng** | **239.397.000.000** | **218.676.253.653** | **91,34%** |

1. ***Doanh nghiệp dự án không thu hồi giá trị giải ngân thừa sau khi chia lại các gói thầu; không thu hồi hết tạm ứng hợp đồng theo quy định.***

Quá trình triển khai dự án, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã yêu cầu chia nhỏ các gói thầu đang thực hiện thành các gói thầu nhỏ hơn để đảm bảo tiến độ.

Mặc dù giá trị hợp đồng đã giảm sau khi chia tách, nhưng Nhà đầu tư chưa thu hồi các khoản đã tạm ứng dư cho các nhà thầu (các nhà thầu đã được tạm ứng 30% theo giá trị của các gói thầu cũ). Tính đến thời điểm thanh tra, giá trị tạm ứng vượt chưa thu hồi là:

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Gói thầu** | **GT XL được nghiệm thu** | **Giải ngân** | | | **Số tiền chưa thu hồi** |
| **Vốn vay** | **Vốn CSH** | **Tổng cộng** |
| 1 | 01 | 14.551.929.827 | 10.600.246.400 | 6.133.803.000 | 16.734.049.400 | 2.182.119.573 |
| 2 | 02 | 25.731.492.767 | 12.838.075.385 | 14.079.724.200 | 26.917.799.585 | 1.186.306.818 |
| 3 | 04 | 17.850.248.241 | 40.294.370.132 |  | 40.294.370.132 | 22.444.121.891 |
| 4 | 05 | 18.428.365.361 | 32.734.321.093 |  | 32.734.321.093 | 14.305.955.732 |
| 5 | 07 | 12.479.851.646 | 20.559.763.923 | 2.530.000.000 | 23.089.763.923 | 10.609.912.277 |
| 6 | 08 | 4.498.730.817 | 6.723.550.058 | 1.904.695.380 | 8.628.245.438 | 4.129.514.621 |
| 7 | 12 | 14.526.766.000 |  | 16.621.000.000 | 16.621.000.000 | 2.094.234.000 |
|  | **Tổng** |  |  |  |  | **56.952.164.912** |

Không thu hồi hết giá trị tạm ứng khi đã thanh toán đến 80% giá trị hợp đồng tại một số gói thầu, cụ thể như sau: *Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Gói thầu** | **Giá trị hợp đồng** | **Giá trị thanh toán** | **Giá trị thanh toán/ Hợp đồng** | **Số tiền tạm ứng chưa thu hồi hết** |
| 1 | 03 | 95.353.918.768 | 77.255.812.051 | 81% | 8.366.000.000 |
| 2 | 13 | 21.149.247.887 | 20.110.777.151 | 95% | 1.969.204.000 |
|  | **Tổng** |  |  |  | **10.335.204.000** |

1. ***Hợp đồng tín dụng.***

Hợp đồng tín dụng số .../2014/HĐTD ngày .../.../2014 giữa Ngân hàng B và Doanh nghiệp dự án không phù hợp với Hợp đồng BOT số .../HĐ.BOT-BGTVT ngày .../.../2013, cụ thể:

Theo Điều 14.1 Hợp đồng BOT thì cơ cấu vốn vay là 1.404,572 tỷ đồng . Tuy nhiên, trong Điều 2.01 Hợp đồng tín dụng thì ngân hàng B chỉ đồng ý cấp các khoản vay với tổng số tiền gốc tối đa bằng 1.397 tỷ đồng.

Theo Phương án tài chính kèm theo Hợp đồng BOT thì thời hạn của các khoản vay được tính toán là 23 năm. Tuy nhiên, theo Điều 2.06 Hợp đồng tín dụng thì thời hạn của các khoản vay chỉ là 19 năm 3 tháng.

1. ***Phương án tài chính của dự án.***
2. ***Miễn phí nhiều đối tượng trái quy định, gây thất thu phí.***

Qua thực tế kiểm tra công tác thu phí, có tới 78 đầu xe không thuộc trường hợp được miễn phí quy định tại Điều 5 Thông tư 159/2013/TT-BTC nhưng vẫn được Nhà đầu tư cho phép miễn phí, gây thất thu phí (Chi tiết danh sách các xe được miễn phí thể hiện tại Phụ lục 02).

1. ***Thu phí thực tế thấp hơn phương án tài chính.***

Dự án đã bắt đầu thu phí từ tháng .../2016, tuy nhiên doanh thu thu phí của tháng cao nhất chỉ là xấp xỉ 11 tỷ đồng/ tháng, thấp hơn khá nhiều so với mức tính toán trong phương án tài chính (trung bình khoảng 15 tỷ đồng/ tháng).

Thực tế thu phí thấp như hiện nay đang đặt ra dấu hỏi về khả năng hoàn vốn của dự án.

1. ***Dự báo lưu lượng xe còn nhiều bất cập, chưa hợp lý.***

Theo thuyết minh dự án đầu tư thì dự kiến tuyến đường cao tốc Bắc Nam đoạn qua khu vực tỉnh Y được hoàn thành và đưa vào khai thác từ sau năm 2025 và dự báo lưu lượng xe trên quốc lộ 1A sẽ giảm mạnh từ năm 2026 do phân lưu vào cao tốc.

Tuy nhiên, tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư, theo Quyết định số 1734/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020 thì tuyến đường bộ cao tốc đoạn qua khu vực tỉnh Y chưa có lộ trình thực hiện đầu tư. Bên cạnh đó, ngày 01/3/2016, Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 326/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 thì tuyến đường qua tỉnh Y dự kiến đầu tư năm 2030.

Như vậy, việc dự báo lưu lượng xe với giả định lưu lượng xe trên quốc lộ 1A sẽ giảm mạnh từ năm 2026 do phân lưu vào cao tốc như trên là chưa có cơ sở, khiến doanh thu dự báo giảm đáng kể dẫn đến kéo dài thời gian hoàn vốn.

1. ***Chi phí quản lý khai thác không chính xác.***

Chi phí quản lý khai thác được tính bằng tỷ lệ 7% trên doanh thu tại năm đầu tiên khai thác (năm 2016) tương ứng 12.99 tỷ đồng. Theo tính toán của phương án tài chính, hàng năm chi phí quản lý tăng thêm 6,5% trên giá trị gốc 12,99 tỷ đồng, như vậy đến năm 2026 chi phí quản lý sẽ là 24,39 tỷ đồng. Tuy nhiên, tại năm 2026 lưu lượng xe sẽ giảm do bị phân lưu khi đường cao tốc đi vào hoạt động, khi đó doanh thu dự kiến của dự án chỉ còn 117,55 tỷ đồng. Như vậy tại năm 2026 chi phí quản lý chiếm tới 20,7% doanh thu. Đây là một tỷ lệ quá lớn và bất hợp lý.

Việc tính toán chi phí quản lý khai thác không chính xác như trên làm tăng chi phí đầu vào, kéo dài thời gian hoàn vốn.

1. ***Không tính toán khoản hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT).***

Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại văn bản số 10708/BTC-TCT ngày 4/8/2014 (sau này đã có quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 55/2016/TT-BTC), nhà đầu tư được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào đối với các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng BOT nếu đáp ứng đủ các điều kiện về khấu trừ, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế GTGT. Khoản thuế GTGT được hoàn này được coi là dòng tiền vào của dự án trong tính toán phương án tài chính.

Tuy nhiên, trong phương án tài chính không có dòng tiền vào do hoàn thuế GTGT. Việc tính thiếu nguồn hoàn thuế GTGT là không đúng quy định, làm kéo dài thời gian hoàn vốn.

1. ***Công tác bồi thường và tái định cư.***

UBND tỉnh Y giao UBND huyện P làm chủ đầu tư tiểu dự án bồi thường, công tác GPMB và TĐC tại văn bản số …/UBND-KTN ngày …/…/2013. Phạm vi thu hồi GPMB thực hiện dự án thuộc 07 xã, thị trấn thuộc huyện P. Tổng diện tích thu hồi GPMB là 652.071,3 m2, với 2.289 hộ gia đình, tổ chức bị ảnh hưởng (trong đó 226 hộ gia đình bị thu hồi toàn bộ diện tích đất ở). Trên cơ sở đó, UBND tỉnh báo cáo và được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí GPMB, TĐC của dự án số tiền là 62,073 tỷ đồng (theo Quyết định số .../QĐ-BGTVT ngày .../.../2016 của Bộ GTVT). Phần vốn còn lại lấy từ nguồn thu tiền sử dụng đất của các hộ dân.

Công tác GPMB đã hoàn thành từ tháng 3/2015 và bàn giao cho nhà đầu tư. Qua kiểm tra công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư còn tồn tại một số sai sót sau:

1. ***Công tác phê duyệt dự án tái định cư.***

Căn cứ vào số liệu khảo sát 226 hộ dân bị ảnh hưởng tại 07 xã, thị trấn thuộc huyện P, đối chiếu với quy định của pháp luật về đất đai chỉ có 103 hộ dân/226 hộ bị ảnh hưởng có nhu cầu và đủ điều kiện để bố trí tái định cư. Tuy nhiên, UBND tỉnh Y đã xây dựng tới 305 lô đất tại 07 khu tái định cư. Việc này đã đẩy TMĐT của 07 khu TĐC này thành 118,93 tỷ đồng. Qua đó đề nghị ngân sách hỗ trợ thêm 62,073 tỷ đồng.

Từ việc đầu tư 305 lô đất tái định cư, UBND tỉnh Y đã và sẽ thu về được 123,671 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Thu tiền sử dụng đất của 103 hộ có đủ điều kiện và có nhu cầu giao đất TĐC (tính theo đơn giá đất UBND tỉnh đã phê duyệt và diện tích đất đã giao) là 29,797 tỷ đồng.

- Thu tiền sử dụng đất 69 lô đã được đấu giá thành công là 40,155 tỷ đồng.

- Thu tiền sử dụng đất 70 lô chuẩn bị triển khai đấu giá (tính theo giá khởi điểm đấu giá) là 30,965 tỷ đồng.

- Thu tiền sử dụng đất 63 lô chưa đấu giá (tính theo giá khởi điểm được phê duyệt tại cùng địa điểm) là 22,754 tỷ đồng.

- Qua số liệu thống kê cho thấy, việc thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư lớn hơn số tiền phải đầu tư xây dựng các khu tái định cư.

1. ***Sai sót trong việc tính toán TMĐT của 07 khu tái định cư.***

Theo kết quả phê duyệt dự toán cuối cùng của UBND Huyện P cho 07 khu tái định cư là 115.873.276.788 đồng.

Tuy nhiên, do còn nhiều sai sót trong việc xác định khối lượng thực hiện, áp dụng đơn giá nhân công, đơn giá ca máy, tính bù giá vật liệu, nhân công, máy và chi phí quản lý dự án, việc này đã làm tăng tổng chi phí đầu tư.

1. ***Chi phí của Hội đồng GPMB còn sai sót.***

Thanh toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để GPMB của dự án vượt quá dự toán được duyệt là 285,822 triệu đồng.

*Đơn vị : đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Kinh phí duyệt theo QĐ số …/QĐ-UBND ngày …/…/2015** | **Kinh phí chi thực tế** | **Chênh lệch** |
| 1 | Lập, phê duyệt, công khai PA bồi thường, hỗ trợ TĐC | 1.400.000 | 1.436.020 | 36.020 |
| 2 | Thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ TĐC | 140.000 | 153.661 | 13.661 |
| 3 | Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho HĐ và tổ công tác | 741.025 | 797.975 | 56.950 |
| 4 | Tiền điện phục vụ công tác GPMB | 52.641 | 65.756 | 13.115 |
| 5 | Chi khác | 225.354 | 391.430 | 166.076 |
|  | **Tổng số** | **2.559.020** | **2.844.842** | **285.822** |

***Phần thứ ba***

***KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ***

Việc đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km... ÷ Km..., tỉnh Y theo hình thức hợp đồng BOT đã đáp ứng nhu cầu vận tải ngày càng tăng cao, giảm ùn tắc trên Quốc lộ 1 đoạn qua địa bàn tỉnh Y, đồng thời là nhân tố quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực.

Bộ GTVT, Nhà đầu tư đã có nhiều nỗ lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án góp một phần không nhỏ giải quyết ách tắc giao thông trên tuyến trọng điểm và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Dự án được khởi công tháng .../2014, cơ bản hoàn thành tháng .../2016 và chính thức thực hiện thu phí từ tháng .../2016.

Bên cạnh những thành quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, sai sót trong quá trình thực hiện Dự án của các ban, ngành và các đơn vị liên quan cần được chấn chỉnh, khắc phục, sửa chữa và rút kinh nghiệm, cụ thể như sau:

1. ***KẾT LUẬN.***
2. ***Cơ quan quản lý nhà nước***

Bộ GTVT, Ban Quản lý dự án chưa thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ được giao trong việc:

* 1. ***Công tác công bố danh mục, lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư.***

Không thực hiện công bố nội dung thay đổi khi điều chỉnh danh mục dự án đầu tư là không phù hợp với khoản 5 Điều 10 Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT. Việc này phần nào đã làm hạn chế một số nhà đầu tư tiềm năng tham gia thực hiện dự án.

Phê duyệt Dự án đầu tư khi chưa có Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt là không phù hợp với điểm d khoản 2 Điều 13 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ.

Phê duyệt không đồng bộ làn thu phí không dừng trên toàn tuyến QL1, các làn thu phí không dừng hoạt động không hiệu quả gây lãng phí lớn cho đầu tư.

Việc lập, thẩm tra và phê duyệt tổng mức đầu tư còn sai sót, chất lượng thiết kế cơ sở chưa cao. Theo tính toán chưa đầy đủ, những sai sót nêu trên đã làm tăng TMĐT thêm 74.405.482.631 đồng.

Còn có sai sót trong các số liệu cơ sở khi tính thời gian hoàn vốn xác định hiệu quả đầu tư như: giá trị TMĐT, thuế VAT, dự báo lưu lượng xe, chi phí quản lý… Việc này đã làm sai lệch khi đánh giá hiệu quả đầu tư.

* 1. ***Công tác lựa chọn nhà đầu tư.***

Tổ chức thực hiện lựa chọn Nhà đầu tư khi chưa đủ điều kiện theo quy định là chưa phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 15 Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT.

Không đăng thông tin kết quả lựa chọn Nhà đầu tư trên Báo Đấu thầu là trái quy định tại Mục 2 Điều 40 Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT.

* 1. ***Công tác kiểm tra, giám sát và quản lý thực hiện dự án****.*

Còn để xảy ra sai sót trong quá trình giám sát thực hiện dự án của Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và đơn vị tư vấn quản lý dự án:

- Để Nhà đầu tư điều chỉnh và phê duyệt thiết kế kỹ thuật chưa phù hợp với quy trình tính toán thủy văn và thiết kế cơ sở được phê duyệt. Thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán còn sai sót.

- Để Nhà đầu tư, Nhà thầu xây lắp không tuân thủ đầy đủ quy trình nghiệm thu kỹ thuật. Chất lượng mặt đường một số nơi không đảm bảo.

- Để Nhà đầu tư, tư vấn giám sát và Nhà thầu xây lắp sai sót trong việc tạm ứng hợp đồng, nghiệm thu thanh toán và không kịp thời thu hồi tạm ứng, cụ thể như sau:

+ Nghiệm thu, thanh toán vượt giá trị thực hiện 7.496.307.103 đồng.

+ Cho Nhà thầu tạm ứng vượt giá trị được nghiệm thu và không thu hồi 56.952.164.912 đồng.

+ Không thu hồi 10.335.204.000 đồng tiền tạm ứng khi giá trị thanh toán vượt 80% giá trị hợp đồng.

1. ***UBND tỉnh Y***

Còn sai sót trong công tác giải phóng mặt bằng và xây dựng 07 khu tái định cư làm tăng TMĐT.

1. ***Nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án***

Nhà đầu tư thay đổi thiết kế bản vẽ thi công không phù hợp với thiết kế cơ sở.

Chưa thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ như đã cam kết, cụ thể như sau:

+ Nghiệm thu thanh toán vượt giá trị thực hiện 7.496.307.103 đồng.

+ Tạm ứng vượt giá trị hợp đồng nhưng không thu hồi 56.952.164.912 đồng.

+ Không thu hồi tạm ứng khi giá trị thanh toán vượt trên 80% giá trị hợp đồng 10.335.204.000 đồng.

1. ***KIẾN NGHỊ.***
   1. ***Đối với Bộ GTVT.***

Chỉ đạo các tập thể, cá nhân có liên quan kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục những sai sót trong quản lý, điều hành như đã nêu.

Rà soát, tính toán lại các chi phí để điều chỉnh giá trị TMĐT và Phương án tài chính theo đúng quy định.

Chỉ đạo Nhà đầu tư và các đơn vị có liên quan thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

Xác định lại mức hỗ trợ kinh phí xây dựng 07 khu tái định cư

* 1. ***Đối với UBND tỉnh Y.***

Chỉ đạo các tập thể, cá nhân có liên quan kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục những sai sót trong quản lý, điều hành như đã nêu.

Rà soát, kiểm tra lại việc lập, thẩm định phê duyệt và thanh quết toán cho dự án xây dựng 07 khu tái định cư.

* 1. ***Đối với Nhà đầu tư.***

Kiểm điểm tập thể, cá nhân khi để xảy ra các vi phạm nêu trên.

Thực hiện giảm trừ thanh toán của các nhà thầu xây lắp 7.496.307.103 đồng.

Thu hồi 67.287.368.912 đồng các khoản tạm ứng và chuẩn xác lại chi phí lãi vay làm cơ sở điều chỉnh phương án tài chính.

Phối hợp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định.

Trên đây là toàn bộ nội dung Kết luận thanh tra theo chuyên đề về công tác quản lý Nhà nước và triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT trên Quốc lộ 1A do Bộ Giao thông vận tải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với Dự án mở rộng QL1 đoạn Km…-Km…, tỉnh Y theo hình thức hợp đồng BOT. Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các đơn vị chức năng, Ban Quản lý dự án, Nhà đầu tư nghiêm túc thực hiện các kiến nghị trong Kết luận thanh tra.

Kết quả thực hiện Kết luận thanh tra gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày ... ./.

### Bộ KH&ĐT thanh tra việc thực hiện dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư tại địa phương

#### Dự kiến nội dung chính tiến hành thanh tra

- Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn theo thẩm quyền, việc thực hiện pháp luật, chính sách về đầu tư.

- Việc thực hiện các quy định của pháp luật về quyết định chủ trương đầu tư, việc cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy CNĐKĐT theo các quy định pháp luật về đầu tư.

- Việc quy định ưu đãi, hỗ trợ đối với các dự án đầu tư.

- Việc thực hiện trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ đầu tư sau cấp chủ trương đầu tư hoặc Giấy CNĐKĐT.

- Việc thực hiện chức năng cơ quan đầu mối tổng hợp báo cáo về tình hình thực hiện các dự án đầu tư theo quy định.

- Việc xử lý các vướng mắc, khiếu nại của nhà đầu tư.

- Kiểm tra thực tế việc triển khai thực hiện một số dự án cụ thể *(nếu cần).*

#### Ví dụ minh họa về Kết luận thanh tra việc thực hiện dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư tại tỉnh S giai đoạn 2015-2018

***Phần thứ nhất***

***KHÁI QUÁT CHUNG***

S là một tỉnh ven biển có diện tích tự nhiên … km2, dân số trung bình năm 2017 khoảng … triệu người, gồm … đơn vị hành chính. Toàn tỉnh có … dân tộc và người nước ngoài cùng sinh sống (trong đó, người kinh đông nhất, tiếp đến là người Hoa).

S thuộc Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là nơi hội tụ nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế, được Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng hệ thống cảng biển quốc gia và quốc tế hiện đại.

Trên địa bàn tỉnh đã thành lập … khu công nghiệp với tổng diện tích đất trên 8.000 ha, các khu công nghiệp có tỷ lệ lấp đầy cao. Tại các khu công nghiệp, nhiều dự án quy mô lớn, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế quốc gia như: Trung tâm khí, điện, đạm; các nhà máy luyện, cán thép, hoá chất, vật liệu xây dựng...

Khu vực ven biển phía Đông Nam với trên …km bờ biển đẹp, thuận lợi để phát triển dịch vụ du lịch. Đến năm 2017, có đến … khách sạn, resort, nhà nghỉ đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch, với khoảng … phòng ngủ, hàng năm đón khoảng … triệu lượt khách lưu trú.

Khu vực phía Bắc và Đông Bắc phù hợp cho phát triển nông nghiệp, với nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như: cao su, hồ tiêu, cà phê, điều, cây ăn trái,…

Kết qủa thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế, xã hội của Tỉnh:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tăng …%/năm.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội … tỷ đồng, tăng …%/năm.

- Tổng thu ngân sách … tỷ đồng, giảm …%/năm.

- Tổng chi ngân sách địa phương … tỷ đồng, tăng …%/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quốc gia đến 2017 còn …%.

***Phần thứ hai***

***KẾT QUẢ THANH TRA***

***I. TÌNH HÌNH CẤP, ĐIỀU CHỈNH, THU HỒI GCNĐKĐT***

Trong giai đoạn 2015 - 2018 trên địa bàn tỉnh đã thu hút được 354 dự án đầu tư và 172 lượt dự án đầu tư tăng vốn cụ thể:

- Dự án DDI: Cấp mới cho 187 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký là 38.964 tỷ đồng; thực hiện tăng vốn cho 45 lượt dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký tăng là 6.652 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn đạt 45.616 tỷ đồng.

- Dự án FDI: Cấp mới cho 167 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký là 992,54 triệu USD; thực hiện tăng vốn cho 127 lượt dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký tăng là 799,32 triệu USD. Tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn đạt 1.791,86 triệu USD.

Đến hết 31/12/2018 trên địa bàn tỉnh Y có 1.042 dự án còn hiệu lực gồm: 716 dự án DDI với tổng vốn đầu tư đăng ký đầu tư 70.773,27 tỷ đồng và 326 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký 4.396 triệu USD.

Trong KCN: 289 dự án, gồm 54 dự án DDI với tổng vốn đầu tư đăng ký là 14.480,27 tỷ đồng và 235 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 3.205,3 triệu USD.

Ngoài Khu công nghiệp: 753 dự án, gồm 662 dự án DDI với tổng vốn đầu tư đăng ký là 56.293 tỷ đồng và 91 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 1.198,36 triệu.

***II. MỘT SỐ TỒN TẠI, THIẾU SÓT TRONG VIỆC CHẤP HÀNH CÁC NỘI DUNG TRONG GCNĐKĐT***

1. ***Phê duyệt chủ trương đầu tư không phù hợp quy hoạch và quy định pháp luật***

- Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Dự án được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2015 và phê duyệt phương án sử dụng đất tại Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2018 với diện tích 46 ha, trong đó 38,28 ha là đất sản xuất và phát triển nông nghiệp.

Tuy nhiên, theo Quy hoạch chung xây dựng đô thị S, tỉnh S được duyệt đến 2030 và tầm nhìn đến 2050 theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày .../.../2011 của Thủ tướng Chính phủthì đất của dự án là đất phát triển công nghiệp và đô thị.

- Dự án khu nhà ở công nhân và công trình dịch vụ công cộng

Theo điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP của Chính phủ thi hành Luật nhà ở quy định *“đối với nhà ở xã hội, Chủ đầu tư được dành 20% tổng diện tích đất để xây dựng nhà ở trong phạm vi dự án xây dựng nhà ở xã hội để đầu tư xây dựng công trình kinh doanh thương mại nhằm bù đắp chi phí đầu tư.”*

Tuy nhiên, UBND tỉnh S quyết định chủ trương đầu tư Dự án tại Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2018), trong đó xác định dành 21,6% tổng diện tích đất để xây dựng nhà ở trong phạm vi dự án xây dựng nhà ở xã hội để đầu tư xây dựng công trình kinh doanh thương mại là chưa phù hợp điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP.

1. ***Thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư chưa đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật***

- Dự án Nhà máy sản xuất giày

Dự án thuộc diện phải quyết định chủ trương đầu tư trước khi cấp GCNĐKĐT do dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất. Tuy nhiên, Sở Kế hoạch và Đầu tư không thực hiện việc lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2014.

- Dự án Khu dân cư M1

Tại Quyết định số …/QĐ-UBND ngày …/…/2017 của UBND tỉnh S về việc công nhận chủ đầu tư Khu dân cư M1 đã không ghi đầy đủ nội dung theo quy định (thiếu nội dung về tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn).

1. ***Chưa đủ điều kiện theo quy định về tỷ lệ lấp đầy diện tích đất công nghiệp nhưng vẫn tiến hành cấp GCNĐKĐT để đầu tư mới hay mở rộng KCN***

Tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 164/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2008/NĐ-CP quy định về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp:

+ Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghiệp; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tổng diện tích đất công nghiệp của các khu công nghiệp đã được thành lập trên địa bàn lãnh thổ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã cho các dự án đăng ký đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư thuê đất, thuê lại đất ít nhất là 60%.

Dù tỷ lệ lấp đầy tại các KCN trên địa bàn chỉ là 47,91% tính trên diện tích đất công nghiệp, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh vẫn cấp GCNĐKĐT số … ngày …/…/2015 cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN N1 và cấp GCNĐKĐT số … ngày …/…/2015 cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN N2.

1. ***Cấp GCNĐKĐT chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020***

- Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN N1

Dự án chưa có trong danh mục công trình kèm theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của tỉnh S đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số …/NQ-CP ngày …/…/2013, cụ thể:

+ Đối với diện tích 51,56 ha (giai đoạn I) đã được UBND tỉnh S thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất làm KCN (tại Quyết định số …/QĐ-UBND ngày …/…/2007) nhưng không được đưa vào phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 của tỉnh S.

+ Đối với diện tích 78,19 ha còn lại của KCN chưa có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020

Tuy nhiên, Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN N1 vẫn được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp GCNĐKĐT số … ngày …/…/2015.

Phải đến năm 2018, Dự án mới được đưa vào quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh theo nghị quyết số …/NQ-CP ngày …/…/2018 của Chính Phủ.

- Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN N2

Dự án chưa có trong danh mục công trình kèm theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của tỉnh S đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số …/NQ-CP ngày …/…/2013.

Tuy nhiên, Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN N2 vẫn được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp GCNĐKĐT số … ngày …/…/2015

1. ***GCNĐKĐT không ghi đầy đủ, cụ thể nội dung ưu đãi đầu tư theo quy định pháp luật***

Các cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh GCNĐKĐT chưa thực hiện việc ghi đầy đủ, cụ thể nội dung ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Đầu tư và khoản 1 Điều 17 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

Kiểm tra xác suất một số dự đã được cấp, điều chỉnh GCNĐKĐT cho thấy: có 30/30 dự án (do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, điều chỉnh GCNĐKĐT) và 07/31 dự án (do Ban Quản lý Khu công nghiệp cấp, điều chỉnh GCNĐKĐT) không ghi đầy đủ, cụ thể nội dung ưu đãi đầu tư theo quy định *(chi tiết Phụ lục đính kèm)*.

1. ***Tạm miễn tiền thuê đất dự án vượt quá thời gian quy định***

Dự án Trung tâm hội nghị triển lãm được UBND tỉnh S cho thuê đất theo Quyết định số …/QĐ-UBND ngày …/…/2009).

Việc cho phép tạm miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản được thực hiện 3 lần, bao gồm:

Lần thứ nhất: ngày …/…/2012, Chi cục thuế thành phố S có Thông báo số …/TB-CCT cho phép tạm miễn tiền thuê đất dự án 6.868.923.180 đồng, thời gian tạm miễn 03 năm kể từ tháng …/2009 đến tháng …/2011 trên cơ sở hồ sơ đề nghị miễn giảm tiền thuê đất ngày …/…/2012;

Lần thứ hai: ngày …/…/2014, Chi cục thuế thành phố S có Thông báo số …/TB-CCT cho phép tạm miễn tiền thuê đất dự án 9.951.151.472 đồng, thời gian tạm miễn 03 năm kể từ tháng …/2012 đến tháng …/2014 trên cơ sở hồ sơ đề nghị miễn giảm tiền thuê đất ngày …/…/2014;

Lần thứ ba: ngày …/…/2015, Chi cục thuế thành phố S có Thông báo số …/TB-CCT cho phép tạm miễn tiền thuê đất dự án 3.130.234.406 đồng, thời gian tạm miễn 06 tháng kể từ tháng …/2015 đến tháng …/2015 trên cơ sở hồ sơ đề nghị miễn giảm tiền thuê đất ngày …/…/2015.

Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2014) quy định về miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước quy định: “*Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước…”.*

Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định:*“… Trường hợp ngày bắt đầu tính tiền thuê đất trước ngày Nghị định số 46/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành nhưng từ ngày Nghị định số 46/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, người thuê đất mới làm thủ tục xin miễn, giảm thì áp dụng quy định về miễn, giảm và các quy định khác theo Nghị định số 46/2014/NĐ-CP”.*

Do đó, việc tạm miễn tiền thuê đất lần thứ hai và lần thứ ba với tổng số tiền 13.081.385.878 đồng là không đúng quy định.

1. ***Chưa thực hiện ký điều chỉnh hợp đồng thuê đất; chưa nộp đủ tiền thuê đất***

Dự án khu B Khu du lịch biển được cấp GCNĐKĐT ngày …/…/2017. Ngày 12/7/2017, UBND tỉnh có Quyết định số …/QĐ-UBND thông báo việc thực hiện ký điều chỉnh hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường để điều chỉnh nội dung nộp tiền thuê đất 1 lần.

Tuy nhiên, đến nay Dự án vẫn chưa ký điều chỉnh hợp đồng thuê đất. Tính đến ngày …/…/2018 nhà đầu tư vẫn chưa nộp tiền thuê đất và chậm nộp tiền thuê đất 96,9 tỷ đồng (trong đó: tiền thuê đất 90,2 tỷ đồng; tiền thuê đất chậm nộp 6,7 tỷ đồng).

1. ***Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường chậm***

Dự án ĐTXD và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN N5 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại văn bản số …/TTg-KTN ngày …/…/2016 và đã triển khai thực hiện từ ngày …/…/2017.

Tuy nhiên, đến ngày …/…/2017 dự án mới được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số …/QĐ-BTNMT ngày …/…/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1. ***Việc chấp hành tiến độ ghi trong GCNĐKĐT***

Một số dự án không thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong GCNĐKĐT nhưng cơ quan quản lý nhà nước về cấp GCNĐKĐT chưa đôn đốc, xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, có biện pháp xử lý, cụ thể tại một số dự án dự án sau:

- Dự án Khu dân cư L1

Theo tiến độ thực hiện dự án đã đăng ký, tháng 01/2018 hoàn thất thủ tục sang nhượng QSDĐ, tháng 4/2018 hoàn tất xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm tra tháng 11/2018, dự án vẫn chưa hoàn thành thủ tục để được bàn giao đất. Nhà đầu tư đã có văn bản đề xuất giãn tiến độ với cơ quan đăng ký đầu tư nhưng chưa được chấp thuận.

- Dự án Khu công nghiệp N3

Tiến độ thực hiện dự án đã đăng ký: đền bù, giải phóng mặt bằng trong năm 2016 - 2017; Kinh doanh cho thuê lại đất từ năm 2018 - 2028. Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm tra tháng 11/2018, dự án vẫn chưa hoàn thành thủ tục để được bàn giao đất. Nhà đầu tư cũng chưa có văn bản đề xuất giãn tiến độ với cơ quan đăng ký đầu tư.

- Dự án đầu tư Khách sạn H1

Theo tiến độ thực hiện dự án đã đăng ký, bắt đầu xây dựng từ tháng 12/2017. Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm tra tháng 11/2018, dự án vẫn chưa triển khai xây dựng. Nhà đầu tư chưa có văn bản đề xuất giãn tiến độ với cơ quan đăng ký đầu tư.

- Dự án ĐTXD và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN N4

Tiến độ thực hiện dự án đã đăng ký tại GCNĐKĐT cấp lại ngày 01/11/2016: đến quý IV năm 2017 đưa công trình vào hoạt động (kinh doanh cho thuê lại đất). Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm tra tháng 11/2018 công trình chưa đưa hoạt động (chưa kinh doanh cho thuê lại đất).

1. ***Việc chấp hành chế độ báo cáo của nhà đầu tư***

Theo số liệu thống kê từ các cơ quan đăng ký đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh), hầu hết nhà đầu tư không thực hiện hiện chế độ báo cáo của theo quy định tại Điều 53 và Điều 54 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

Thực tế kiểm tra xác suất một số dự án cho thấy:

- Đối với 30 dự án do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp hồ sơ: Cả 30 dự án (tỷ lệ 100%) không báo cáo định kỳ đầy đủ theo quy định.

- Đối với 20 dự án do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh cấp GCNĐKĐT: Cả 20 dự án (tỷ lệ 100%) không báo cáo định kỳ đầy đủ theo quy định.

Các nhà đầu tư không nghiêm túc thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định nhưng không được các cơ quan quản lý nhà nước đôn đốc, có biện pháp chấn chỉnh, xử lý kịp thời. Công tác theo dõi, kiểm tra, đôn đốc sau khi cấp GCNĐKĐT của các cơ quan cấp GCNĐKĐT (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh) không được thực hiện tốt, không kịp thời xử lý hoặc tham mưa cho UBND tỉnh để có biện pháp xử lý, chế tài đối với những vi phạm của các nhà đầu tư.

***Phần thứ ba***

***KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ***

1. ***KẾT LUẬN***

Trong giai đoạn 2015 - 2018, UBND tỉnh S đã tích cực chỉ đạo, điều hành, quản lý các dự án đầu tư, huy động các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nhìn chung, việc cấp, điều chỉnh và thu hồi GCNĐKĐT của Tỉnh đã cơ bản tuân thủ các quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số tồn tại, sai sót cụ thể như sau:

1. Phê duyệt chủ trương đầu tư không phù hợp quy hoạch và quy định pháp luật.
2. Thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư chưa đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật
3. Chưa đủ điều kiện theo quy định về tỷ lệ lấp đầy diện tích đất công nghiệp nhưng vẫn tiến hành cấp GCNĐKĐT để đầu tư mới hay mở rộng KCN
4. Cấp GCNĐKĐT chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020
5. GCNĐKĐT không ghi đầy đủ, cụ thể nội dung ưu đãi đầu tư theo quy định pháp luật
6. Tạm miễn tiền thuê đất dự án vượt quá thời gian quy định
7. Chưa thực hiện ký điều chỉnh hợp đồng thuê đất; chưa nộp đủ tiền thuê đất
8. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường chậm
9. Thực hiện dự án chậm so với tiến độ ghi trong GCNĐKĐT
10. Chưa chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo của nhà đầu tư
11. ***KIẾN NGHỊ***

UBND tỉnh S thực hiện hoặc chỉ đạo cơ quan cấp GCNĐKĐT và các cơ quan liên quan thực hiện nội dung sau:

1. Phê duyệt chủ trương đầu tư cho dự án đảm bảo phù hợp với quy hoạch và quy định pháp luật
2. Cấp GCNĐKĐT cho dự án đúng quy định pháp luật và đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 của tỉnh S được phê duyệt.
3. Cấp GCNĐKĐT cho các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp khi đáp ứng điều kiện về tỷ lệ lấp đầy diện tích đất công nghiệp theo quy định.
4. Chỉ đạo Cục thuế tỉnh, Chi cục thuế thành phố S kiểm tra, rà soát lại việc tạm miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản đối với Dự án Trung tâm hội nghị triển lãm theo đúng các quy định pháp luật, tránh gây thất thu ngân sách nhà nước
5. Chỉ đạo Cục thuế Tỉnh thu hồi nộp ngân sách tiền thuê đất, chậm nộp tiền thuê đất: 90.237.330.000 đồng đối với dự án Khu B Khu du lịch.
6. Tập trung thực hiện bồi thường, GPMB bàn giao đất cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án, đảm bảo tiến độ quy định trong GCNĐKĐT hoặc quyết định chủ trương đầu tư
7. Cơ quan cấp GCNĐKĐT kiểm tra, đôn đốc, xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý kịp thời đối với các dự án không thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong GCNĐKĐT, không chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định.
8. ***TỔ CHỨC THỰC HIỆN***
9. Chỉ đạo thực hiện các kiến nghị nêu tại mục II Phần thứ ba nêu trên.
10. Tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm và rút kinh nghiệm, có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, sai sót đã nêu trong Kết luận thanh tra.
11. Gửi báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra, các biện pháp và thời gian khắc phục những tồn tại, sai sót của tập thể, cá nhân về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày…/…/2019

### Sở KH&ĐT thanh tra việc thực hiện đấu thầu, đầu tư xây dựng tại huyện.

#### Dự kiến nội dung thanh tra

* + 1. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công

- Sự phù hợp của các dự án so với quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Kết quả lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư; kết quả điều chỉnh các dự án đã được phê duyệt.

* + 1. Công tác lựa chọn nhà thầu:

- Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, HSMT, HSYC;

- Đánh giá HSDT, HSĐX; trình, thẩm định và phê duyệt kết quả đấu thầu, chỉ định thầu;

- Đánh giá chung về tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đấu thầu theo quy định pháp luật về đấu thầu.

* + 1. Việc thực hiện đầu tư xây dựng 02 dự án

Công trình trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã V, huyện Q, tỉnh B và Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông Khu du lịch huyện Q - Giai đoạn II về các nội dung:

- Xem xét việc thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án; thiết kế bản vẽ thi công – dự toán; đấu thầu; thực hiện các hợp đồng; nghiệm thu thanh toán, quyết toán và bàn giao công trình đưa vào sử dụng;

- Kiểm tra thực tế hiện trường công trình trên cơ sở đo đạc kích thước hình học của một số kết cấu công trình đối chiếu với hồ sơ quyết toán công trình, không kiểm tra về chất lượng các bộ phận kết cấu ngầm.

* + 1. Công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

- Tổng hợp, lập kế hoạch, giao kế hoạch, phân bổ, bố trí vốn đầu tư.

- Đánh giá về nhu cầu vốn và mức độ đáp ứng cho đầu tư phát triển.

- Việc quyết toán dự án hoàn thành, nợ đọng xây dựng cơ bản.

* + 1. Công tác giám sát, đánh giá đầu tư

- Việc thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án theo quy định (số lượng dự án được giám sát đánh giá; thời gian giám sát, đánh giá đầu tư; chất lượng công tác giám sát, đánh giá đầu tư).

- Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư năm 2017 và 2018 của huyện.

#### Ví dụ minh họa Kết luận việc chấp hành pháp luật về đầu tư công; đấu thầu; giám sát đánh giá đầu tư; thực hiện dự án đầu tư công do Ban Quản lý các DAXD huyện Q được giao làm chủ đầu tư

***A. KHÁI QUÁT CHUNG***

***1. Tổ chức bộ máy của Ban quản lý các dự án xây dựng huyện Q***

Ban quản lý các dự án xây dựng huyện Q trực thuộc UBND huyện Q, được thành lập và hoạt động theo quyết định số .../.../QĐ-UB ngày .../.../1999 của UBND tỉnh B và được UBND tỉnh B quy định lại chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và cơ chế tài chính tại Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2015. Ban quản lý các dự án xây dựng huyện Q là đơn vị sự nghiệp kinh tế, có tư cách pháp nhân, được mở và sử dụng tài khoản riêng tại Ngân hàng và kho bạc Nhà nước huyện Q.

Cơ cấu tổ chức của Ban QLDA bao gồm Giám đốc, phó giám đốc (02 đồng chí) và các phòng chức năng:

- Phòng Tổ chức hành chính – Kế toán: 08 người

- Phòng Kế hoạch và quản lý chất lượng: 08 người

- Phòng kỹ thuật và quản lý thi công: 08 người

- Phòng quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng: 11 người.

***2. Chức năng nhiệm vụ***

Ban quản lý các dự án xây dựng huyện Q được UBND huyện giao làm chủ đầu tư trực tiếp quản lý và giám sát thực hiện các dự án có nguồn vốn từ ngân sách tỉnh và ngân sách huyện trên địa bàn huyện Q, từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng, thanh quyết toán dự án hoàn thành đảm bảo tính hiệu quả, tính khả thi của dự án và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Tư vấn đầu tư xây dựng công trình theo quy định của pháp luật thông qua các hợp đồng kinh tế trong các lĩnh vực: Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu.

***3. Cơ chế hoạt động***

Ban quản lý các dự án xây dựng huyện Q là đơn vị sự nghiệp, có con dấu riêng, mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước và ngân hàng trên địa bàn tỉnh B. UBND huyện Q là cơ quan chủ quản, mọi hoạt động của Ban QLCDAXD đều báo cáo và chịu sự quản lý trực tiếp của UBND huyện Q trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Chi tiêu, quản lý tài chính: Về cơ chế tài chính thực hiện theo Thông tư 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính, Thông tư 06/2019/TT-BTC ngày 21/01/2019 của Bộ Tài chính và các Nghị định, thông tư của Bộ xây dựng quy định. Nguồn kinh phí hoạt động từ ngân sách cấp cho dự án và nguồn thu từ các hợp đồng kinh tế. Nội dung chi phí thực hiện trên cơ sở quy chế chi tiêu nội bộ của Ban phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và đúng chế độ quy định của Nhà nước.

***4. Khái quát về tình hình công tác quản lý đầu tư công***

Trong giai đoạn 2017-2018, Ban quản lý các dự án xây dựng huyện Q đã giao tham mưu cho UBND huyện lập và trình thẩm định phê duyệt chủ trương đầu tư cho 28 dự án; lập, trình thẩm định phê duyệt dự án cho 27 dự án đầu tư công; Triển khai thực hiện 25 dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công (dự án cấp tỉnh phê duyệt là 11 dự án, cấp huyện phê duyệt là 14 dự án). Số lượng gói thầu xây lắp đấu thầu rộng rãi trong nước: 24 gói thầu, trong đó có 03 gói thầu đấu thầu rộng rãi qua mạng. Công tác ký kết hợp đồng, quản lý giám sát thực hiện các hợp đồng; công tác nghiệm thu thanh toán, quyết toán và bàn giao công trình đưa vào sử dụng cơ bản đảm bảo theo các quy định hiện hành.

***B. KẾT QUẢ THANH TRA***

***I. PHẠM VI THANH TRA***

***1. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư.***

Đoàn thanh tra tiến hành thanh tra công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư (báo cáo kinh tế kỹ thuật) theo quy định của Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 về việc thực hiện trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh B, Luật xây dựng đối với 16/25 dự án do Ban QLCDAXD huyện Q được giao làm chủ đầu tư triển khai thực hiện trong 2 năm 2017, 2018.

***2. Công tác lựa chọn nhà thầu***

Đoàn thanh tra tiến hành thanh tra công tác đấu thầu đối với 22 gói thầu xây lắp và các gói thầu tư vấn có liên quan thuộc 18/25 dự án đầu tư do Ban QLCDAXD huyện Q triển khai thực hiện trong 2 năm 2017, 2018.

***3. Việc triển khai thực hiện 02 dự án***

Đối với Công trình trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã V, huyện Q, tỉnh B và Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông Khu du lịch huyện Q (Giai đoạn II), Đoàn thanh tra thực hiện các nội dung:

- Xem xét việc thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án (báo cáo đầu tư, dự án đầu tư); thiết kế bản vẽ thi công – dự toán, tổng dự toán; đấu thầu; thực hiện các hợp đồng; nghiệm thu thanh toán, quyết toán và bàn giao công trình đưa vào sử dụng;

- Kiểm tra thực tế hiện trường công trình trên cơ sở đo đạc kích thước hình học của một số kết cấu công trình đối chiếu với hồ sơ quyết toán công trình, không kiểm tra về chất lượng các bộ phận kết cấu ngầm.

***4. Về công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư công***

Tình hình đầu tư XDCB các dự án sử dụng 100% ngân sách tỉnh: triển khai 23 dự án.

Tình hình đầu tư XDCB các dự án sử dụng 100% ngân sách cấp huyện: triển khai 25 dự án.

Việc quyết toán dự án hoàn thành, nợ đọng xây dựng cơ bản.

***5. Về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong 02 năm 2017 và 2018***

Đoàn thanh tra đã kiểm tra hồ sơ về hoạt động giám sát đánh giá đầu tư trong 02 năm 2017 và 2018 của Ban Quản lý các DAXD huyện Q và các báo cáo tổng hợp công tác giám sát đánh giá đầu tư năm 2017 và năm 2018.

***II. KẾT QUẢ THANH TRA***

***1. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư***

***1.1. Ưu điểm***

- Việc tham mưu, đề xuất của Ban Quản lý các DAXD huyện Q về chủ trương đầu tư cho các công trình XDCB về cơ bản phù hợp chiến lược, quy hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện Q và tỉnh B;

- Trình tự, thủ tục đầu tư (chuẩn bị, thực hiện dự án đầu tư) chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan cơ bản thực hiện đúng theo quy định của Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2016; Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định 136/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan;

- Công tác lập, trình thẩm định phê duyệt dự án do Ban được giao làm chủ đầu tư cơ bản tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đầu tư công, Luật xây dựng, các Nghị định, thông tư hướng dẫn và Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh B nay thay thế bằng Quy định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh B về quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh B.

***1.2. Tồn tại, khuyết điểm***

Một số công trình chưa xác định rõ quy mô đầu tư khi lập, thẩm định, phê duyệt dự án dẫn đến quá trình thực hiện phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần như Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông Khu du lịch huyện Q (Giai đoạn II).

***2. Công tác lựa chọn nhà thầu cho các dự án***

***2.1. Ưu điểm***

Cơ bản tuân thủ theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ. Đảm bảo thực hiện tiết kiệm trong đấu thầu và chỉ định thầu đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng các nguồn vốn trong cân đối ngân sách tỉnh, huyện trên địa bàn: Phần xây lắp tiết kiệm tối thiểu 2,5% so với giá gói thầu được duyệt; tư vấn thiết kế tiết kiệm tối thiểu 4% so với giá gói thầu được duyệt; mua sắm hàng hóa tiết kiệm tối thiểu 1% so với giá gói thầu được duyệt.

***2.2. Tồn tại, khuyết điểm***

2.2.1. Về lựa chọn nhà thầu tư vấn:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng, quy định lộ trình đăng ký thông tin nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: *“Bắt đầu từ ngày 01/7/2016, trước thời điểm đóng thầu 02 ngày làm việc, nhà thầu, nhà đầu tư chưa có xác nhận đăng ký thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia không được tham dự thầu đối với các gói thầu, dự án có hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25 và 26 của Luật Đấu thầu”.*

Tại thời điểm tiến hành thanh tra: Gói thầu tư vấn thẩm định HSMT và thẩm định KQLCNT gói thầu số 02: Điện chiếu sáng, cấp nước, cây xanh thuộc công trình Đường TL; Gói thầu số 02: Toàn bộ phần xây dựng, thiết bị (mới 100%) thuộc công trình: Trụ sở làm việc đảng ủy, HĐND, UBND xã V, huyện Q nhà thầu được chỉ định thầu là Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng DT không có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại thời điểm được chỉ định thầu. Đến ngày 29/10/2019 nhà thầu mới thực hiện đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2.2.2. Về đánh giá hồ sơ dự thầu:

+ Gói thầu xây lắp Công trình: Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công an huyện Tiên Du

Nhà thầu trúng thầu - Công ty TNHH Thương mại và Vận tải TT vi phạm điều kiện tiên quyết do không phải là doanh nghiệp cấp nhỏ và siêu nhỏ nhưng vẫn được tổ chuyên gia chấm thầu tư cách hợp lệ đạt (Nhà thầu có có vốn điều lệ 35 tỷ đồng, tổng nguồn vốn theo báo cáo tài chính năm gần nhất là 150 tỷ đồng).

Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định: *“Đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng chỉ cho phép nhà thầu là doanh nghiệp cấp nhỏ và siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp tham gia đấu thầu”.*

Khoản1, Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định: “*Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng..... Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này*”*.*

+ Công trình ĐTXD đường liên xã, huyện Q - Gói 1 Toàn bộ phần xây lắp:

HSDT của Công ty VB thiếu bảng kê khai về doanh thu xây lắp theo Mẫu số 11 của HSMT, không có tài liệu chứng minh doanh thu hàng năm từ hoạt động xây dựng không đủ cơ sở để đánh giá, tuy nhiên Tổ chuyên gia vẫn đánh giá là “Đạt”.

2.2.3. Về việc đăng tải thông tin đấu thầu

Có 08 công trình Ban QLCDAXD huyện Q không đăng tải kế hoạch đấu thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với một số gói thầu xây lắp đấu thầu rộng rãi. Hành vi này là vi phạm quy định tại khoản 1 điều 8 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013. Cụ thể:

+ Công trình Đường tỉnh ..., huyện Q;

+ Công trình Đường nối TL ... vào khu xử lý chất thải rắn huyện Q;

+ Công trình đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông Khu du lịch huyện Q (Giai đoạn II);

+ Công trình đường HL4 – Gói thầu số 4: Toàn bộ phần xây lắp hệ thống điện chiếu sáng;

+ Công trình trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã V, huyện Q, tỉnh B;

+ Công trình: Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Phòng GDĐT huyện Q;

+ Công trình: Đường TL ..., gói 2: Điện chiếu sáng, cấp nước, cây xanh;

+ Công trình cải tạo, sửa chữa trụ sở đài phát thanh truyền hình huyện Q.

***3. Việc thực hiện 02 dự án đầu tư***

***3.1. Dự án trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã V, huyện Q, tỉnh B***

Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan thực hiện công tác quản lý thi công xây dựng và lập hồ sơ thanh toán cơ bản đầy đủ, đúng trình tự.

Tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế hồ sơ, hiện trường công trình còn một số tồn tại và thiếu sót sau:

***3.1.1. Công tác lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình***

Hồ sơ lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình: Nhà thầu tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình thống kê thừa một số khối lượng thép móng, dầm, sàn; nẹp khuôn; cửa sổ kính; dây điện, mái tôn; thiếu bản vẽ chi tiết và chưa trừ khối lượng chiếm chỗ một số hạng mục; cụ thể:

a. Hạng mục nhà làm việc phần kết cấu:

- Có sai sót trong thống kê khối lượng thép móng M2A; móng MG2, dầm DT1; lỗi số học cộng khối lượng thép ĐK 6mm;

- Sai sót trong thống kế khối lượng thép 2b sàn tầng 3, thép 1a 2b sàn tầng mái;

- Sai sót trong thống kê kích thước đường kính thép dầm D5 (nhầm từ 16mm sang 20mm), dầm D6 (nhầm từ 20mm sang 18mm), không thống kê cốt thép dầm D10 (nhầm sang dầm DM10);

b. Hạng mục nhà làm việc phần kiến trúc:

- Lỗi số học khi tính khối lượng nẹp khuôn KT 10x40mm cửa D1;

- Lỗi số học khi tính khối lượng cửa sổ kính D3;

- Lỗi số học khi tính khối lượng tấm chắn tiểu;

c. Hạng mục nhà hội trường phần kết cấu:

- Giảm trừ khối lượng trong công tác tính bê tông móng và ván khuôn gỗ móng dài của giằng tường 207,38m (không có thiết kế bản vẽ thi công);

- Khối lượng đào đắp: Khi tính khối lượng đất đắp dự toán thẩm tra không thay khối lượng đào đã tính lại;

d. Nhà hội trường phần kiến trúc:

- Giảm trừ khối lượng chiếm chỗ trần nhôm của đèn tuýp dài 0,6m 3x18w;

e. Nhà để xe nhân viên + WC ngoài nhà

- Giảm trừ khối lượng lợp mái che tường bằng tôn múi (tính theo thiết kế bản vẽ thi công);

f. Phần điện ngoài nhà và san nền

- Giảm trừ do sai sót khi tính khối lượng dây 2x4mm2 (tính theo thiết kế bản vẽ thi công);

Đoàn thanh tra kiến nghị giảm trừ chi phí xây dựng số tiền là: 136.023.080 đồng; chi phí tư vấn giám sát + tư vấn quản lý dự án số tiền là 7.709.474 đồng.

***3.1.2. Công tác thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình:***

Đơn vị tư vấn thẩm tra Trung tâm kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng còn thiếu sót trong việc rà soát sự phù hợp giữa khối lượng của dự toán và khối lượng trong bản vẽ thiết kế các công tác kể trên. Đoàn thanh tra kiến nghị giảm trừ giá trị tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình trong quá trình quyết toán công trình số tiền là: 621.000 đồng;

***3.1.3. Công tác quản lý thi công xây dựng và thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành.***

Tính đến thời điểm thanh tra, gói thầu xây lắp đã thi công xong và nghiệm thu hạng mục 100%, giá trị khối lượng xây lắp thực hiện: 23.728.000.000 đồng; giá trị thanh toán sau 3 lần (đạt 95%): 22,541,600,000 đồng; Chủ đầu tư và các bên liên quan đang lập hồ sơ trình quyết toán xây dựng công trình. Công tác quản lý thi công xây dựng và lập hồ sơ thanh toán còn tồn tại: Chủ đầu tư, nhà thầu và các đơn vị liên quan nghiệm thu, thanh toán khối lượng một số hạng mục công việc nhiều hơn thực tế thực hiện, cụ thể:

a. Cổng, hàng rào: không thi công bồn hoa cổng, phần biển hiệu không ốp gạch inax; không ốp đá mặt trên và mặt bên bảng tên và 2 trụ cổng;

Một ô hàng rào không xây, chuyển thành cửa ngách;

b. Sân bê tông và bồn hoa: không thi công bồn hoa BH3 và dải cây chuỗi ngọc;

c. Nhà để xe khách không thi công 2 hàng gạch bó vỉa và thép gia cường chân số 06;

d. Nhà làm việc 3 tầng: kích thước tấm chắn tiểu 1200x600

e. Nhà hội trường: Kích thước cửa D4 là 1200x2600;

Từ những tồn tại nêu trên, Đoàn thanh tra kiến nghị các đơn vị có liên quan rà soát hồ sơ nghiệm thu, thanh toán và kiến nghị giảm trừ trong quá trình quyết toán số tiền là 64.625.308 đồng.

***3.2. Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông Khu du lịch huyện Q (Giai đoạn II)***

Chủ đầu tư đã triển khai thực hiện trình tự thủ tục bước chuẩn bị đầu tư dự án và lựa chọn được các nhà thầu tư vấn và xây lắp cơ bản đảm bảo năng lực theo quy định.

Tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế hồ sơ, hiện trường công trình còn một số tồn tại và thiếu sót sau:

***3.2.1. Công tác lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán***

*a. Hồ sơ lập thiết kế bản vẽ thi công:* Nhà thầu tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình không thiết kế chi tiết một số hạng mục công trình dẫn đến tính toán khối lượng không chính xác, cụ thể:

- Không có thiết kế chi tiết nút giao để phục vụ công tác thi công và tính toán khối lượng lập dự toán;

- Không có thiết kế chi tiết các cống ngang đường dẫn đến việc tính toán khối lượng đào đắp không chính xác, có chồng lấn khối lượng với phần đường giao thông;

- Thiết kế cống dọc không áp mặt cắt cống vào từng trắc ngang để tính khối lượng đào đắp dẫn đến chồng lấn khối lượng đào đắp giữa phần đường với hệ thống cống dọc;

- Thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh không thiết kế lại trắc dọc thoát nước và tính toán lại khối lượng của hệ thống thoát nước khi điều chỉnh cao độ đặt cống;

*b. Công tác tính toán khối lượng và lập dự toán:* Đơn vị tư vấn thiết kế tính toán khối lượng của một số hạng mục công việc không chính xác, cụ thể:

\* Hạng mục: nền, mặt đường, hè đường, biển báo

- Đắp cát nền đường chưa trừ đi phạm vi các công trình cống, hố ga, bó vỉa.

- Khối lượng các hạng mục công việc rải thảm BTN hạt mịn, hạt thô, tưới nhựa dính bám 0,5kg/m2 và 1kg/m2 ... tính chưa chính xác, cụ thể: bảng tính khối lượng tại đoạn từ cọc 2-3; 5-6; TD3-10; 34-P4; 42-43 khối lượng phải bằng 0 do các đoạn tuyến này nằm trong phạm vi nút giao; diện tích mặt đường tại các nút giao và vuốt nối chưa trừ tấm đan thu nước.

- Khối lượng phần cấp phối đá dăm loại I và loại II tính không chính xác do đơn vị tư vấn thiết kế không đưa ra giải pháp thiết kế nút và các đoạn vuốt nối (đào, đắp, kết cấu tại phần nút…);

- Chiều dài bó vỉa tính chưa chính xác do chưa trừ đi đoạn vuốt nối và chưa tính trong phạm vi nút;

- Tính thừa công tác láng vữa XM mác 100 dày 2,0 cm trong việc tính đơn giá hạng mục công việc lát gạch terrazzo hè đường, cụ thể: trong định mức lát gạch terrazzo đã có lớp vữa lót mác M75# dày 2cm nhưng đơn vị tư vấn tính thêm công tác láng vữa XM mác 100# dày 2,0 cm.

\* Hạng mục cầu

- Phạm vi chuyển tiếp đường đầu cầu sang mỗi bên là 15 m có chồng lấn đắp đất sau mố với đắp cát nền đường.

- Tính sai khối lượng trong dự toán hạng mục công việc cấp phối đá dăm loại II do chưa chia 100 lần, cụ thể: Khối lượng trong bảng tổng hợp của hạng mục này là 23,39/m3 nhưng khối lượng trong bảng dự toán là 23,39/100m3, khối lượng đúng phải là 0,2339/100m3;

- Tính sai khối lượng thép cho 1 cọc thử dài 22m và KL ván khuôn;

- Tính sai khối lượng trong dự toán hạng mục công việc ống thoát nước bằng thép D160, cụ thể: Khối lượng trong bảng tổng hợp của hạng mục này là 3 x 641mm ống nhưng khối lượng trong bảng dự toán là 641m/3 ống, khối lượng đúng phải là 3 x 0,641m.

\* Các nội dung khác

- Nhà thầu tư vấn thiết kế có tính chi phí khảo sát vị trí đổ đất thừa nhưng không có văn bản pháp lý chứng minh có khảo sát cự ly vận chuyển đất thừa trong hạng mục nền, mặt đường, hè đường, tổ chức giao thông và hệ thống thoát nước áp dụng 7 Km, trong hạng mục cầu là 5 Km;

- Một số hạng mục công việc do bản vẽ thiết kế thể hiện không chi tiết nên Đoàn thanh tra không tính được khối lượng, cụ thể:

+ Khối lượng đắp đất K=0,95 nền đường, đào nền đường có chồng lấn với khối lượng đào đắp của cống dọc, hố ga, cống ngang đường;

+ Khối lượng đắp đất sau mố tính chồng lấn với khối lượng đường thuộc phạm vi chuyển tiếp đường đầu cầu sang mỗi bên là 15 m và khối lượng đào đắp trong mố phạm vi đóng cọc cừ thi công.

Do những tồn tại nêu trên, Đoàn thanh tra kiến nghị giảm trừ các giá trị tư vấn trong quá trình quyết toán công trình số tiền là 96.327.000 đồng

***3.2.2. Công tác thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán:*** Sở Giao thông vận tải tổ chức thẩm định còn thiếu sót trong việc thẩm định sự phù hợp giữa khối lượng của dự toán và khối lượng trong bản vẽ thiết kế; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình theo quy định tại Điều 83 của Luật xây dựng số 50/2014/QH13.

***3.2.3. Công tác quản lý thi công xây dựng và thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành.***

Tính đến thời điểm thanh tra, gói thầu xây lắp cơ bản đã hoàn thành (còn hạng mục trồng cây chưa hoàn thiện), chủ đầu tư và các bên liên quan đang lập hồ sơ trình quyết toán xây dựng công trình. Công tác quản lý thi công xây dựng và lập hồ sơ thanh toán còn một số tồn tại sau:

- Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chấm thầu sai sót trong việc kiểm soát đơn giá dự thầu của nhà thầu, cụ thể: tính thừa vật liệu gối cầu bằng cao su trong mã lắp đặt gối cầu.

- Chủ đầu tư, nhà thầu và các đơn vị liên quan nghiệm thu, thanh toán khối lượng một số hạng mục công việc nhiều hơn thực tế thực hiện, cụ thể: lớp cấp phối đá dăm loại II phần đường đầu cầu, ống thép thoát nước D160 …

- Dự án đã được điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công tại Quyết định số .../QĐ-SGTVT ngày .../.../2017. Tuy nhiên chủ đầu tư và các đơn vị liên quan không thực hiện điều chỉnh giá hợp đồng mà lấy phụ lục giá trị khối lượng hợp đồng số .../2016/HĐ-TCXD ngày .../.../2016 làm cơ sở thanh toán cho nhà thầu (Hồ sơ thanh toán đợt 4 ngày .../.../2018 có đơn giá và khối lượng các hạng mục công việc vẫn giữ nguyên như phụ lục hợp đồng ban đầu). Dẫn đến một số hạng mục công trình đã được điều chỉnh nhưng các bên vẫn tổ chức nghiệm thu thanh toán theo phụ lục hợp đồng ký kết ban đầu, cụ thể: các hạng mục làm lớp đá dăm đệm móng; đá hộc xây ốp mái vữa XM M100#; ống nhựa PVC D10 cm lỗ thoát nước đã phát sinh giảm nhưng chủ đầu tư và các đơn vị liên quan vẫn thực hiện nghiệm thu thanh toán cho nhà thầu với tổng số tiền là: 721.227.222 đồng.

- Một số hạng mục công việc bản vẽ thiết kế thể hiện không chi tiết nhưng khi tổ chức nghiệm thu, lập bản vẽ hoàn công công trình chủ đầu tư và các đơn vị liên quan không tính toán khối lượng, lập bản vẽ hoàn công theo thực tế thi công dẫn đến việc tính toán khối lượng đào, đắp có chồng lấn nhau giữa các hạng mục, cụ thể:

+ Khối lượng đắp đất K=0,95 nền đường, đào nền đường có chồng lấn với khối lượng đào đắp của cống dọc, hố ga, cống ngang đường;

+ Khối lượng đắp đất sau mố tính chồng lấn với khối lượng đường thuộc phạm vi chuyển tiếp đường đầu cầu sang mỗi bên là 15 m và khối lượng đào đắp trong mố phạm vi đóng cọc cừ thi công.

- Từ những tồn tại nêu trên Đoàn Thanh tra kiến nghị giá trị đề nghị thu hồi (làm tròn) 20.682.000 đồng và đề nghị giảm trừ trong quá trình quyết toán (làm tròn) 2.027.900.000 đồng.

***4. Công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư công***

Về việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cơ bản thực hiện đúng theo quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Ngân sách nhà nước. Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

Quản lý vốn về cơ bản chặt chẽ, sử dụng các nguồn vốn hiệu quả góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

***5. Công tác giám sát đánh giá đầu tư***

Ban Quản lý các DAXD huyện Q đã thực hiện theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện các công trình, dự án và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác giám sát đánh giá đầu tư đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, còn một số tồn tại sau:

- Về công tác giám sát đầu tư: Chủ đầu tư không tiến hành hoạt động theo dõi, kiểm tra đầu tư định kỳ. Đối với các dự án có thời gian thực hiện đầu tư trên 12 tháng, các dự án có sự thay đổi về quy mô, tổng mức đầu tư chủ đầu tư không tiến hành kiểm tra đột xuất.

- Đối với các dự án nhóm B, nhóm C trọng điểm, chủ đầu tư không lập báo cáo đánh giá kết thúc và đánh giá tác động

***C. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ***

Căn cứ kết quả thanh tra, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị UBND huyện Q, Ban QD các DAXD huyện Q và đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung sau:

***1. Kiến nghị UBND huyện Q tổ chức, chỉ đạo và yêu cầu Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Q:***

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan để xảy ra các tồn tại, sai sót nêu trong kết luận thanh tra với thái độ nghiêm túc, khách quan, cầu thị và rút kinh nghiệm các dự án tiếp theo.

- Trên cơ sở các tồn tại, sai sót nêu tại Kết luận, UBND huyện Q, Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện có trách nhiệm tiến hành xử lý vi phạm theo thẩm quyền; chỉ đạo các đơn vị có liên quan thực hiện ngay các biện pháp khắc phục; Đồng thời tiến hành kiểm tra, rà soát để kịp thời ngăn chặn, khắc phục, xử lý các sai phạm tương tự (nếu có);

- Đối với các công trình đã được hoàn thành, nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp đôn đốc các nhà thầu thi công khẩn trương hoàn thiện hồ sơ quyết toán trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định.

- Tiếp tục tăng cường quán triệt đầy đủ các nội dung theo tinh thần Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 03/CT-BKHĐT ngày 24/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc chấn chỉnh công tác đấu thầu, tăng cường hiệu lực, hiệu quả và đẩy lùi tình trạng tiêu cực, vi phạm trong đấu thầu đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của Ban QLCDAXD huyện.

- Tăng cường tỷ lệ đấu thầu qua mạng, tuyệt đối tuân thủ pháp luật, đảm bảo tính công bằng, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả trong công tác đấu thầu.

- Nghiêm túc triển khai thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo đúng quy định của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ, gửi báo cáo định kỳ kịp thời và đúng quy định về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Căn cứ theo khối lượng và giá trị đề nghị, thu hồi, giảm trừ của Đoàn thanh tra thực hiện yêu cầu thu hồi, thực hiện giảm trừ trong quá trình quyết toán:

+ Công trình trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã V, huyện Q, tỉnh B: Tổng số tiền đề nghị giảm trừ (làm tròn) là 208.979.000 đồng *(Hai trăm linh tám triệu, chín trăm bẩy mươi chín nghìn đồng)*, Trong đó: giá trị giảm trừ xây lắp làm tròn là 200.648.000 đồng (Hai trăm triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng); Giá trị giảm trừ các gói thầu tư vấn làm tròn là 8.331.000 đồng *(Tám triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn đồng)*.

+ Công trình đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông Khu du lịch huyện Q (Giai đoạn II): Tổng số tiền đề nghị giảm trừ (làm tròn) là 2.124.264.000 đồng *(Hai tỷ, một trăm hai mươi tư triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn đồng)*; Trong đó: giá trị giảm trừ xây lắp là 2.027.938.000 đồng (Hai tỷ, không trăm hai mươi bảy triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng), giá trị giảm trừ các gói thầu tư vấn là 96.327.000 đồng *(Chín mươi sáu triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng)*

- Ban QL các DAXD huyện Q có trách nhiệm yêu cầu nhà thầu thi công công trình đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông Khu du lịch huyện Q (Giai đoạn II) thực hiện nộp về tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư số tiền (làm tròn) là: **20.682.000 đồng***(Hai mươi triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng)*

- Yêu cầu Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện chủ trì, phối hợp với nhà thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán và nhà thầu thi công công trình đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông Khu du lịch huyện Q (Giai đoạn II) lập hồ sơ thiết kế chi tiết một số hạng mục nêu trên làm cơ sở tính toán lại khối lượng đào, đắp, tính toán khu vực chồng lấn; thực hiện rà soát, kiểm tra lại toàn bộ đơn giá dự thầu của nhà thầu trước khi hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định phê duyệt quyết toán.

***2. Kiến nghị Sở Tài chính:***

Căn cứ Kết luận Thanh tra thực hiện giảm trừ trong quá trình thẩm tra trình phê duyệt quyết toán đối với 02 công trình: đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông Khu du lịch huyện Q (Giai đoạn II) và trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã V, huyện Q, tỉnh B.

***3. Giao Chánh thanh tra Sở:***

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Luật xây dựng năm 2014; Nghị định số 63/2013/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng xử lý các hành vi vi phạm đã nêu tại Kết luận (nếu còn thời hiệu xử lý vi phạm hành chính).

***D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN***

- Trưởng Đoàn Thanh tra, Chánh Thanh tra Sở, Ban QLCDAXD huyện Q và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Kết luận thực hiện;

- Ban QLCDAXD huyện Q có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện sau Kết luận thanh tra với Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất ngày .../.../2019 ;

- Giao Chánh Thanh tra Sở theo dõi, đôn đốc việc thực hiện sau Kết luận thanh tra theo quy định;

# PHẦN B. PHỤ LỤC

## 1. Tham khảo mô hình tổ chức của Ban thanh tra các dự án trọng điểm thuộc Ủy ban Cải cách và Phát triển Trung Quốc

Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư có cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ khá tương đồng với Ban Thanh tra các dự án trọng điểm thuộc Ủy ban Cải cách và Phát triển Trung Quốc (trước đây là Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước; Ủy ban Kế hoạch Phát triển Nhà nước), tương tự với Bộ Kế hoạch và Đầu tư của Việt Nam. Ủy ban Cải cách và Phát triển Trung Quốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế vĩ mô, lập kế hoạch, huy động các nguồn lực và giám sát thực hiện. So với Bộ Kế hoạch và Đầu tư của Việt Nam thì chức năng của Ủy ban có phần mở rộng hơn khi bao gồm cả lĩnh vực biến đổi khí hậu; giám sát giá cả và chống độc quyền; dự trữ quốc gia; năng lượng quốc gia.

Trách nhiệm chính của Ban Thanh tra các dự án trọng điểm là thanh tra và giám sát việc triển khai các dự án xây dựng trọng điểm thuộc Ủy ban Cải cách và Phát triển Trung Quốc; kiểm tra việc triển khai các quy định, chính sách về đầu tư của các ngành, địa phương. Ban Thanh tra các dự án trọng điểm có cơ cấu tổ chức bao gồm: Phòng Tổng hợp, Phòng Giám sát, Phòng Quản lý, các Phòng Thanh tra 1 🡪 14 và thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể:

- Tổ chức thanh tra đối với các công trình xây dựng trọng điểm, chủ yếu là công tác chuẩn bị dự án, đấu thầu, tiến độ xây dựng, chất lượng dự án, quản lý và sử dụng vốn ngân sách, quản lý hợp đồng, hoàn thành và bàn giao công trình.

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách, quy định pháp luật về đầu tư trong các ngành, lĩnh vực và tại địa phương. Đánh giá việc triển khai, kết quả thực hiện dự án và độ tin cậy của các đơn vị tham gia; nghiên cứu, kiến nghị các giải pháp về cơ chế, chính sách và quy định pháp luật liên quan đến quản lý hoạt động đầu tư xây dựng

- Tổ chức giám sát, kiểm tra tình hình thực tế thực hiện các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản của Chính phủ; nghiên cứu, kiến nghị các nội dung về quản lý dự án.

- Khi phát hiện vấn đề trong quá trình thanh tra, giám sát và kiểm tra, tuỳ tình hình khác nhau mà đưa ra kiến nghị, đề xuất xử lý phù hợp.

- Tổ chức xây dựng hệ thống thông tin thanh tra dự án, thực hiện công tác tổng hợp, phân tích tin tức thanh tra đối với dự án trọng điểm và dự án sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Chính phủ, báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra đối với các dự án trọng điểm, chỉ đạo và điều phối công tác thanh tra vốn đầu tư xây dựng cơ bản tại địa phương.

- Thực hiện các công việc khác do lãnh đạo Uỷ ban giao phó.

## 2. Một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan hoạt động thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư

**\* LUẬT**

1. Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019
2. Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017
3. Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018
4. Luật Thống kê số 89/2012/QH13 ngày 23/11/2015
5. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014
6. Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014
7. Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014
8. Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013
9. Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012
10. Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010
11. Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011

**\* NGHỊ ĐỊNH VÀ THÔNG TƯ**

**+ Lĩnh vực thanh tra, khiếu nại, luật tố cáo**

1. [Nghị định 31/2019/NĐ-CP hướng dẫn Luật tố cáo](https://www.tracuuphapluat.info/2019/04/nghi-dinh-31-2019-huong-dan-luat-to-cao.html).
2. [Nghị định 33/2015/NĐ-CP quy định việc thực hiện kết luận thanh tra](https://www.tracuuphapluat.info/2018/04/nghi-dinh-33-2015-thuc-hien-ket-luan-thanh-tra.html).
3. [Nghị định 75/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật khiếu nại](http://www.tracuuphapluat.info/2012/10/nghi-dinh-75-2012-nd-cp-huong-dan-luat-khieu-nai.html).
4. Nghị định 07/2012/NĐ-CP quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành.
5. [Nghị định 86/2011/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thanh tra 2010](http://www.tracuuphapluat.info/2011/09/toan-van-nghi-inh-862011n-cp-huong-dan.html).
6. Thông tư 05/2015/TT-TTCP quy định về giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra.
7. Thông tư 04/2015/TT-TTCP quy định công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành Thanh tra.
8. Thông tư 05/2014/TT-TTCP về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của Đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến h[ành một cuộc thanh tra](https://www.tracuuphapluat.info/2018/04/thong-tu-05-2014-trinh-tu-thu-tuc-thanh-tra.html).
9. [Thông tư 01/2013/TT-TTCP quy định về hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra](https://www.tracuuphapluat.info/2018/04/thong-tu-01-2013-thuc-hien-ket-luan-thanh-tra.html)

**+ Lĩnh vực đầu tư công**

1. Nghị định 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 về giám sát và đánh giá đầu tư.
2. Nghị định 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 16/2016/NĐ-CP ngày 13/3/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.
3. Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 77/2015 kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành Luật đầu tư công, sửa đổi, số 161/2016/NĐ-CP về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.
4. Nghị định 161/2016/NĐ-CP Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.
5. Nghị định 50/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
6. Nghị định 16/2016/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
7. Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công.
8. Nghị định 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 về giám sát đánh giá đầu tư
9. Nghị định 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.
10. Thông tư 52/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư 08/2016/TT-BTC và Thông tư 108/2016/TT-BTC.
11. Thông tư 108/2016/TT-BTC sửa đổi Thông tư 08/2016/TT-BTC Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
12. Thông tư 08/2016/TT-BTC quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước

**+ Lĩnh vực đấu thầu**

1. [Nghị định 30/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư](http://www.tracuuphapluat.info/2015/07/nghi-dinh-30-2015-huong-dan-lua-chon-nha-dau-tu.html).
2. [Nghị định 63/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đấu thầu](http://www.tracuuphapluat.info/2015/03/nghi-dinh-63-2014-huong-dan-lua-chon-nha-thau.html).
3. Thông tư 16/2016/TT-BKHĐT hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.
4. Thông tư 14/2016/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu dịch vụ phi tư vấn.
5. [Thông tư 23/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu](https://www.tracuuphapluat.info/2018/05/thong-tu-23-2015-quy-dinh-lap-bao-cao-danh-gia-ho-so-du-thau.html).
6. [Thông tư 19/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu](https://www.tracuuphapluat.info/2018/05/thong-tu-19-2015-lap-bao-cao-tham-dinh-lua-chon-nha-thau.html).
7. [Thông tư 11/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết việc lập hồ sơ yêu cầu đối với chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh](https://www.tracuuphapluat.info/2018/05/thong-tu-11-2015-lap-ho-so-yeu-cau-chi-dinh-thau.html).
8. Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
9. [Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT Quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa](http://www.tracuuphapluat.info/2015/07/thong-tu-05-2015-ve-ho-so-moi-thau-mua-sam-hang-hoa.html).
10. [Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT Quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp](http://www.tracuuphapluat.info/2015/07/thong-tu-03-2015-ve-lap-ho-so-moi-thau-xay-lap.html).
11. Thông tư 01/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập Hồ sơ mời quan tâm, Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu dịch vụ tư vấn.

**+ Lĩnh vực đầu tư**

1. Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.
2. Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).
3. Nghị định 32/2017/NĐ-CP về tín dụng đầu tư của Nhà nước
4. Nghị định 131/2015/NĐ-CP hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia.
5. [Nghị định 118/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật đầu tư](https://www.tracuuphapluat.info/2019/09/nghi-dinh-118-2015-huong-dan-luat-dau-tu.html).
6. Thông tư 88/2018/TT-BTC quy định về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư.
7. Thông tư 09/2018/TT-BKHĐT hướng dẫn thực hiện Nghị định 63/2018/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
8. Thông tư 81/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư 83/2016/TT-BTC.
9. [Thông tư 83/2016/TT-BTC hướng dẫn thực hiện ưu đãi đầu tư quy định tại Luật đầu tư và Nghị định 118/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật đầu tư](https://www.tracuuphapluat.info/2019/09/thong-tu-83-2016-huong-dan-thuc-hien-uu-dai-dau-tu.html).

**+ Lĩnh vực xây dựng**

1. Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 59/2015/NĐ-CP.
2. [Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng](http://giaxaydung.vn/resources/nghi-dinh-so-59-2015-nd-cp-cua-chinh-phu-ve-quan-ly-du-an-dau-tu-xay-dung.67/).
3. [Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng](http://giaxaydung.vn/resources/nghi-dinh-so-32-2015-nd-cp-ngay-25-3-2015-cua-chinh-phu-ve-quan-ly-chi-phi-dau-tu-xay-dung.7/).
4. Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.
5. [Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng](http://giaxaydung.vn/threads/thong-tu-s-06-2016-tt-bxd-ngay-10-03-2016-huong-dn-xac-dnh-va-quan-ly-chi-phi-du-tu-xay-dng.72171/post-212928).

## 3. Một số mẫu, biểu áp dụng trong hoạt động thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư

***MẪU SỐ 01***

|  |  |
| --- | --- |
| (1) …………….……….…  (2)…………………..……  Số: /QĐ - .….(3) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……….,ngày….tháng…..năm.....…* |

##### **QUYẾT ĐỊNH**

##### **Về việc thanh tra...................................…(4)**

# 

# ……………………………………….......(5)

# Căn cứ Luật thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

# Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra;

Căn cứ………………………………….……..……………………….……………..(6);

Căn cứ …………………………………….…..……………………………………..(7);

Căn cứ ……………………………….…..…………………………………………..(8);

Xét đề nghị của..…………………….……………………………..………………..(9),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thanh tra ………………………….………..…………………….…..(10);

Thời kỳ thanh tra:…………………………………………………………………..

Thời hạn thanh tra là……. ngày, kể từ ngày công bố Quyết định thanh tra.

**Điều 2.** Thành lập Đoàn thanh tra, gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1.………..……..………..…………………….………….……………...., Trưởng đoàn;

2. …………….………………….……………..………..…, Phó Trưởng đoàn (nếu có); 3. …………..………………..………………..……………..…………...…, thành viên;

……………………………………………….……………………..……………………

**Điều 3.** Đoàn thanh tracó nhiệm vụ .....................................................................(11)

Giao cho (9) chỉ đạo, theo dõi, giúp (5) xử lý hoặc trình (5) xử lý theo thẩm quyền các kiến nghị của Đoàn thanh tra.

**Điều 4.** Các ông (bà) có tên tại Điều 2, (9), (12), (13) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - (1);  - Như Điều 4;  - Lưu:… | …………..…………(5)  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

------------------------------------------------------------------------------------------------------------

*(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).*

*(2) Tên cơ quan ra quyết định thanh tra.*

*(3) Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành quyết định thanh tra.*

*(4) Tên cuộc thanh tra.*

*(5) Chức danh của người ra quyết định thanh tra.*

*(6) Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (nếu có).*

*(7) Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ra quyết định thanh tra.*

*(8) Kế hoạch thanh tra được cấp có thẩm quyền phê duyệt (thanh tra theo kế hoạch); tên văn bản chỉ đạo hoặc quyết định của người có thẩm quyền về việc tiến hành thanh tra (đối với cuộc thanh tra đột xuất).*

*(9) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tham mưu đề xuất tiến hành thanh tra (nếu có).*

*(10) Đối tượng thanh tra, nội dung thanh tra, phạm vi thanh tra, niên độ thanh tra…*

*(11) Nhiệm vụ của Đoàn thanh tra.*

*(12) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện cuộc thanh tra.*

*(13) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân là đối tượng thanh tra*

***MẪU SỐ 02***

|  |  |
| --- | --- |
| (1) …………….……….…  (2)…………………..…… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………., ngày….tháng…..năm .....…* |

#### KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH THANH TRA

Thực hiện Quyết định thanh tra số….....ngày….../…../….. của.………...........(3) về việc.................................(4), Đoàn thanh tra lập kế hoạch tiến hành thanh tra như sau:

**I. Mục đích, yêu cầu**

1. Mục đích……..………...………………….................…………….……....................

2. Yêu cầu.........................................................................................................................

**II. Nội dung thanh tra**

………………..……………….…………………….……………….………………..(5)

**III. Phương pháp tiến hành thanh tra**

………………………………………….…………..……………………………(6)

**IV. Tổ chức thực hiện**

- Tiến độ thực hiện:

- Chế độ thông tin, báo cáo:

- Thành viên tiến hành thanh tra:

- Điều kiện vật chất đảm bảo thực hiện cuộc thanh tra:

- Những vấn đề khác (nếu có):……………….…………………………………….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phê duyệt của người ra quyết định thanh tra  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |  | Trưởng đoàn thanh tra  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Nơi nhận:***

- (3);

- Lưu:….

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

*(1) Tên cơ quan tiến hành thanh tra.*

*(2) Tên Đoàn thanh tra.*

*(3) Chức danh của người ra quyết định thanh tra.*

*(4) Tên cuộc thanh tra.*

*(5) Phạm* *vi, nội dung, đối tượng, thời kỳ, thời hạn thanh tra; những nội dung trọng tâm, trọng điểm tiến hành thanh tra.*

*(6) Phương pháp, cách thức tiến hành thanh tra.*

***MẪU SỐ 03***

|  |  |
| --- | --- |
| (1) …………….……….…  (2)…………………..…… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………., ngày….tháng…..năm .....…* |

**BIÊN BẢN**

**Công bố Quyết định thanh tra**

#### Vào hồi…...giờ…ngày..…tháng..….năm...…., tại……………(3), Đoàn thanh tra theo Quyết định số…....ngày….../…./....của...................(4) tiến hành công bố Quyết định thanh tra về……………………………………………………………………….................(5).

***I. Thành phần tham dự gồm có:***

1. Đại diện cơ quan tiến hành thanh tra:

Ông (bà).................................................chức vụ...............................................................

2. Đoàn thanh tra:

Ông (bà)..…………………..………….chức vụ…….......................................................

Ông (bà)………………………….……chức vụ ………………......................................

…………………………………………….……………………………………………..

3. Đại diện ……………………………………………………………………...…..(6):

Ông (bà)…………………………..……chức vụ..............................................................

Ông (bà)………………………..………chức vụ …………..….......................................

………………………………………………………….………………………………..

4. Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan(nếu có):

Ông (bà)………………………..………chức vụ …………...…......................................

…………………………………………………………………………….……………..

***II. Nội dung :***

1. Trưởng đoàn thanh tra đọc toàn văn Quyết định thanh tra số… ngày…/..../…. của…….............(4) về việc………………..(5) và phổ biến tóm tắt mục đích, yêu cầu, nội dung kế hoạch thanh tra; nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra; thống nhất lịch làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. ………………………………………………….…………………………………..(7)

3. …………………………………………….………………………………………..(8)

Việc công bố Quyết định thanh tra kết thúc hồi giờ ..... ngày ....../…../.........

Biên bản công bố quyết định thanh tra đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trưởng đoàn thanh tra  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)* | .....................................(6)  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | Người ghi biên bản  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**-------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

*(1) Tên cơ quan tiến hành thanh tra.*

*(2) Tên Đoàn thanh tra.*

*(3) Địa điểm công bố quyết định thanh tra.*

*(4) Chức danh của người ra quyết định thanh tra.*

*(5) Tên cuộc thanh tra.*

*(6) Cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân là đối tượng thanh tra.*

*(7) Ý kiến của đại diện cơ quan tiến hành thanh tra; của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra; của Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của đối tượng thanh tra (nếu có); của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).*

*(8) Ý kiến của Thủ trưởng (người đại diện theo pháp pháp luật) cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân là đối tượng thanh tra.*

***MẪU SỐ 04***

|  |  |
| --- | --- |
| (1) …………….……….…  (2)…………………..……  Số: /QĐ - .….(3) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………., ngày….tháng…..năm .....…* |

# QUYẾT ĐỊNH

# Về việc thay đổi thành viên Đoàn thanh tra

# 

# ..………………………………………. (4)

# Căn cứ Luật thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

# Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra;

Căn cứ………………………………….……..…………………….………………..(5);

Căn cứ………………………………….……………………………….……………(6);

Căn cứ Quyết định số….. ngày…./…./…. của ………………(7) về việc…..………(8);

Xét đề nghị của ……………………………………………….……………….…….(9),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cử các ông (bà) có tên sau đây tham gia Đoàn thanh tra về việc .............(8) kể từ ngày…../…../……

1. Ông (bà)………....................................., chức vụ …….………………………...

2. ………………………………..…………………...…………………………(10)

**Điều 2.** Các ông (bà) sau đây thôi không tham gia Đoàn thanh tra kể từ ngày.…../…../……..

1. Ông (bà)………...................................., chức vụ ………………………………...

2. ………………………………..………..…………….………………………(11)

Các ông (bà) có tên tại Điều nàycó trách nhiệm bàn giao công việc và tài liệu có liên quan đến nội dung thanh tra cho Trưởng đoàn thanh tra trước ngày…./…./….

**Điều 3.** Trưởng đoàn thanh tra, các ông (bà) có tên tại Điều 1, Điều 2, (12) và (13) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - (1);  - Như Điều 3;  - Lưu:… | …………..…………(4)  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

*(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).*

*(2) Tên cơ quan ra quyết định thay đổi thành viên Đoàn thanh tra.*

*(3) Chữ viết tắt tên cơ quan ra quyết định thay đổi thành viên Đoàn thanh tra.*

*(4) Chức danh của người ra quyết định thay đổi thành viên Đoàn thanh tra.*

*(5) Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (nếu có).*

*(6) Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quyết định thay đổi thành viên Đoàn thanh tra.*

*(7) Chức danh của người ra quyết định thanh tra.*

*(8) Tên cuộc thanh tra.*

*(9) Đề nghị của người tham mưu đề xuất thay đổi thành viên đoàn thanh tra(nếu có) hoặc của Trưởng đoàn thanh tra, của thành viên đoàn thanh tra*

*(10) Họ tên của những người được cử tham gia Đoàn thanh tra.*

*(11) Họ tên những người thôi không tham gia Đoàn thanh tra.*

*(12) Cơ quan,tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện cuộc thanh tra.*

*(13) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân là đối tượng thanh tra.*

***MẪU SỐ 05***

|  |  |
| --- | --- |
| (1) …………….……….…  (2)…………………..……  Số: /.….(3)  V/v cung cấp thông tin, tài liệu. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………., ngày….tháng…..năm .....…* |

Kính gửi: ………………………………….(4)

Thực hiện Quyết định thanh tra số.....ngày…./…./….của…….…..(5) về việc…..… (6),

Để phục vụ việc thanh tra, yêu cầu: ……………(4) cung cấp cho………… (2) những thông tin, tài liệu sau đây:

………………………………….…………………….………………………………….

…………………………………….……………………………………………………..

Yêu cầu ………………..(4) cung cấp đầy đủ những thông tin, tài liệu nói trên trước ngày….. /….. /…… cho …………….……….(2) theo địa chỉ …………………….……….(7).

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu:… | ………………………(8)  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)* |

-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------

*(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).*

*(2) Tên cơ quan ban hành công văn.*

*(3) Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành công văn.*

*(4) Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu.*

*(5) Chức danh của người ra quyết định thanh tra.*

*(6) Tên cuộc thanh tra.*

*(7) Địa chỉ của cơ quan ban hành công văn.*

*(8) Chức danh của người yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu.*

***MẪU SỐ 06***

|  |  |
| --- | --- |
| (1) …………….……….…  (2)…………………..…… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………., ngày….tháng…..năm .....…* |

**BIÊN BẢN LÀM VIỆC**

#### Vào hồi…...giờ……ngày…/…../…tại......…(3), Đoàn thanh tra làm việc với ........................................................(4) về việc………..………....................................(5)

1. Đại diện Đoàn thanh tra:

- Ông (bà)…………………..……………chức vụ…….………...………………………

- Ông (bà)………………………………..chức vụ...……….. ……..……………………

2. Đại diện ………………………………….......…………….……..……….………(4)

- Ông (bà)………..…………………...….chức vụ..…..……….……….………..….…...

- Ông (bà)..……………………..….…….chức vụ….………….……..…………………

3.Nội dung làm việc

. …………………………….…………………………………….…..……………… (6)

Biên bản kết thúc vào hồi …...giờ….ngày……/…../…..

Biên bản đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành .... bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đại diện Đoàn thanh tra  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | ........................(4)  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | Người ghi biên bản  *(Ký, ghi rõ họ tên)*. |

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

*(1) Tên cơ quan tiến hành thanh tra.*

*(2) Tên Đoàn thanh tra.*

*(3) Địa điểm làm việc.*

*(4) Cơ quan, đơn vị, cá nhân làm việc với Đoàn thanh tra.*

*(5) Tóm tắt nội dung làm việc.*

*(6) Nội dung, diễn biến, kết quả làm việc.*

***MẪU SỐ 07***

|  |  |
| --- | --- |
| (1) …………….……….…  (2)…………………..……  Số: /QĐ - .….(3) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………., ngày….tháng…..năm .....…* |

# QUYẾT ĐỊNH

##### **Về việc gia hạn thời gian thanh tra**

# 

# ……………………………………… (4)

# Căn cứ Luật thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

# Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra;

Căn cứ……………………………….…..……….…………………………………..(5);

Căn cứ……………………………………………….………………….……………(6);

Căn cứ Quyết định số…….. ngày …./…./….của ……….……(7) về việc....….……(8);

Xét đề nghị của Trưởng đoàn thanh tra,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Gia hạn thời gian thanh tra của Đoàn thanh tra theo Quyết định số.......ngày……/…./...….của…….…….……….……(7) về việc.........................................(8).

Thời gian gia hạn là…..…. ngày làm việc kể từ ngày…../…../……

**Điều 2.** Trưởng đoàn thanh tra, (9) và (10) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - (1);  - Như Điều 2;  - Lưu:… | …………..…………(4)  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

*(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).*

*(2) Tên cơ quan ra quyết định gia hạn thời gian thanh tra .*

*(3) Chữ viết tắt tên cơ quan ra quyết định gia hạn thời hạn thanh tra.*

*(4) Chức danh của người ra quyết định gia hạn thời hạn thanh tra.*

*(5) Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (nếu có).*

*(6) Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ra quyết định gia hạn thời hạn thanh tra.*

*(7) Chức danh của người ra quyết định thanh tra.*

*(8) Tên cuộc thanh tra.*

*(9) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện cuộc thanh tra.*

*(10) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân là đối tượng thanh tra.*

***MẪU SỐ 08***

|  |  |
| --- | --- |
| (1) …………….……….…  (2)…………………..……  V/v thông báo kết thúc thanh tra tại nơi được thanh tra. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………., ngày….tháng…..năm .....…* |

Kính gửi: …………………………………………(3)

Thực hiện Quyết định thanh tra số….ngày…/…../… của…….………………(4) về việc………………….………………….(5), Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra từ ngày…./…/… tại……………………………..(3). Đoàn thanh tra kết thúc việc thanh tra trực tiếp tại ........................................(3) từ ngày…./…./….Việc công bố công kết luận thanh tra được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình xây dựng kết luận thanh tra nếu cần xác minh hoặc cung cấp thêm thông tin, tài liệu để làm rõ nội dung trước khi kết luận thanh tra, yêu cầu …………..……..(3) cung cấp đầy đủ, kịp thời.

Đoàn thanh tra thông báo để………………….. (3) biết.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu: ….. | ……………………(6)  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**---------------------------------------------------------------------------------------------------------**

*(1) Tên cơ quan cơ quan tiến hành thanh tra.*

*(2) Tên Đoàn thanh tra.*

*(3) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.*

*(4) Người ra quyết định thanh tra.*

*(5) Tên cuộc thanh tra.*

*(6) Trưởng đoàn thanh tra.*

***MẪU SỐ 09***

|  |  |
| --- | --- |
| (1) …………….……….…  (2)…………………..……  Số: /QĐ - .….(3) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………., ngày….tháng…..năm .....…* |

# 

# QUYẾT ĐỊNH

# Về việc thu hồi tiền

# …..……………………….. (4)

# Căn cứ Luật thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

# Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra;

Căn cứ……………………………………..………………….…………….………..(5);

Căn cứ Quyết định số…... ngày…./…./….của..................(4) về việc…......…….…. (7);

Xét ................…………….........……...…(8) của…..……….......................……..…(9);

Xét đề nghị của Trưởng đoàn thanh tra,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi…………...…….………..(10) của......................................................(9)

**Điều 2.** Trong thời hạn..... ngày, kể từ ngày…./…./….,........................(9) có trách nhiệm chuyển số tiền phải thu hồi vào tài khoản tạm giữ của ……………………..(2), tại............................................................................................................................................(11)

**Điều 3.** (9), (11) và (12) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Lưu: ….. | ……………….………….(4)  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

*(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).*

*(2) Tên cơ quan ra quyết định thu hồi tiền.*

*(3) Chữ viết tắt tên cơ quan ra quyết định thu hồi tiền .*

*(4) Chức danh của người ra quyết định thanh tra.*

*(5) Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (nếu có).*

*(7) Tên cuộc thanh tra.*

*(8) Lý do của việc thu hồi tiền.*

*(9) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có tiền bị thu hồi.*

*(10) Số lượng tiền bị thu hồi.*

*(11) Kho bạc mà cơ quan ra quyết định thu hồi tiền mở để tạm giữ tiền.*

*(12) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan*

***MẪU SỐ 10***

|  |  |
| --- | --- |
| (1) …………….……….…  (2)…………………..……  Số: /.….(3)  V/v chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………., ngày….tháng…..năm .....…* |

Kính gửi: ………………………………….(4)

Thực hiện Quyết định số……ngày…./…./….của……....…..…(5) về.........................(6) Nhận thấy.....………………………………………………….………………………(7)

Căn cứ.....................(8) Luật thanh tra năm 2010 và………..…….(9), ……………..……(5) quyết định chuyển hồ sơ về……………….………(10) sang…………..……(4) để giải quyết theo quy định của pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên  - Lưu: …. | ….….……………..(5) *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*) |

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

*(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).*

*(2) Tên cơ quan ban hành công văn.*

*(3) Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành công văn.*

*(4) Tên cơ quan điều tra có thẩm quyền.*

*(5) Chức danh của người ra quyết định thanh tra.*

*(6) Tên cuộc thanh tra.*

*(7) Tóm tắt hành vi vi phạm.*

*(8) Nêu căn cứ điểm o, khoản 1, Điều 48 hoặc điểm n, khoản 1, Điều 55 Luật thanh tra.*

*(9) Nêu văn bản quy phạm pháp luật quy định về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan thanh tra với các cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm do Cơ quan thanh tra kiến nghị khởi tố.*

*(10) Hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm.*

***MẪU SỐ 11***

|  |  |
| --- | --- |
| (1) …………….……….…  (2)…………………..…… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………., ngày….tháng…..năm .....…* |

**BIÊN BẢN**

**Bàn giao hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm**

**sang cơ quan điều tra**

Vào hồi …...giờ….ngày……/…../…….., tại....................(3), chúng tôi gồm:

1- Đại diện ………………………………………..…..…………………...………(2):

- Ông (bà)………………………….……chức vụ………….………..…………………

- Ông (bà)…..…………………… ……..chức vụ…………....………………………...

2- Đại diện cơ quan điều tra…………………………………....…………..………...(4):

- Ông (bà)…..………………….…………chức vụ………….…..……..…….….……...

- Ông (bà)………………………………...chức vụ…..………..…………….……….…

Đã bàn giao hồ sơ thanh tra về……………….(5) có dấu hiệu tội phạm từ..............(2) cho …………........(4) để tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ có…………trang (có mục lục hồ sơ kèm theo).

Việc giao nhận hồ sơ hoàn thành hồi…..giờ…..ngày…../.…./……

Biên bản bàn giao hồ sơ, tài liệu đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đại diện bên giao  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |  | Đại diện bên nhận  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

*(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan bàn giao hồ sơ (nếu có).*

*(2) Tên cơ quan bàn giao hồ sơ.*

*(3) Địa điểm bàn giao hồ sơ.*

*(4) Tên cơ quan điều tra.*

*(5) Tên cuộc thanh tra.*

1. Khảo sát ban đầu:

   - Tiến hành ngay sau khi Kế hoạch thanh tra được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với thanh tra theo kế hoạch) theo quy định tại Điều 36 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12; sau khi có văn bản chỉ đạo hoặc quyết định của người có thẩm quyền về việc tiến hành thanh tra (đối với cuộc thanh tra đột xuất) theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 38 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12. [↑](#footnote-ref-1)
2. Thu thập thông tin, tài liệu, nắm tình hình để ban hành quyết định thanh tra theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 05/2014/TT-TTCP. [↑](#footnote-ref-2)
3. Thời gian khảo sát quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 05/2014/TT-TTCP. [↑](#footnote-ref-3)
4. Thời gian xây dựng báo cáo khảo sát quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư số 05/2014/TT-TTCP. [↑](#footnote-ref-4)
5. Quyết định thanh tra:

   - Căn cứ ra quyết định quy định tại Điều 38 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 và báo cáo kết quả nắm tình hình (nếu có); Quyết định thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều 44, Điều 52 Luật thanh tra và theo

   - Ban hành theo Mẫu số 04-TTr ban hành kèm theo Thông tư 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014.

   - Thẩm quyền ra quyết định quy định tại Điều 19, 20 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP, Điều 15, 16 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

   - Thời hạn thanh tra: thanh tra hành chính quy định tại Điều 45 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12; thanh tra chuyên ngành quy định tại Điều 16 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-5)
6. Kế hoạch tiến hành thanh tra:

   - Xây dựng và phê duyệt theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP; Điều 18 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

   - Thực hiện theo Mẫu số 05-TTr ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-TTCP. [↑](#footnote-ref-6)
7. Thời gian xây dựng và phê duyệt kế hoạch tiến hành thanh tra không quá 05 ngày kể từ ngày ký quyết định thanh tra, trường hợp thanh tra đột xuất thì thời hạn không quá 03 ngày. [↑](#footnote-ref-7)
8. Phổ biến kế hoạch tiến hành thanh tra: quy định tại Điều 23 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP; Điều 19 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP; Điều 19 Thông tư số 05/2014/TT-TTCP. [↑](#footnote-ref-8)
9. Việc phân công nhiệm vụ được đưa vào văn bản và được Trưởng đoàn thanh tra ký, ban hành và là tài liệu nội bộ của Đoàn. [↑](#footnote-ref-9)
10. Cộng tác viên thanh tra: quy định tại Điều 35 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12; khoản 5 Điều 8 và khoản 4 Điều 14 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-10)
11. Xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo: Quy định tại Điều 24 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP, Điều 20 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP; Điều 20 Thông tư số 05/2014/TT-TTCP. [↑](#footnote-ref-11)
12. Thời gian gửi văn bản yêu cầu: quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 05/2014/TT-TTCP. [↑](#footnote-ref-12)
13. Thông báo về việc công bố quyết định thanh:

    - Cuộc thanh tra hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP; cuộc thanh tra chuyên ngành được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP; Điều 21 Thông tư số 05/2014/TT-TTCP. [↑](#footnote-ref-13)
14. Xác định thời gian dự kiến công bố quyết định thanh tra: chậm nhất 15 ngày kể từ ngày ký quyết định thanh tra theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12; khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 49 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP; khoản 1 Điều 22, khoản 3 Điều 35 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-14)
15. Quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12; khoản 2 Điều 16 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP;. [↑](#footnote-ref-15)
16. Quy định tại Điều 45 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12; Điều 16 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-16)
17. Quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư số 05/2014/TT-TTCP; khoản 2 Điều 44 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12; khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 49 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP; khoản 1 Điều 22, khoản 3 Điều 35 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-17)
18. Điều 36 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-18)
19. Điều 37 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-19)
20. Điều 38 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-20)
21. Điều 39 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP  [↑](#footnote-ref-21)
22. Điều 40 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-22)
23. Điều 42 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP  [↑](#footnote-ref-23)
24. Quy định tại Điều 48, Điều 55 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12; Văn bản chuyển hồ sơ Mẫu số 30-TTr tại Thông tư số 05/2014/TT-TTCP. [↑](#footnote-ref-24)
25. Mẫu số 32-TTr tại Thông tư số 05/2014/TT-TTCP [↑](#footnote-ref-25)
26. Khoản 1 Điều 32 Thông tư số 05/2014/TT-TTCP. [↑](#footnote-ref-26)
27. khoản 2 Điều 49 Luật thanh tra và Điều 29 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-27)
28. Điều 25 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-28)
29. Điều 25 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-29)
30. Mẫu số 33-TTr tại Thông tư số 05/2014/TT-TTCP [↑](#footnote-ref-30)
31. khoản 2 Điều 50 Luật thanh tra [↑](#footnote-ref-31)
32. Điều 27 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-32)
33. Khoản 1 Điều 50 Luật Thanh tra năm 2010; [↑](#footnote-ref-33)
34. Khoản 1 Điều 50 của Luật Thanh tra năm 2010 [↑](#footnote-ref-34)
35. Điều 39, Luật Thanh tra năm 2010 và Điều 46 của Nghị định số 86/2011/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-35)
36. Điều 43, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-36)
37. Mẫu số 35-TTr tại Thông tư số 05/2014/TT-TTCP. [↑](#footnote-ref-37)
38. Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 01/2013/TT-TTCP [↑](#footnote-ref-38)
39. Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 01/2013/TT-TTCP [↑](#footnote-ref-39)
40. Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 01/2013/TT-TTCP [↑](#footnote-ref-40)
41. Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2013/TT-TTCP [↑](#footnote-ref-41)
42. Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 01/2013/TT-TTCP [↑](#footnote-ref-42)
43. Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 01/2013/TT-TTCP [↑](#footnote-ref-43)
44. Khoản 1 Điều 19 Thông tư số 01/2013/TT-TTCP [↑](#footnote-ref-44)